

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM
KHOA MAY THỜI TRANG

TS. VÕ PHƯỚC TẤN (hiệu đính)
KS. PHẠM NHẤT CHI MAI

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Chương 1

NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Bài 1.1: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ TRANG PHỤC

I. TRANG PHỤC: MỘT CÁI NHÌN KHÁI QUÁT

❖ Mặc là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống loài người. Nhu cầu này ngày càng được đòi hỏi ở mức cao hơn, bởi một lẽ đơn giản nó không chỉ che chắn, mà còn làm đẹp cho con người. Các cụ thường nói: “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân, chân tốt về hài, tai tốt về hoa”. Và:

Cau già khéo bổ thì non

Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa

❖ Thậm chí “hiệu quả” đạt được có khi còn bất ngờ hơn:

Gà già khéo ướp lại tơ

Nạ dòng trang điểm, gái tơ mát chông

❖ Trang phục là một trong những nhu cầu không thể thiếu của con người. Nó là tập hợp các vật phẩm nhằm bảo vệ con người khỏi ảnh hưởng của môi trường, khí hậu và tô điểm làm đẹp cho con người.

❖ Trang phục được phân chia theo các dấu hiệu: nguyên vật liệu, giới tính và tuổi tác, theo mùa

và theo công dụng. Hiện nay hơn bao giờ hết dấu ấn thời gian, mốt.....làm trang phục “bùng nổ” về kiểu cách, màu và vật liệu sử dụng.

II. TRANG PHỤC LÀ GÌ ?

❖ Về đại thể trang phục gồm có :

- Quần áo
- Nón , mũ , khăn...
- Giày , dép, guốc...
- Găng, tất
- Thắt lưng, túi xách, ví tay...
- Đồ trang sức

❖ Trong số các trang phục kể trên quan trọng nhất là quần áo, quần áo là thuật ngữ để chỉ các sản phẩm dệt được cắt may thành những vật che cơ thể con người.

❖ Áo là những sản phẩm để che phần cơ thể, từ vai trở xuống, tùy theo mức độ mà có thuật ngữ áo dài, áo lửng hay áo ngắn.

❖ Quần là những sản phẩm để che phần dưới cơ thể từ bụng trở xuống và có hai ống che chi dưới

❖ Váy là những sản phẩm che phần dưới cơ thể từ bụng trở xuống và may liền không chi thành hai ống như quần

❖ Ngoài ra còn có những loại váy liền áo được gọi là đầm

❖ Một trường hợp đặc biệt gọi là Comlê, tên gọi Comlê bắt nguồn từ tiếng Pháp Complet có nghĩa là “đầy đủ, đủ bộ”. Ví dụ áo vest với quần âu, áo vest, quần âu và áo gilê, áo vest và váy. Ngày nay đối tượng mặc Comlê có thể nói là tất cả, người ta đã tạo ra những kiểu Comlê cho nam giới, nữ giới và trẻ em và không dùng lẫn được. Tuy nhiên, thông thường người ta chỉ mặc Comlê khi thể hiện sự trang trọng trong nghi lễ ngoại giao, khi dự lễ hội...

❖ Một trường hợp đặt biệt khác của trang phục là bộ đồ. “Bộ đồ” là khái niệm chỉ một tập hợp thống nhất của các sản phẩm mặc, không nhất thiết phải đầy đủ các loại, nhưng cùng có một ý nghĩa sử dụng nào đó. Ví dụ bộ đồ tắm của phụ nữ theo một hiện nay thường có: quần tắm, áo tắm (bộ Mikini), áo khoác ngoài, mũ; Bộ đồ tắm cho nam giới thường có: quần tắm, mũ (có thể thêm khăn choàng), bộ đồ mặc nhà, bộ đồ chơi thể thao...

❖ Quần áo có nhiều loại đa dạng và phong phú. Để dễ khái quát có thể phân biệt

1. Quần áo theo giới tính và lứa tuổi :

- Quần áo nam
- Quần áo nữ
- Quần áo trẻ em

❖ Quần áo nam, nữ được chia thành quần áo cho thanh niên, quần áo cho người đứng tuổi và quần áo cho người già

❖ Quần áo cho trẻ em cũng được chia theo từng đối tượng như: tuổi nhà trẻ, tuổi mẫu giáo, tuổi học sinh phổ thông cơ sở, tuổi học sinh phổ thông trung học

❖ Sở dĩ quần áo được phân chia theo các đối tượng trên vì mỗi nhóm người có những đặc điểm về tỉ lệ cơ thể tâm sinh lý khác nhau

2. Quần áo theo mùa khí hậu :

– Do mỗi mùa có những đặc điểm riêng về khí hậu, nên quần áo phải thích hợp với mỗi mùa khí hậu trong năm. Có thể chia ra: quần áo mùa hè

– Quần áo mùa đông

– Quần áo mùa xuân và mùa thu

– Việc chọn quần áo cho phù hợp với khí hậu, thời tiết không những tạo cảm giác dễ chịu thoải mái mà còn chứng tỏ người mặc biết bảo vệ sức khỏe, có văn hoá và lịch sự

3. Quần áo theo ý nghĩa sử dụng :

– Quần áo mặc lót: Những thứ mặc sát cơ thể, chúng thường được may từ các loại vải mềm mại, có độ co giãn cao để luôn luôn bó sát cơ thể trong khi vẫn đảm bảo thoáng, vệ sinh

- Quần áo mặc thường: những thứ mặc ngoài như quần tây, áo sơmi, quần soóc...

- Quần áo mặc ngoài: những thứ khoác ngoài quần áo mặc thường như: áo vest, áo khoát...

4. Quần áo theo chức năng xã hội :

- Quần áo mặc thường ngày; bao gồm phần lớn tủ quần áo của mỗi người. Chúng được dùng thường xuyên trong sinh hoạt, lao động và học tập hằng ngày. Kiểu cách, vật liệu và màu sắc của quần áo mặc thường ngày phụ thuộc vào điều kiện sống của từng vùng (thành thị hay nông thôn...), đặc điểm nghề nghiệp (giáo viên, học sinh, công nhân, viên chức...) và nguồn thu nhập của mỗi người.

- Quần áo mặc trong dịp lễ hội, tiệc tùng... So với quần áo mặc thường ngày, loại quần áo này thường được may từ vật liệu đẹp hơn, màu sắc tươi sáng hơn hoặc sang trọng hơn. Kết cấu với các kiểu quần áo lễ hội thường có các trang phục phụ kèm theo như: găng tay, túi xách, ví, đồ trang sức ... Nam giới thường hay thắt cà vạt hoặc đính nơ trên cổ áo...

- Quần áo lao động thường là bảo hộ lao động cho công nhân hoặc các loại quần áo riêng cho từng ngành nghề. Ví dụ: áo blouse trắng, xanh cho nhân viên y tế hoặc phòng thí nghiệm, bộ váy áo có thêm đồ trang sức đơn giản dành cho nhân viên chiêu đãi hàng không, du lịch ...

– Quần áo đồng phục kiểu thống nhất bắt buộc cho mọi thành viên của một tập thể nhất định không trực tiếp lao động sản xuất như: đồng phục quân nhân, đồng phục của học sinh...

– Quần áo thể dục thể thao: tùy thuộc vào môn thể thao mà chọn kiểu quần áo thích hợp

– Quần áo trong biểu diễn nghệ thuật: là các loại quần áo đặc biệt dành cho các nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên xiếc... và các kiểu quần áo dành cho đồng đảo quần chúng dùng trong các hội quá trang, vũ hội...

– Các cách phân loại trên đây cho thấy 2 chức năng chủ yếu của quần áo là mang giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ. Giá trị sử dụng, chức năng bảo vệ cơ thể vốn là bản chất tự nhiên của quần áo thì đã rõ. Vấn đề là ở chỗ tìm hiểu thấu đáo các tính chất tiềm tàng của quần áo, ẩn dấu bên trong giá trị thẩm mỹ của nó. Mặc và làm đẹp, cái nào quan tâm hơn cái nào? Thực ra cái nọ làm nảy sinh cái kia, chúng thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng phát triển, tạo ra khái niệm “mốt”. Giờ đây, khi đã có bề dày lịch sử Mốt trở thành hiện tượng văn hóa lý thú, thu hút nhiều nhà khoa học đi sâu nghiên cứu với mục đích tìm hiểu khái niệm, bản chất cơ sở khoa học, tính thực tiễn của Mốt để trong tương lai con người có thể làm chủ hiện tượng này.

Bài 1.2: KÍCH THƯỚC, HÌNH DÁNG VÀ KẾT CẤU CỦA TRANG PHỤC

I. MẪU NGƯỜI LÝ TƯỞNG :

Mẫu người lý tưởng là người có hình dáng bên ngoài được tạo thành với các số đo chuẩn, cân đối. Các số đo của người lý tưởng là đều mà các nhà sản xuất, các công ty kinh doanh mẫu thời trang, các dây chuyền sản xuất, các công ty sản xuất Manơcanh cho công nghiệp thời trang đã gạt hái những thành công của mình. Mẫu người lý tưởng chỉ khi số đo thỏa mãn đại đa số người tiêu dùng.

– Các chuyên gia cần kích thước của người lý tưởng để tạo mẫu, làm cân đối các mẫu, các nhà thiết kế thời trang cần cân đung của người mẫu để sáng tạo ra các mẫu thiết kế mới cho các cuộc trình diễn thời trang.

– Về số đo của người lý tưởng như cố định, cân xứng. Với tư thế đứng thẳng và một cách mỹ học thì thỏa mãn với các tỉ lệ cân xứng cơ thể trong đó là ngực, eo và hông. Các chuẩn số đo này chủ yếu dựa vào các khái niệm “lý tưởng” của những nước phương tây.

II. CÁC SỐ ĐO CHUẨN TRONG CÔNG NGHIỆP THỜI TRANG VÀ CÁC CỬA HIỆU BÁN TRANG PHỤC:

1. Các số đo chuẩn trong công nghiệp thời trang:

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và các chuẩn số đo trong địa phận quốc gia, ngành công nghiệp thời trang đã thiết lập một ủy ban chuyên trách về chuẩn các số đo các loại kích cỡ và các dáng người.

2. Các số đo dành cho các cửa hiệu :

Các cửa hiệu tổng hợp như: Sears, J.C Penney đã và đang triển khai các chi tiết cụ thể bằng cách lắp ghép hình dáng người lý tưởng với nỗ lực nhằm thỏa mãn hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Một vài cửa hiệu sử dụng các số đo chuẩn của quốc gia. Ngoài ra còn có những cửa hiệu khác sử dụng các kết quả khảo sát và các mẫu tiêu biểu của người dân đưa ra. Bằng những phương pháp như vậy, được gửi các kết quả khảo sát đến người tiêu thụ xem họ cần đến những số đo nào. Sau khi các thông tin được thu nhập lại và gửi đến các nhà sản xuất và họ sử dụng chúng triển khai các mẫu thời trang cho các cửa hiệu đặt biệt.

3. Chuẩn hoá số đo :

Các cố gắng chuẩn hoá kích cỡ có nguồn gốc ở Mỹ, bắt đầu vào cuối những năm 1800 khi các nhà sản xuất ra hàng loạt đồng phục trong nông trại bằng qui trình công nghệ với các kích cỡ lớn, nhỏ và

trung bình. Việc này đã chứng minh sự kém lý tưởng về độ phù hợp cho những người nhỏ hơn hay lớn những loại kích cỡ này. Sự nỗ lực đáng chú ý tiếp theo, quân đội đã sản xuất hàng loạt các y phục phù hợp cho binh lính. Vào những năm 1901 chính quyền liên bang đã thành lập văn phòng chuyên trách về các chuẩn số đo của quốc gia (National Bureau of Standard) viết tắt là NBS. Vào những năm 1910 văn phòng chuyên trách về các chuẩn số đo thường xuyên có được từ các bộ phận lớn công chúng. Theo định kỳ văn phòng này có ấn định lại và cập nhật các chuẩn số đo.

III. PHÂN TÍCH CÁ NHÂN TỪNG DÁNG NGƯỜI:

Nhận thức được sự khác nhau của con người về cấu tạo cơ thể đã giúp cho việc giải thích tại sao các trang phục may sẵn không thể vừa vặn với tất cả các dáng người một cách hoàn hảo được. Thực tế đã tốn nhiều công sức đối với các nhà sản xuất khi họ cố gắng làm thỏa mãn các nhu cầu của tất cả các dáng người mà không nằm trong loạt chuẩn số đo họ đưa ra.

Mục đích của việc phân tích dáng người là xác định những dáng người lệch so với số đo chuẩn trung bình.

1. Các loại vai :

- Lý tưởng : Hai vai có độ dốc ít từ phần cổ
- Vai xuôi : Hai vai có độ dốc nhiều từ phần cổ
- Vai ngang: Hai vai có độ vuông từ phần cổ
- Cơ vai lớn: Bắp thịt rắn chắc, hai vai có thịt bao quanh vùng cổ
- Vai xương: Xương vai và xương đòn nhô lên

2. Các loại mông :

- Lý tưởng: cong ra bên ngoài, thon thả từ eo và tròn trên xương hông
- Hình tim: cong cong bên ngoài, dốc đứng từ eo và thật tròn hướng vào bên trong đối với bên hông
- Hình vuông: cong cong bên ngoài thon thả từ eo và rơi thẳng đến hông

3. Sự liên hệ giữa vai và mông :

- Lý tưởng : vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông từ 25 → 28 cm
- Đồng hồ cát: vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông từ 33 cm trở lên
- Đường thẳng: vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông nhỏ hơn 20 cm.
- Vai rộng : rộng vai lớn hơn rộng mông
- Vai hẹp : rộng vai nhỏ hơn rộng mông

- Ghi chú: vai rộng và hẹp – sự chênh lệch giữa eo và hông tay đổi nhiều đến hình dáng cơ thể.

4. Các loại lưng :

- Lý tưởng : lưng cong nhẹ ra ngoài
- Phẳng : lưng thẳng, không cong
- Tròn : lưng cong hẳn ra ngoài
- Gù : lưng gù nhô ra

5. Sự liên hệ giữa ngực và lưng :

- Lý tưởng : dạng ngực nhìn hơi lớn hơn lưng
- Ngực lớn, lưng nhỏ
- Ngực lép, lưng gù
- Ngực lõm : phần lõm bên trên ngực bị nhô ra
- Loại khác : ngực lớn và lưng lớn, hoặc ngực nhỏ lưng nhỏ (không thể hiện)

6. Các loại tay :

- Lý tưởng : phần thịt phẳng từ bụng tay đến khuỷu và thon dần đến cổ tay
- Gầy : phần thịt quanh hệ xương hơi ít so với tay trung bình
- Mập : tay mập ra ở bụng tay, hoặc từ đầu vai đến cổ tay

7. Các loại chân :

- Vòng kiềng : chân cong ra ngoài

- Chân chữ bát : chân cong vào và phần gối khi đi chạm nhau
- Gầy : ít thịt , mỏng dầy và hở ở bắp vế
- Đùi to : nhìn thấy phần đùi lớn hơn vòng hông
- Lý tưởng : chân thẳng, bình thường

Những đặc điểm trên có tầm quan trọng trong việc thiết kế quần áo:

- + Những người có dạng chân vòng kiềng, đùi to không nên mặc quần may bó sát từ phần đùi
- + Những người có dạng chân chữ bát không nên mặc quần bó sát ở phần dưới từ đầu gối trở xuống
- + Người có chân gầy không nên mặc quần bó sát

8. Quan hệ giữa bụng và đùi :

- Dáng chữ I : hông bằng phẳng, bụng bằng phẳng
- Dáng chữ R : hông xệ và thấp xuống, bụng lớn hơn và đùi lớn
- Dáng hình trái xoan :
- Bụng nhô ra, cao phần trên và hông nhỏ ra phần dưới thấp
- Dáng hình chữ O : bụng và hông nhô ra như nhau



9. Các dạng đứng :

Dạng đứng ảnh hưởng đến sự cân đối của trang phục, nếu trang phục không hài hòa với dáng đứng vì eo nghiêng hoặc hông cao, hay thấp, đường gấu bị hếch hoặc sà xuống hoặc tay áo bị giật làm ảnh hưởng đến sự vừa vặn và thoải mái của quần áo. Để xác định dáng đứng ta dùng dây dọi tạo một đường thẳng đứng đi ngang qua mức cá chân và quan sát qua kính để so sánh dáng đứng trình bày bên dưới

- Lý tưởng : trái tai nằm trên đường dây dọi, phần xương eo nằm trên hoặc hơi nghiêng ra trước
- Ngã về trước : trái tai và eo nằm ngã về trước so với đường dây dọi
- Thẳng đứng : trái tai nằm trên hoặc nằm nghiêng ra sau. Khuỷu tay và eo hơi nghiêng về phía trước hoặc phía sau.

Bài 1.3 : MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỐ ĐO CỦA CƠ THỂ VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRANG PHỤC

I. TỶ LỆ CÁC SỐ ĐO TRÊN CƠ THỂ:

Các số đo trên cơ thể con người là cơ sở thiết kế các dạng quần áo cho mọi lứa tuổi và mọi giới. Các loại quần áo rất đa dạng và thay đổi theo từng thời kỳ. Những thay đổi này gọi là thời trang hay là mốt. Nghệ thuật tạo mốt gắn liền với cơ thể người hay nói cách khác những đặc điểm cấu trúc và tỷ lệ cơ thể người là cơ sở của kỹ thuật tạo mốt.

1. Vòng kết cấu:

Xét từ góc độ may mặc, các bộ phận cơ thể người được quan tâm nhiều nhất là đầu, cổ, thân và tứ chi, phần thân có ngực và bụng. Mỗi bộ phận cơ thể người có một số đo đặc trưng được sử dụng trong thiết kế may mặc gọi là vòng kết cấu.

- Vòng đầu là cơ sở thiết kế mũ nón và các sản phẩm đội đầu khác
- Vòng cổ là cơ sở thiết kế bâu áo
- Ngang vai, vòng ngực, vòng bụng, vòng hông là cơ sở thiết kế rộng váy, thân quần
- Vòng đùi, vòng bắp chân, vòng cổ chân là cơ sở thiết kế ống quần
- Vòng tay là cơ sở thiết kế rộng tay áo

2. Tỷ lệ các phần trên cơ thể người:

- Trong thiết kế ta chia chiều cao cơ thể người thành 7,5 đầu
- Chiều cao đầu được tính bằng một đơn vị gọi là môđun
- Môđun là chiều dài của một bộ phận cơ thể được chọn làm cơ sở so sánh
- Chiều cao đầu được tính từ đỉnh đầu đến cằm hay bằng 1 môđun
- Tỷ lệ này không thay đổi theo lứa tuổi và giới tính. Nhờ có sự khác nhau ngay cả ở những người cùng một lứa tuổi
- Người Việt Nam đại đa số bằng 6,5 → 7 đầu. Tuy nhiên ngày nay cũng có một số người đạt 7,5 đầu
- Qua số liệu thống kê, người ta đã xác định được tỉ lệ các bộ phận cơ thể nữ loại hình thái học trung bình như sau:

Các bộ phận cơ thể	Tỉ lệ so với chiều cao cơ thể (%)
Đầu	13
Cổ	3
Thần	33
Tay	44
Chân	51
Rộng vai	21
Rộng hông	21

- Lấy tỉ lệ này so sánh, những người có đầu nhỏ hơn, phần mình ngắn hơn và tứ chi dài hơn sẽ thuộc dạng người vòng. Ngược lại, nếu có vòng đầu to hơn, mình dài hơn và tứ chi ngắn hơn đó là dạng người đoản

- Ngoài ra, cơ thể con người còn phân chia theo chiều cao. Việc nghiên cứu tạo kích thước cơ thể con người trong thiết kế quần áo có nhiệm vụ quan trọng là góp phần xác định hình dạng và kích thước các bộ phận chi tiết quần áo một cách chính xác. Vì vậy, nhờ sự hiểu biết khái niệm về cơ thể con người cho phép ta dựng được mặt trái của quần áo cùng với các chi tiết của nó.

3. Ba vùng chính của cơ thể :

- Trên cơ thể con người, tùy theo cấu trúc hình thể mà có những vùng quần áo có thể mặc bó sát hay buông lỏng. Qua nghiên cứu người ta đưa ra giới hạn các vùng này trên cơ thể như sau:

- Vùng A là vùng quan trọng nhất trong việc thiết kế quần áo và được giới hạn bởi:

+ Vòng cổ qua đốt sống cổ thứ 7

+ Ngang vai

+ Vòng nách

+ Vòng ngực

- Vùng B là vùng được giới hạn bởi đường ngực và đường eo

- Vùng C là đường được giới hạn bởi đường eo và đường hông ngay chỗ lồi nhất

4. Tỷ lệ vàng :

- Một quan hệ tỷ lệ khác được các nhà thiết kế chú ý là “Tỷ lệ vàng”. Tỷ lệ vàng này nói rằng nếu chia cơ thể ra làm 3 phần :

- + A là chiều cao cơ thể
- + B là phần lớn tính từ eo đến gót chân
- + C là phần nhỏ hơn tính từ đỉnh đầu đến eo

II. VÙNG CỬ ĐỘNG :

- Một căn cứ khác để thiết kế là vùng cử động, người ta luôn hoạt động do đó quần áo phải cho phép họ cử động thoải mái
- Vùng cử động của cơ thể người được giới hạn bởi hình cầu đi qua 5 điểm: 2 đầu bàn tay, 2 đầu bàn chân và đỉnh đầu. Kéo căng mọi kiểu quần áo bất kỳ theo hướng nào đều không vượt quá giới hạn vùng cử động này. Nói cách khác, vùng cử động là giới hạn tối thiểu cần thiết mà các nhà tạo một phải tính tới.

Bài 1.4 : VỊ TRÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO

I. NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI ĐO:

- Muốn có những bộ quần áo đẹp phù hợp với vóc dáng con người thì người thợ may phải đo trên cơ thể người đó, lấy số đo làm cơ sở thiết kế. Nếu đo sai thì người thiết kế sẽ cắt sai. Như vậy, người may có đảm bảo kỹ thuật đến đâu cũng không tạo ra một sản phẩm đẹp phù hợp với tầm vóc và ý thích người mặc.

- Mặt khác, sự phát triển cơ thể người qua từng lứa tuổi khác nhau, giới tính và từng giai đoạn phát triển của cơ thể như ở giới nữ trong lứa tuổi phát triển có sự thay đổi đột biến ở vòng ngực, vòng eo, vòng hông. Có người phát triển không cân đối như: gù, ưỡn... Để có số đo chính xác ta cần chú ý những điểm sau:

+ Trước khi đo cần phải quan sát hình dáng, tầm vóc đối tượng đo để phát hiện những khuyết tật, đặc điểm rồi yêu cầu họ đứng ngay ngắn, xóc lại cổ áo cho sát gáy, vai cân rồi mới đo.

+ Khi đo phải xác định điểm đo, điểm xuất phát phải đúng từng vị trí, từng số đo.

+ Khi đo phải đo bên ngoài áo mỏng, không đo bên ngoài áo dày hoặc túi có đựng làm số đo thiếu chính xác.

+ Khi đo vòng cổ, vòng ngực, vòng eo, vòng hông đo sát, không đo lỏng hoặc chật thước dây. Nếu người mặc thích rộng hay chật thì ta ghi chú vào phiếu đo để khi cắt sẽ gia giảm sau hoặc ghi số đo cho cử động dài hoặc rộng.

II. VỊ TRÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO:

A. Cách đo quần âu:

1. Đo dài quần: Đo bên trái từ ngang eo đến mặt trên đế giày
2. Đo dài gối: Đo bên trái, từ ngang eo đến trên gối 1cm.
3. Đo vòng eo: Đo phía trước vòng quanh eo nơi nhỏ nhất.
4. Đo vòng hông: Đo bên trái vòng quanh hông nơi to nhất.
5. Đo vòng đùi: Đo bên trái vòng quanh đùi nơi to nhất.
6. Đo vòng ống: Tùy ý
7. Đo hạ cửa quần: Có 3 cách:
 - Cách 1: Để đối tượng ngồi trên ghế đo từ ngang eo đến mặt ghế
 - Cách 2: Đo vòng quanh đáy từ lưng quần thân trước vòng qua đáy đến lưng quần thân sau $\times 4/10$.
 - Cách 3: Lấy $V_{\text{hông}}/4 + 3 \rightarrow 4 \text{ cm}$

B. Cách đo áo nam:

1. Đo dài áo: Đo từ đốt xương cổ thứ 7 đến ngang hông dài ngắn tùy ý.
2. Đo ngang vai: Đo từ đầu xương vai này sang đầu vai kia. Đo ở điểm rộng nhất và thấp nhất.
3. Đo xuôi vai: Đo giữa sống lưng từ chân cổ đến ngang điểm đầu vai thấp nhất
4. Đo dài tay: + Tay dài : Đo từ đầu vai đến dưới mắc cá tay + 3cm
+ Tay ngắn: Đo từ đầu vai đến trên cùi chỏ 6cm
5. Đo cửa tay: Đo vòng quanh búp tay nơi to nhất
6. Đo vòng cổ: Đo vòng sát chân quanh cổ qua lổm cổ
7. Đo vòng ngực: Đo vòng quanh ngực nơi to nhất
8. Đo vòng eo: Đo vòng quanh eo nơi nhỏ nhất
9. Đo vòng hông: Đo vòng quanh hông nơi to nhất

C. Cách đo áo nữ:

1. Đo dài áo: Đo từ đốt xương cổ thứ 7 đến ngang hông dài ngắn tùy ý.

2. Đo ngang vai: Đo từ đầu xương vai này sang đầu vai kia. Đo ở điểm rộng nhất và thấp nhất.
3. Đo xuôi vai: Đo giữa sống lưng từ chân cổ đến ngang điểm đầu vai thấp nhất
4. Đo dài tay: + Tay dài: Đo từ đầu vai đến dưới mắc cá tay + 3cm
+ Tay ngắn: Đo từ đầu vai đến trên cùi chỏ 6cm
5. Đo cửa tay: Đo vòng quanh búp tay nơi to nhất
6. Đo vòng cổ: Đo vòng sát chân quanh cổ qua lổm cổ
7. Đo vòng ngực: Đo vòng quanh ngực nơi to nhất
8. Đo vòng eo: Đo vòng quanh eo nơi nhỏ nhất
9. Đo hạ eo: Đo từ chân cổ đến ngang eo thẳng đường sống lưng
10. Đo vòng hông: Đo vòng quanh hông nơi to nhất
11. Đo dang ngực: Đo từ đầu ngực bên này sang đầu ngực bên kia
12. Đo chéo ngực: Đo từ lổm cổ đến đầu đỉnh ngực.

BẢNG KÍ HIỆU CÁC SỐ ĐO

STT	TÊN SỐ ĐO	KÍ HIỆU
1	Dài quần	DQ
2	Dài gối	DG
3	Vòng eo	VE
4	Vòng hông	VM
5	Vòng đùi	VĐ
6	Vòng ống	VÔ
7	Hạ cửa quần	HCQ
8	Dài áo	DA
9	Rộng vai	RV
10	Xuôi vai	XV
11	Dài tay	DT
12	Bấp tay	BT
13	Vòng cổ	VC
14	Vòng ngực	VNg
15	Cửa tay	CT
16	Hạ eo	HE
17	Dang ngực	DN
18	Chéo ngực	CN
19	Cử động	CD

III. PHƯƠNG PHÁP ĐO TRÊN CƠ THỂ NGƯỜI

Công việc đo đạc là một yếu tố chính trong việc tạo một kiểu mẫu. Đo may là một phương pháp tiết kiệm thời gian nếu chúng:

- Phục vụ cho việc thiết kế một mẫu cơ bản và phát triển một bộ thiết kế mới.
- Tạo số đo của cơ thể.
- Tham khảo để sưu tầm các mẫu mã.

Các thiết bị cần phải có cho sự đo đạc:

- Thước dây.
- Các đồ dùng để viết, vẽ.
- Ghim thẳng.
- Một biểu đồ về số mẫu.
- Thước nhựa

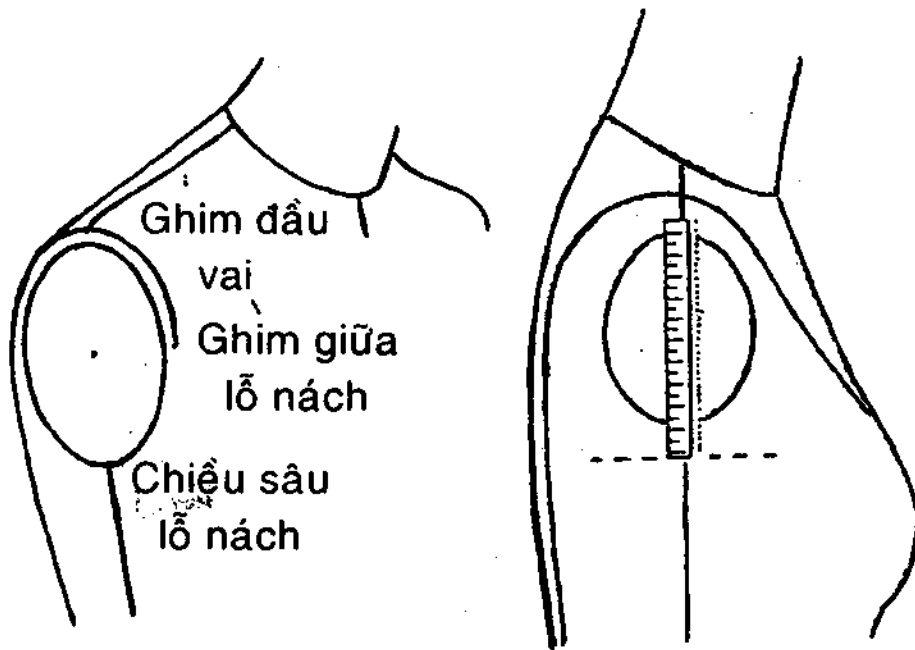
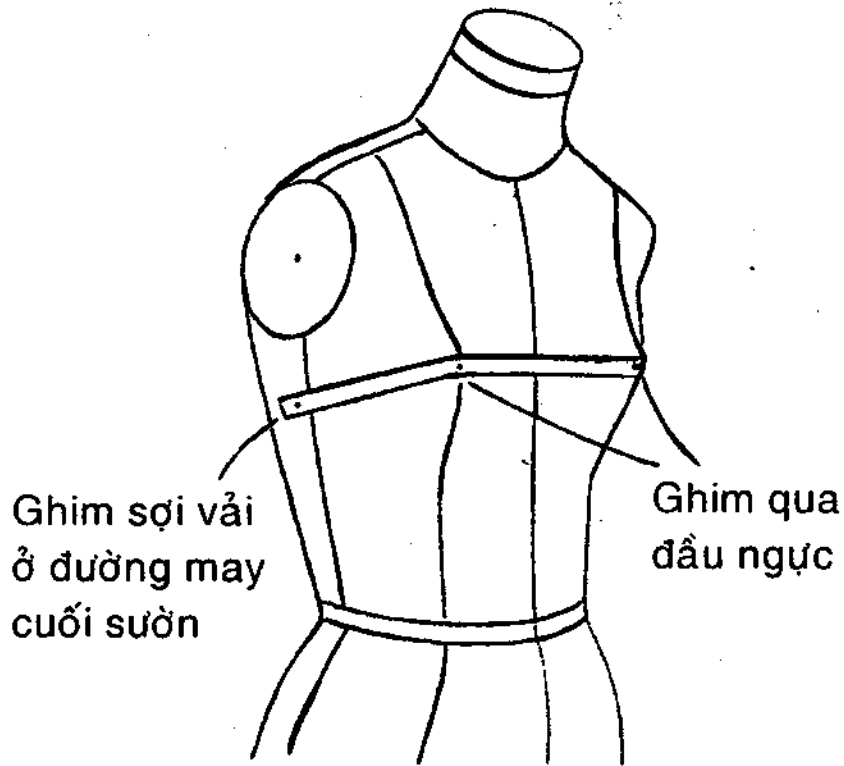
Công việc đo đạc có thể được thực hiện từ một bảng số đo tiêu chuẩn ở phía dưới hoặc được thực hiện từ số đo của vóc dáng.

1. Đo hình dáng:

Đường eo: Đo eo.

Vòng ngực: Cắt một sợi vải 4x50cm, gấp hai mép vào đến giữa và gấp đôi lại, ấn và đặt ngang qua đầu ngực, kéo đến phía cuối của đường may nối sườn và ghim. Đâm ghim qua điểm ngực. Đánh dấu chéo điểm ngực và dấu đường giữa trên vòng ngực.

2. Găm kim lỗ nách:



Giữa lỗ nách: Găm kim vào đường vòng lỗ nách trước và sau ngang với vị trí đính vai.

Đính vai: Ghim và đánh dấu điểm đính vai.

Chiều sâu lỗ nách: Chọn kích cỡ thích hợp từ số đo ở bảng bên dưới. Đo từ đầu vai qua lỗ nách tới đường nối sườn. Ghim lấy dấu.

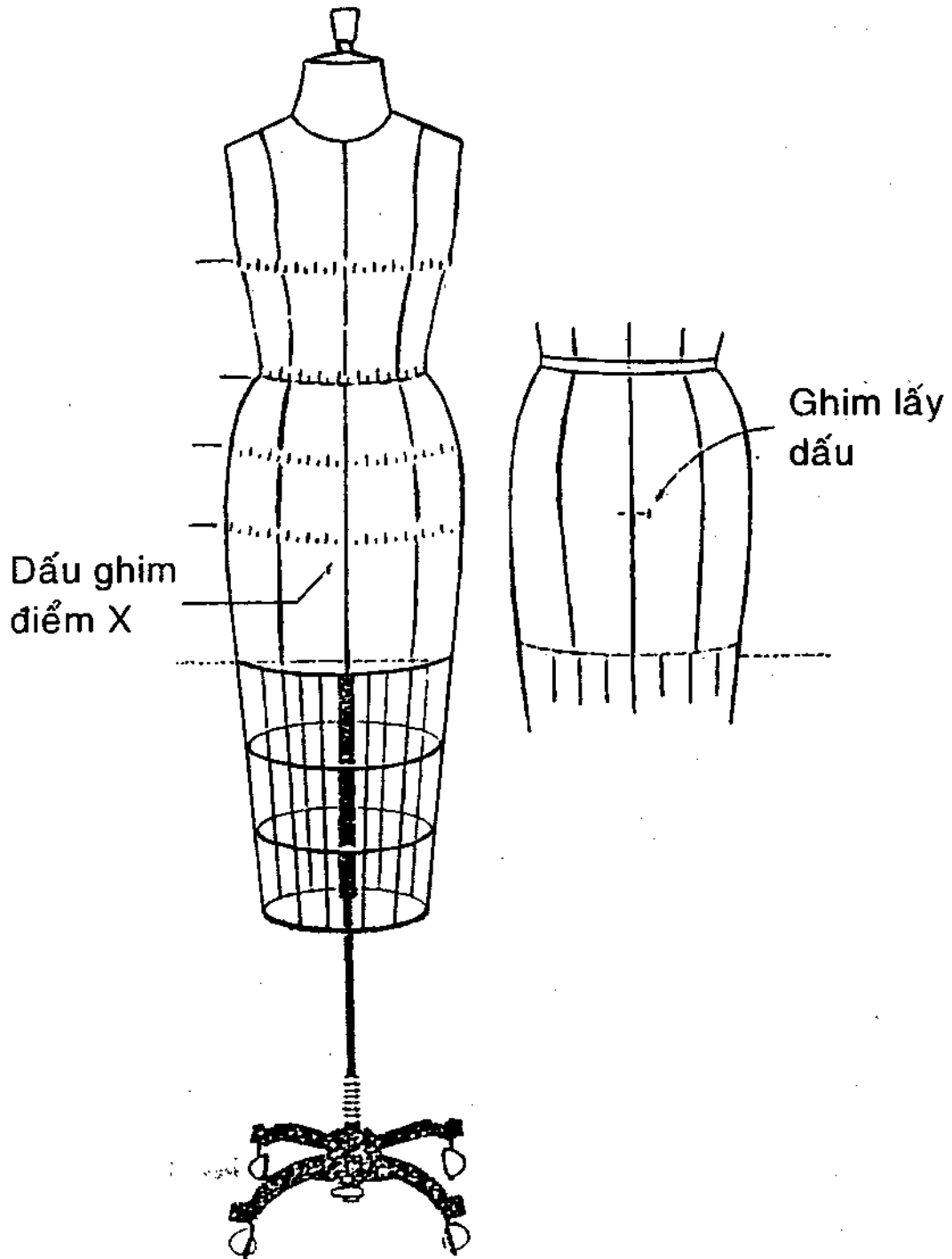
3. Đo đường cong:

Ngực (1) : Ngang qua đầu ngực và vòng phía sau

Eo (2) : Vòng quanh eo

Bụng (3) : Đo dưới eo 7,62cm

Mông (4) : Đo phần nở nhất với thước dây song song với sàn nhà. Găm kim lấy dấu mông ở đường giữa của thân trước. (Điểm X)

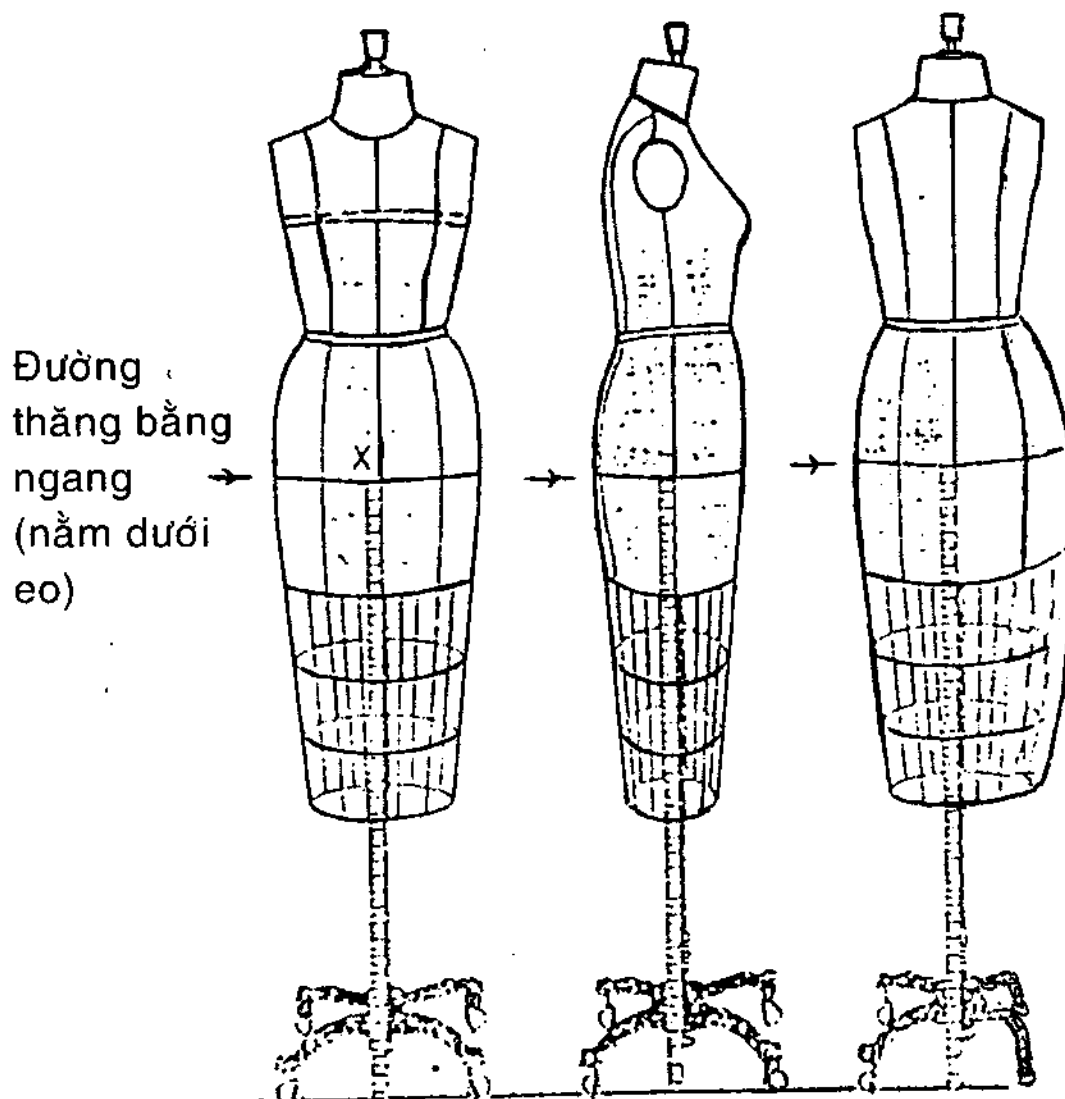


4. Đo đường thẳng bằng ngang (HBL)

Đo từ sâu hoặc mặt bàn tới điểm X

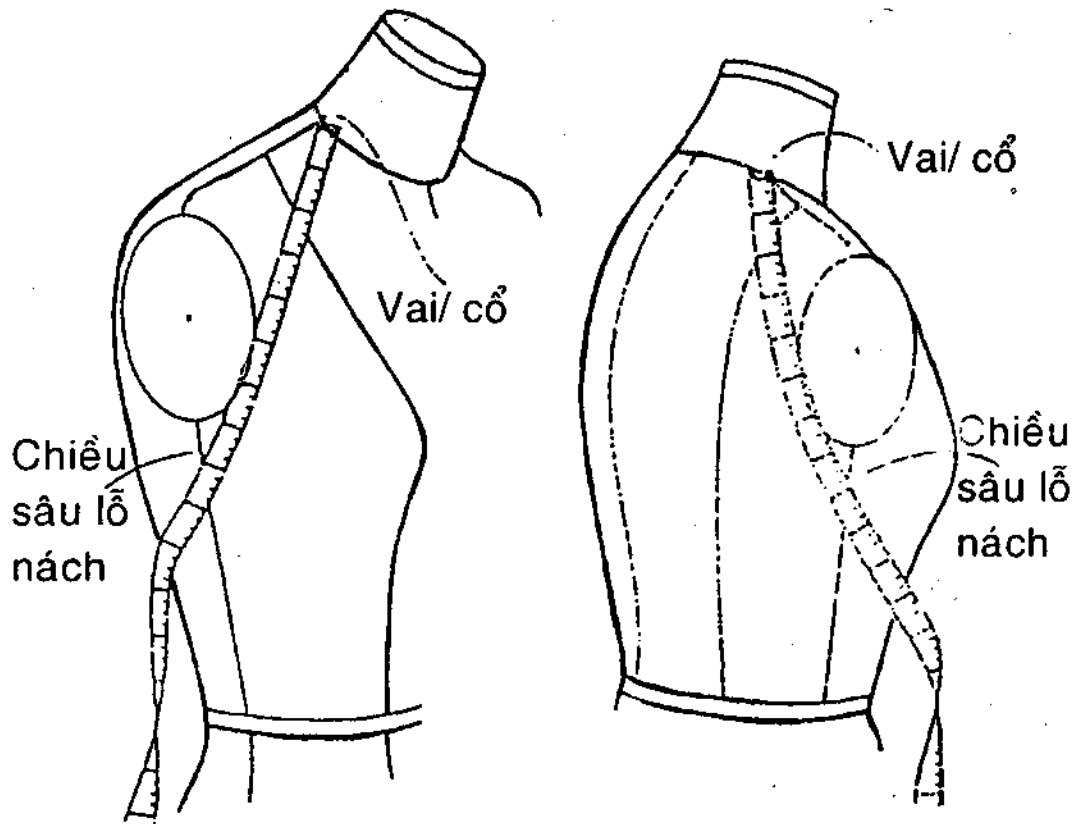
Dùng phương pháp này, đo từ sàn hoặc mặt bàn lên và lấy dấu điểm giữa thân sau và cả hai bên sườn với kim. Kiểm tra lại trước khi ghi số đo.

Kẻ một đường qua điểm hông, dùng thước nhựa đặt cạnh của thước trên điểm X và ghim đánh dấu tại đường may bên sườn. Kẻ đường thẳng. Lập lại cho tới khi đường thẳng được vẽ hoàn tất quanh quần áo. Trong công nghiệp, độ sâu của từng chuẩn cho kích cỡ các cô gái nằm dưới eo 20.32cm đến 22.86cm.



5. Đo quai:

Đo quai trước (8). Đặt đầu thước tại vai/cổ và đo xuống đến điểm ghim bên dưới lỗ nách. Thước có thể đi qua một vài điểm của vòng tròn lỗ nách. Đo quai sau (8). Lập lại quá trình này cho việc đo phía sau.



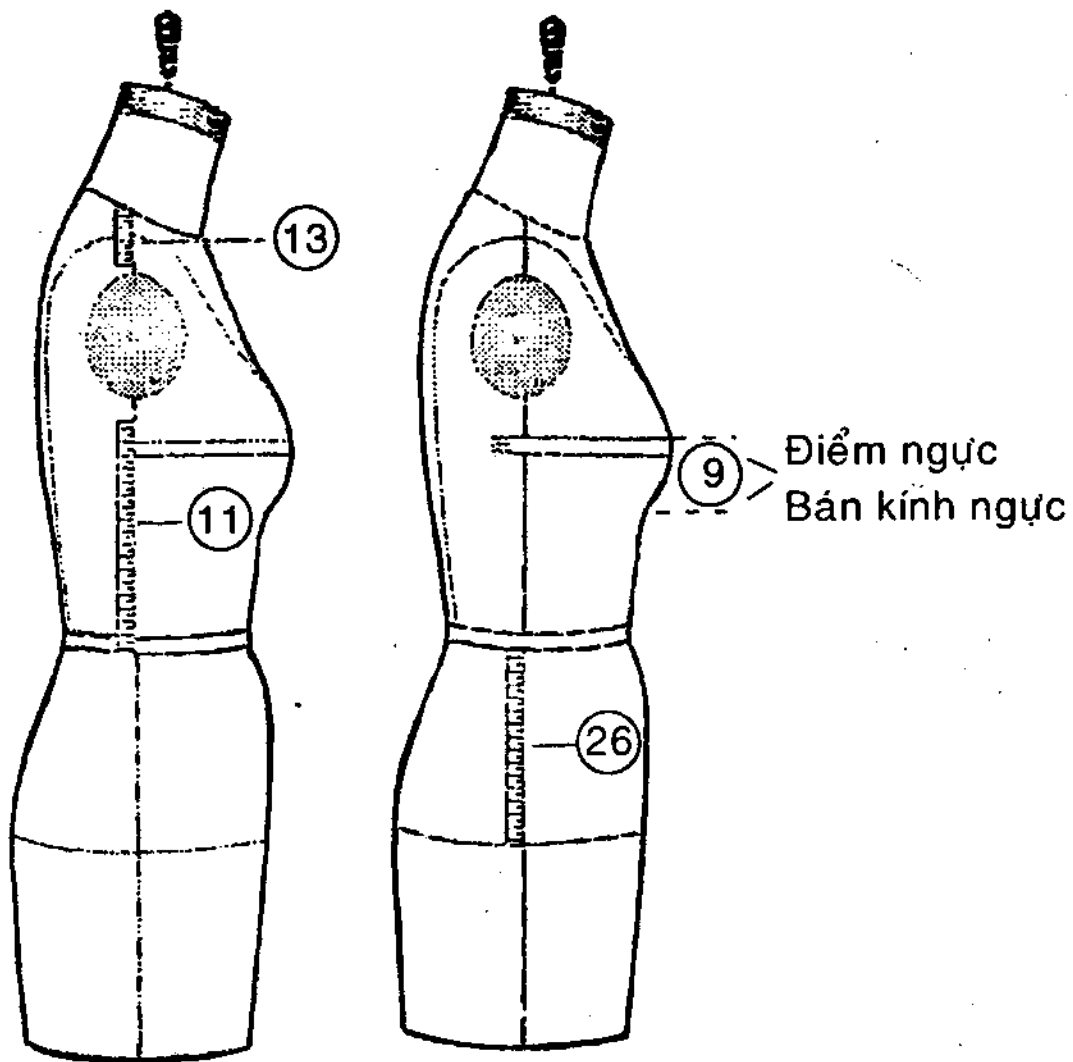
6. Đo thẳng:

Dài sườn (11): Từ chỗ ghim bên dưới lỗ nách tại đường may bên sườn đến eo sườn.

Dài vai (13): Từ đầu vai đến cổ.

Độ sâu của lườn mông (26): Từ eo sườn đến đường thẳng bằng ngang (HBL)

Bán kính ngực (9): Từ đầu ngực đến dưới gò ngực.



Đo trước và sau:

Chiều dài tâm (5). Từ cổ đến eo (qua ngực).

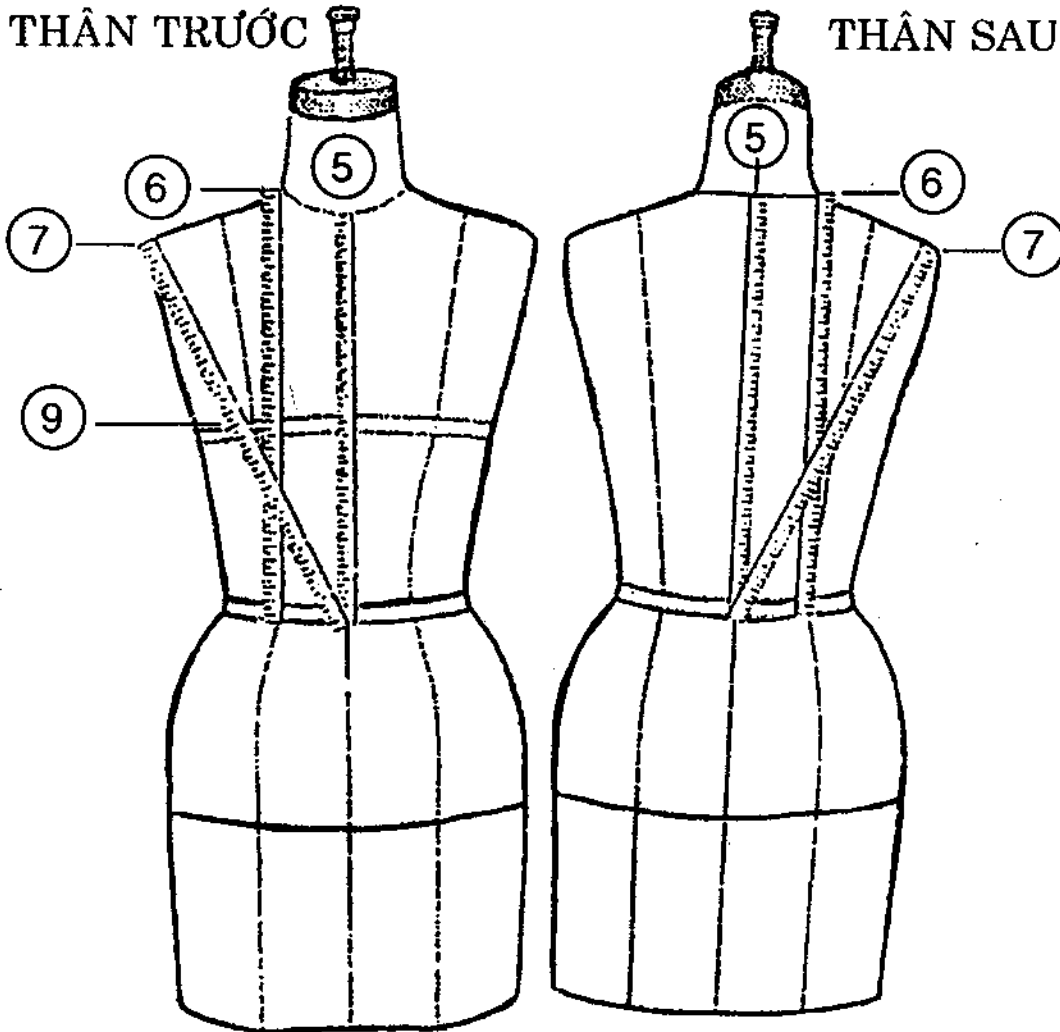
Chiều dài đủ (6). Từ eo đến điểm vai tại chân cổ, đo song song với chiều dài tâm.

Độ nghiêng vai (7). Từ tâm eo đến đầu vai.

Độ sâu ngực (9). Từ đầu vai đến đầu ngực.

THÂN TRƯỚC

THÂN SAU



7. Đo theo chiều ngang:

Thân trước

Ngang vai (14)

Vòng ngực (17)

Vòng eo (19)

Vòng bụng (22)

Chiều sâu mông (25)

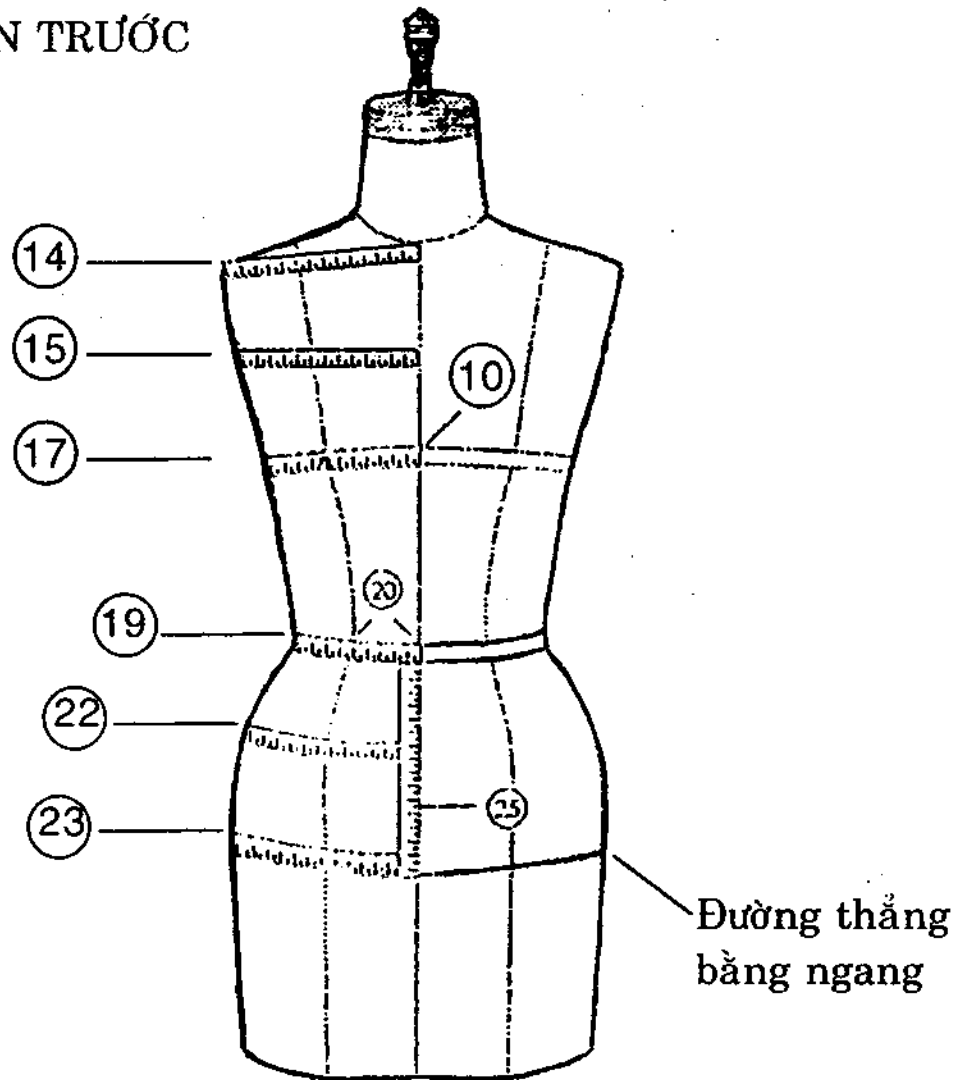
Ngang ngực (15)

Khoảng cách hai đầu ngực (10)

Đặt các nếp gấp (20) (pen)

Vòng mông (23)

THÂN TRƯỚC

*Thân sau*

Cổ sau (12)

Ngang thân sau (16)

Vòng eo (19)

Vòng bụng (22)

Chiều sâu mông (25)

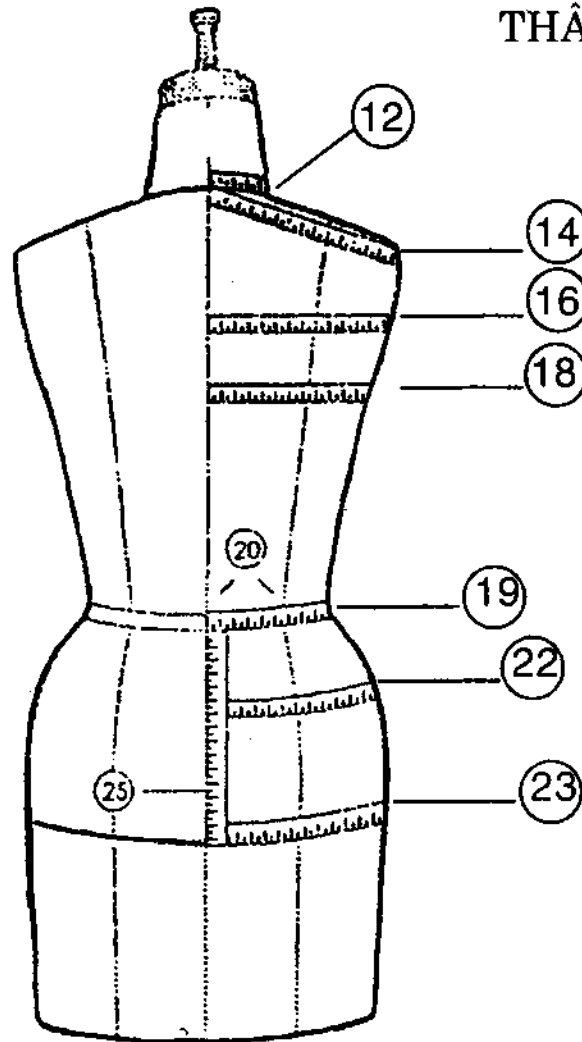
Ngang vai (14)

Vòng cong thân sau (18)

Đặt các nếp gấp (20) (pen)

Vòng hông (23)

THÂN SAU



8. Đo quần

(Cách đo dành cho eo, hông và bụng)

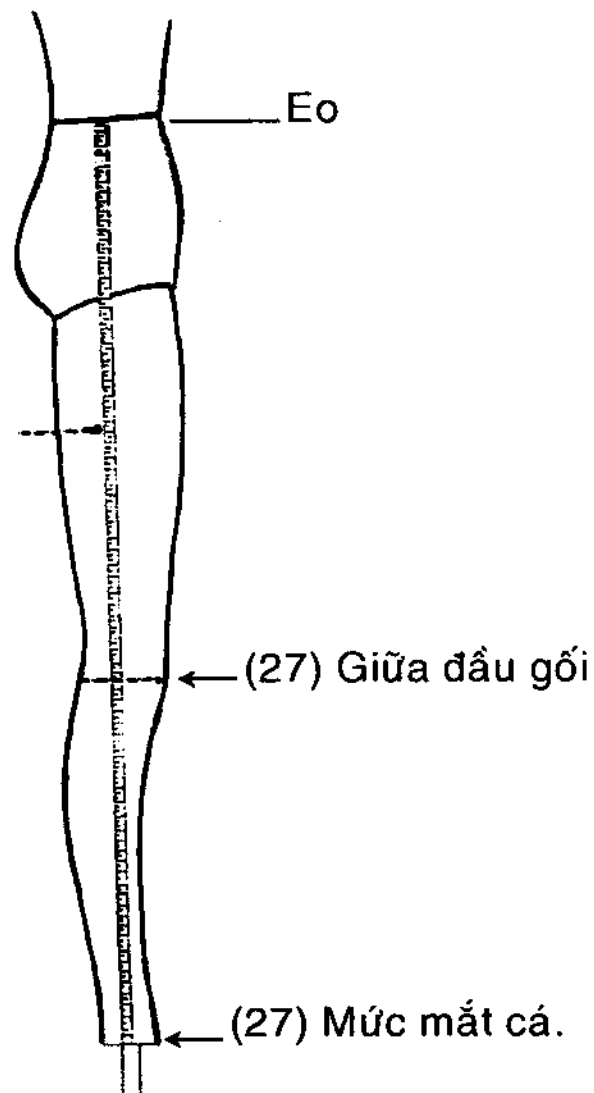
- Đo thẳng đứng

Đưa đầu thước vào dưới eo bên hông, đo đến các vị trí sau:

Đo đến cuối chân (chỗ mắt cá) (27)

Đến sàn nhà (27)

Đến đầu gối (giữa đầu gối) (27)



- Đo đường cong

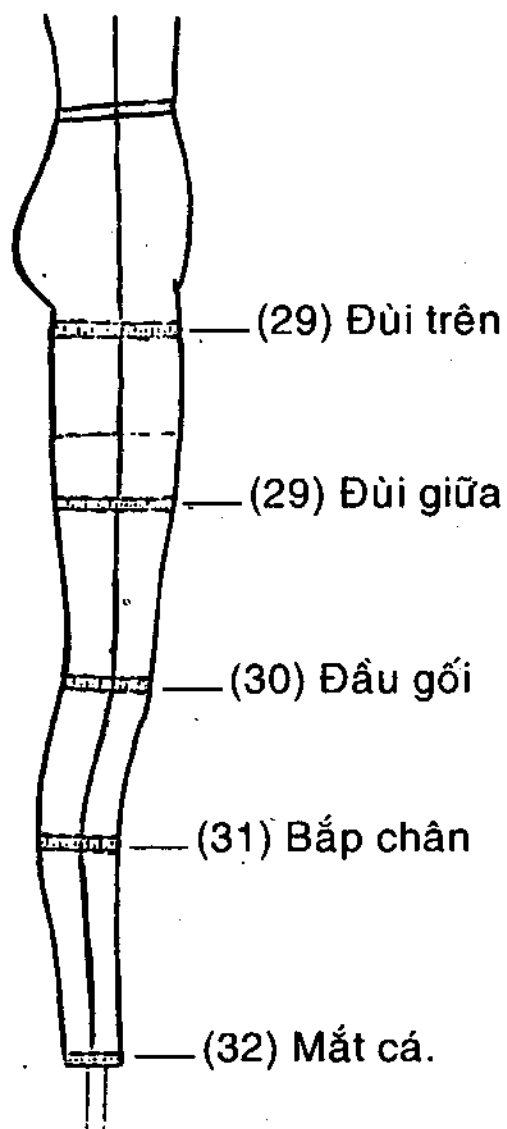
Đùi trên (29): gần đáy mõng

Đùi giữa (29): giữa đáy và đầu gối.

Đầu gối (30)

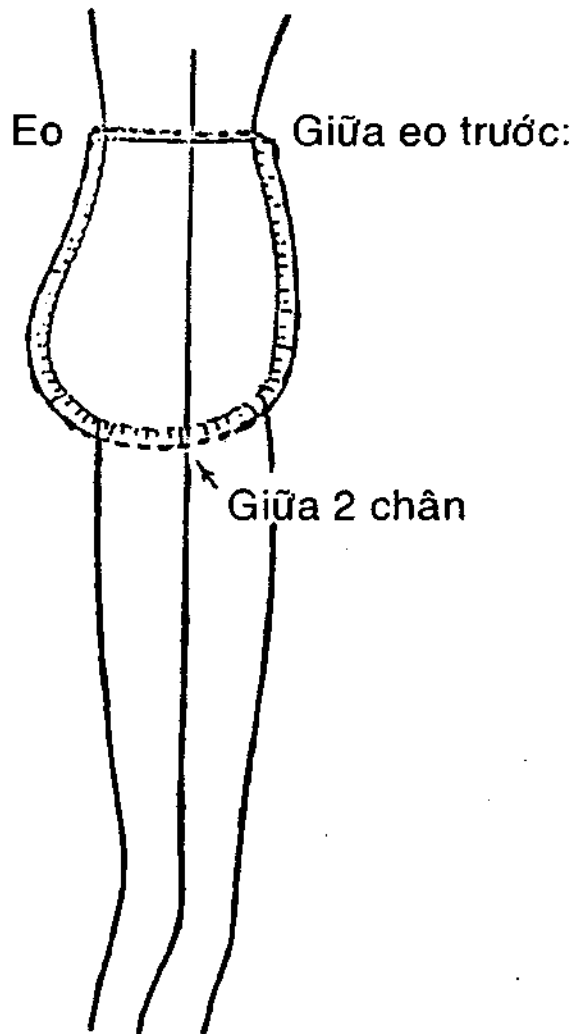
Bắp chân (31): phần to nhất bên dưới đầu gối.

Mắt cá (32)



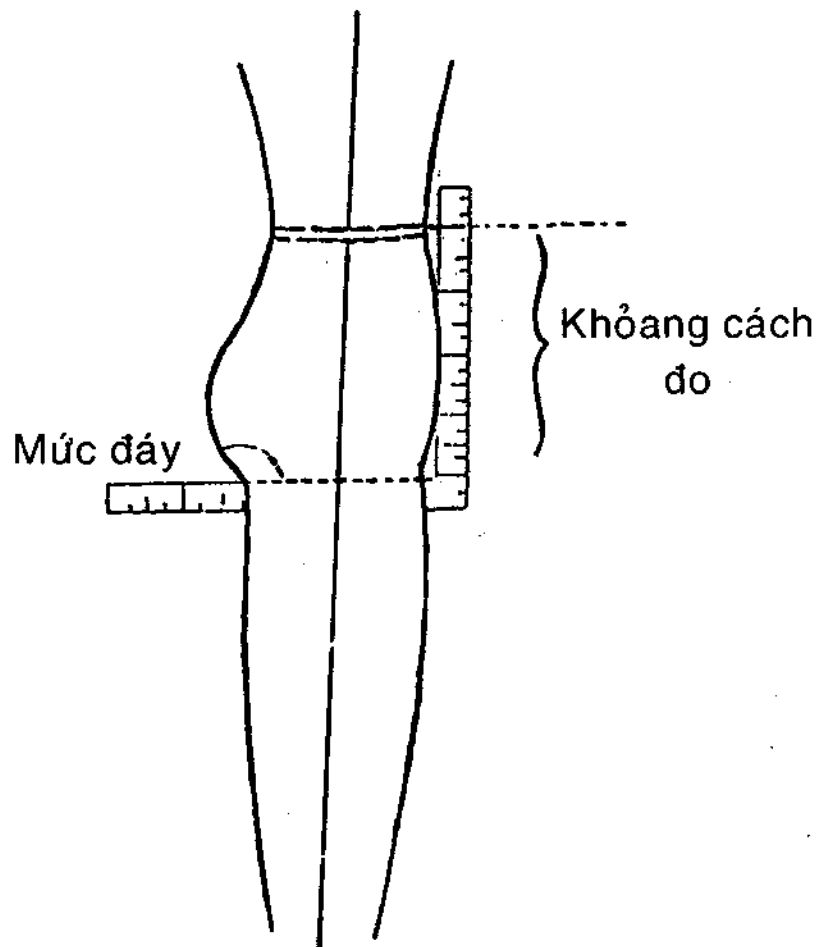
- Vòng đáy (28)

Đo từ giữa eo trước, vòng qua đáy (giữa 2 chân), đến giữa eo sau.

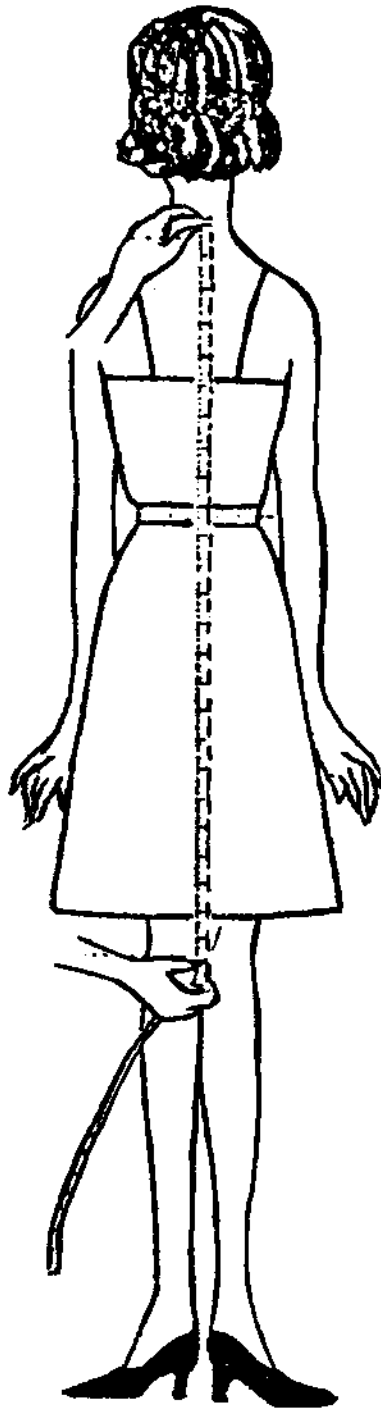


- Hạ đáy (24)

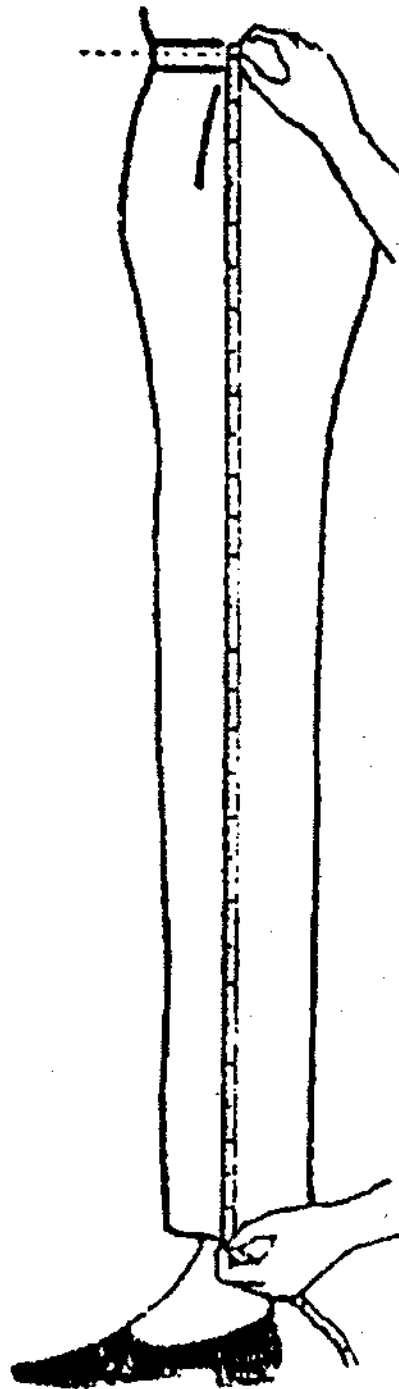
Đặt thước vuông giữa 2 chân, với hai cánh tay thước chạm bụng và đáy. Đo chiều sâu từ eo đến đáy.



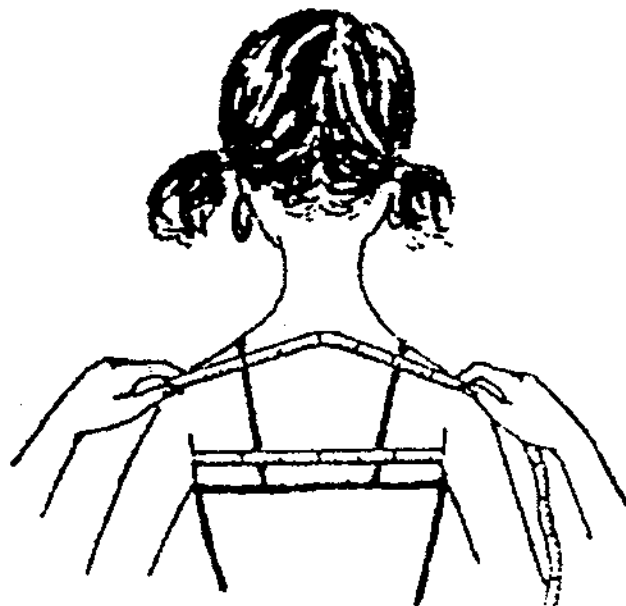
(Đo dài áo: Đo từ đốt sống
cổ thứ 7 đến ngang hông)



(Đo dài quần: Đo từ eo đến mặt trên
đế giày hoặc chiều dài tùy ý)



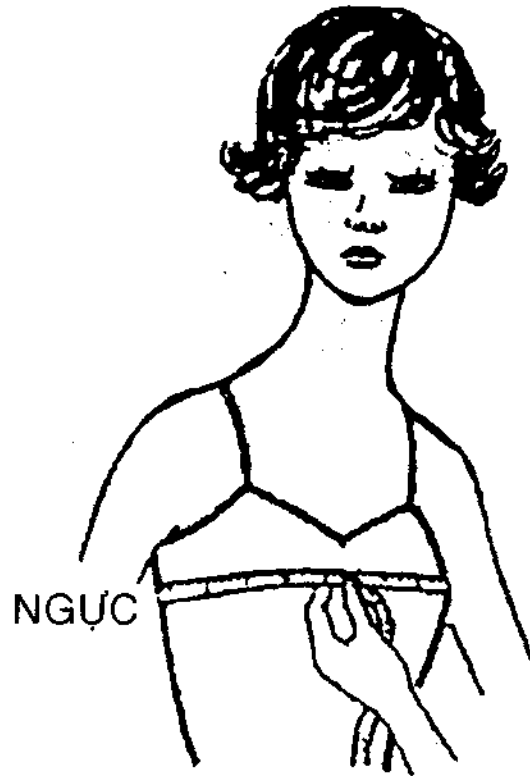
(Đo ngang vai: Đo từ đầu
vai trái sang đầu vai phải)



(Đo vòng cổ: Đo vòng quanh chân cổ)



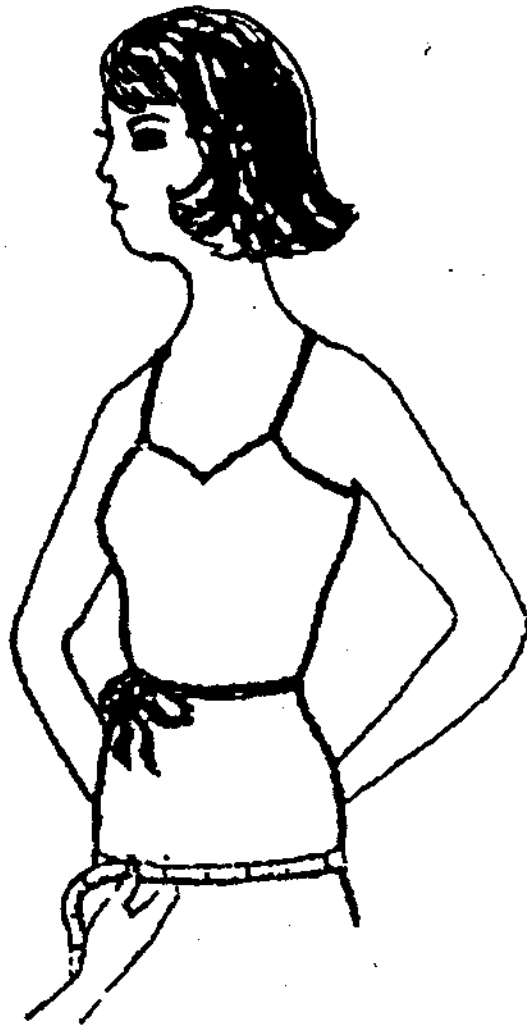
(Đo vòng ngực: Đo tại nơi to nhất)



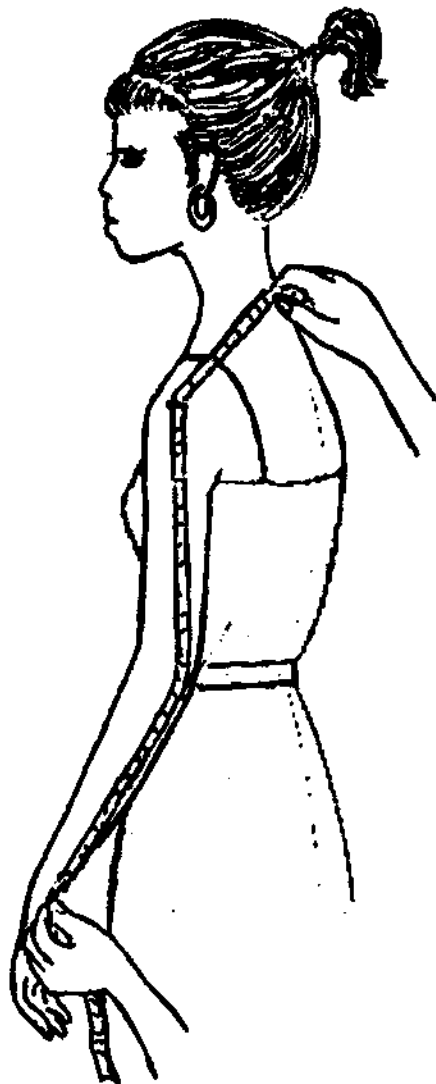
(Đo vòng eo: Đo tại nơi nhỏ nhất)



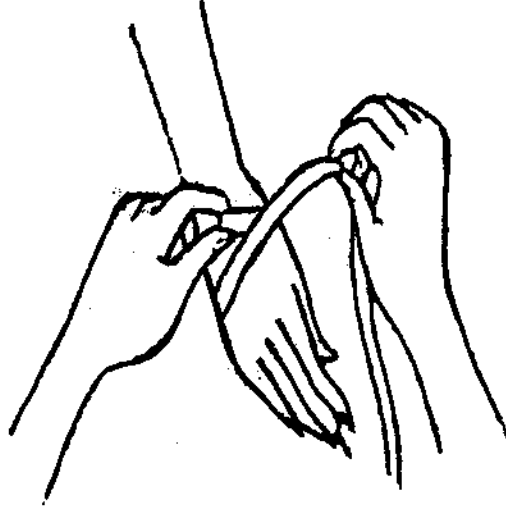
(Đo vòng ngực: Đo tại nơi lớn nhất)



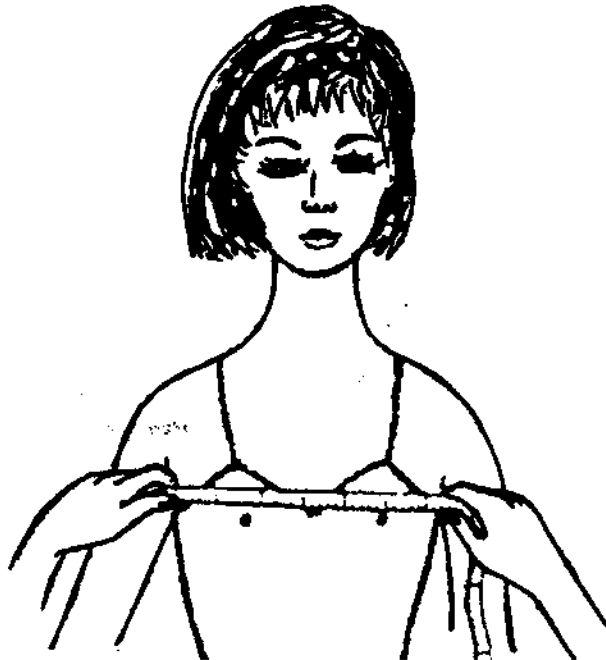
(Đo dài tay: Đo từ đầu vai hoặc
đo từ giữa cổ sau đến mắc cá tay)



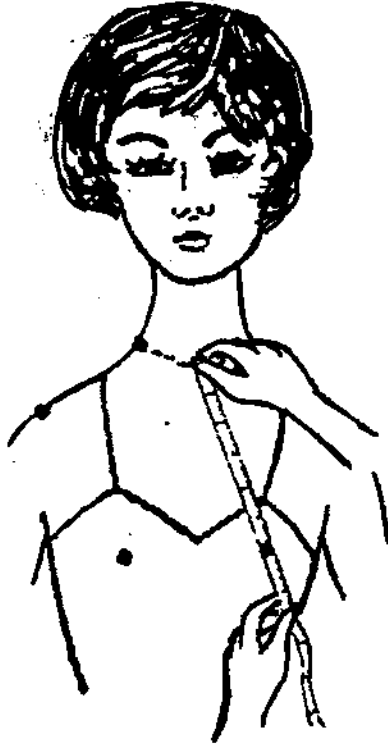
(Đo cửa tay: Đo nơi to nhất)



(Đo dạng ngực: Đo từ đầu ngực này sang đầu ngực kia)



(Đo chéo ngực: Đo từ lõm cổ đến đầu ngực)



(Hạ eo: Đo từ đốt sống cổ thứ 7 đến ngang eo)



(Vòng nách tay: Đo xung quanh nách ngay đầu vai)

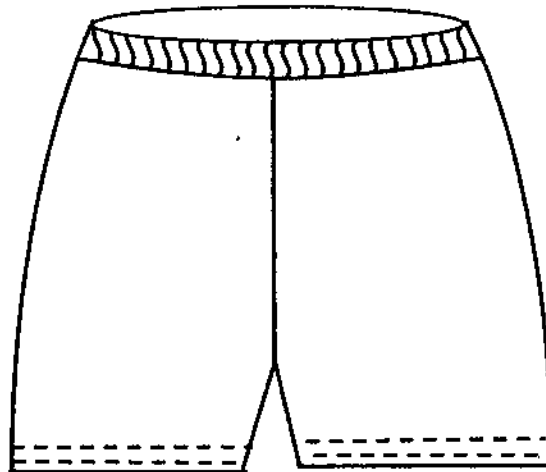


Chương 2

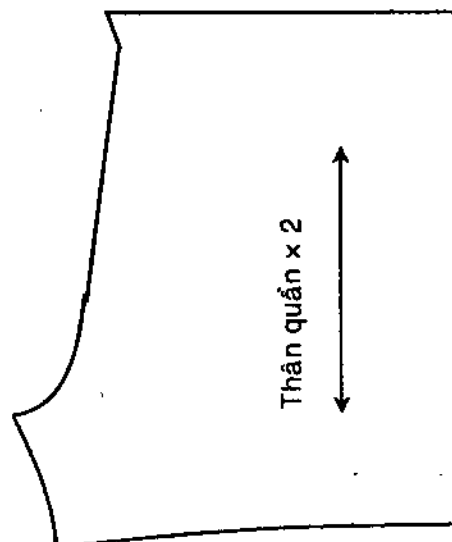
PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC LOẠI QUẦN ĐƠN GIẢN

Bài 2.1: THIẾT KẾ QUẦN ĐÙI THƯỜNG

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC: Gồm



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m → 1,2m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m → 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

IV. NI MẪU:

Vòng mông: 92cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. Cách xếp vải:

- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào ($1/4$ vòng mông + $1/10$ mông + 2cm đường may), xếp đôi vải theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Đường gấp đôi vải quay về phía người cắt.
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

2. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = $1/4$ V.Mông + $1/10$ V.Mông + 12 → 15cm → 45,5 cm
- AA₂: Lưng quần = 3 → 4 cm = bản thun + 1cm đường may. → 4 cm
- AA₁: Ngang eo = $1/4$ V.Mông + 2 → 4cm 9 + 3 = 12cm
- AC: Hạ đáy = $1/4$ vòng mông + $1/10$ V.mông + 0 → 2cm → 32,5 cm
- CC₁: Ngang đáy = $1/4$ vòng mông + $1/10$ V.mông + 0 → 4cm (CC = LAB).
→ 34,5

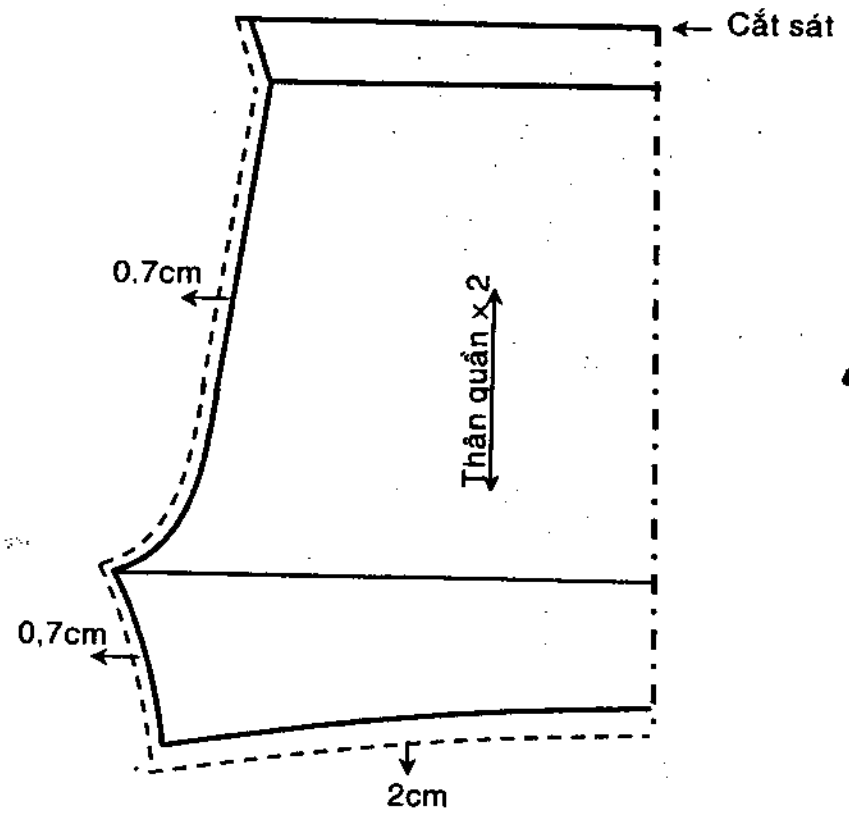
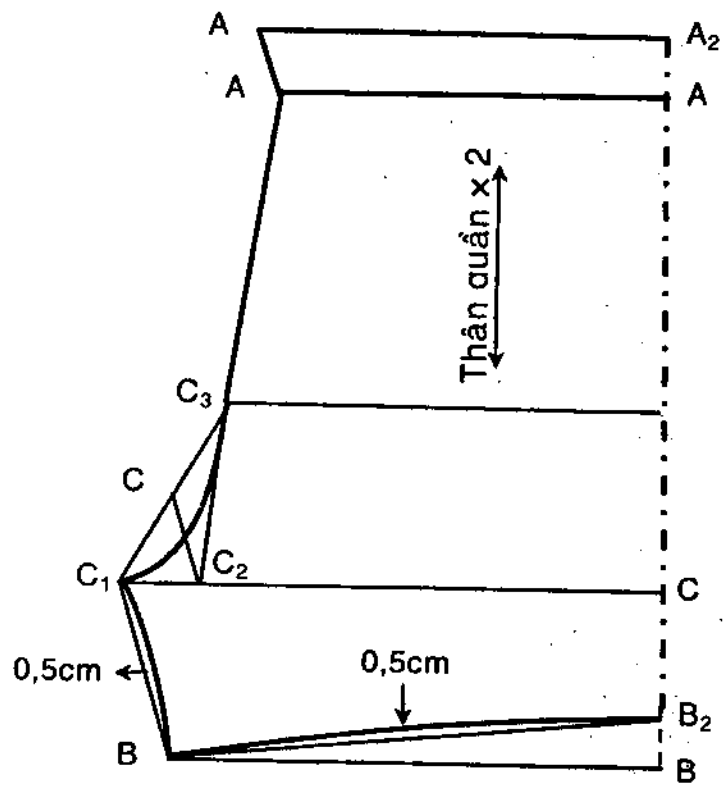
- C_1C_2 : Vào đáy = $1/20$ vòng ⁴¹⁵ mông. Nối C_2A_1
- $CB = 12 \rightarrow 15$ cm
- $C_2C_3 = 1/3$ hạ đáy 11 cm
- Nối C_1C_3 và chia đôi được C_4
- Vẽ vòng đáy qua các điểm C_1 , điểm giữa của C_2C_4 , C_3 , A_1
- BB_1 : Ngang ống = Ngang đáy - 2 \rightarrow 4cm 3,5cm
- BB_2 : Giảm sườn quần = 2cm = 2cm
- Nối B_1B_2 và đánh cong lõm vào 0,5cm
- Vẽ lưng quần, lai quần 2cm

3. Cách chừa đường may và cắt:

- Sườn trong, đáy quần chừa 0,7cm đường may.
- Lưng quần, lai quần cắt sát

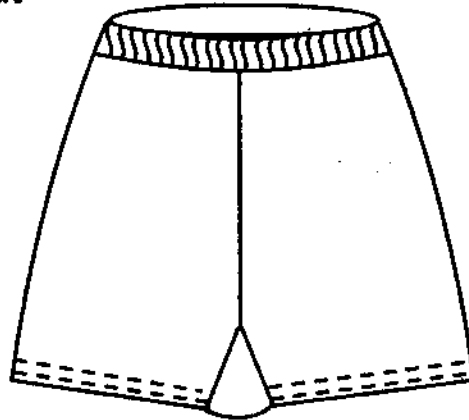
4. Qui trình may:

- Ráp sườn trong (may lộn).
- Ráp đáy (may lộn).
- May lai quần
- May lưng quần
- Ủi thành phẩm

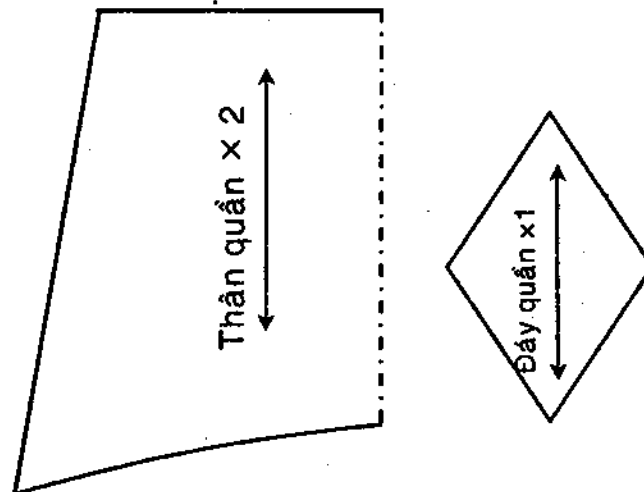


BÀI 2.2 : THIẾT KẾ QUẦN THỂ THAO 2 MẢNH

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC: Gồm



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m \rightarrow 1,2m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,4m \rightarrow 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

IV. NI MẪU:

- Vòng mông : 92cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:**1. Cách xếp vải:**

- Từ biên vải đo vào $1/4$ vòng mông + 6cm + 1cm đường may
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

2. Cách vẽ:

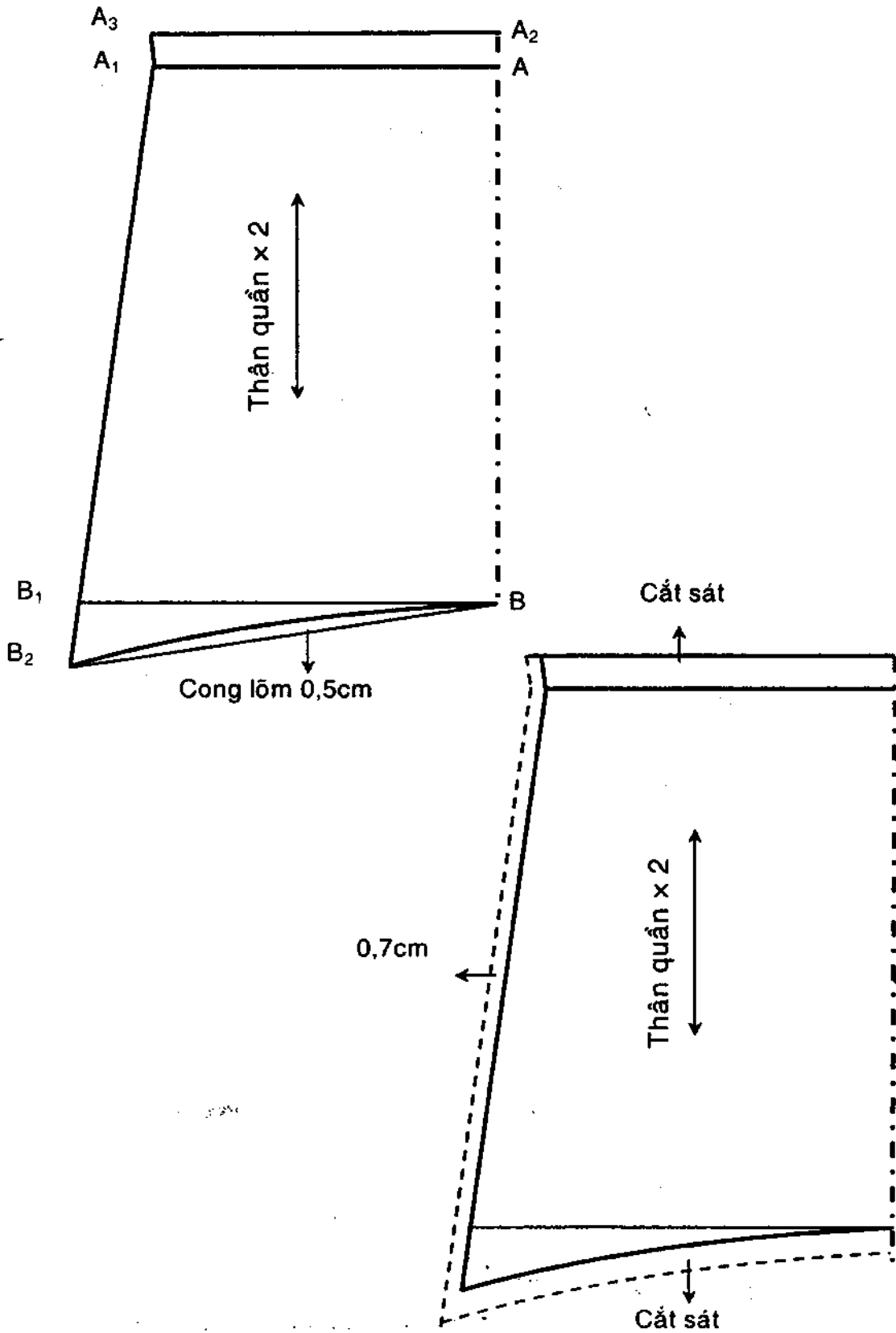
- AB : Dài quần = $1/4$ V.Mông + $1/10$ V.Mông + 4 → 6cm
- $AA_2 = A_1A_3$: Lưng quần = 3 → 4cm = Thành phẩm bản thun + 1cm đường may.
- AA_1 : Ngang eo = $1/4$ V.Mông + 3 cm
- BB_1 : Ngang đáy trước = Ngang eo + 3cm
- Kéo dài A_1B_1 , lấy B_1B_2
- B_1B_2 : Sa đáy trước = 4 → 6 cm
- Nối BB_2 , chia đôi đoạn BB_2 và đánh cong lõm vào 0,5cm. Vẽ lưng quần
- ❖ Vẽ đáy quần:
 - Vẽ một hình chữ nhật ABCD có I là giao điểm.
 - $AB = CD = 2/10$ V.Mông
 - $AC = BD = 1/10$ V.Mông + 2 cm

3. Cách chừa đường may và cắt:

- Sườn trong gia 0,7cm đường may.
- Đáy quần gia đều 0,7cm đường may.
- Lưng quần cắt sát.
- Lai quần gia 2cm đường may.

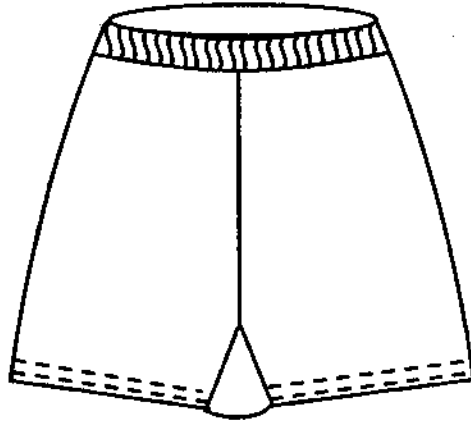
4. Qui trình may:

- Ráp cạnh thứ nhất của đáy trước vào sườn trong thân trước + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy trước vào sườn trong thân trước (ráp dài lên lưng) + diều.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy sau vào sườn trong thân sau + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy sau vào sườn trong thân sau (ráp dài lên lưng) + diều.
- May lai
- May lưng
- Ủi thành phẩm

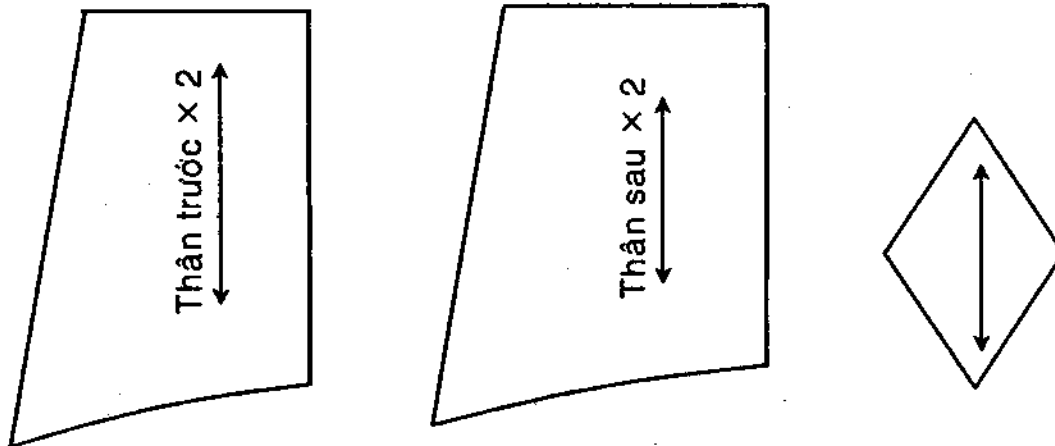


Bài 2.3 : THIẾT KẾ QUẦN THỂ THAO 4 MẢNH

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC: Gồm



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m \rightarrow 1,2m = 2(dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,4m \rightarrow 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

IV. NI MẪU:

- Vòng hông : 92cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. THÂN TRƯỚC

a. Cách xếp vải:

- Xếp 2 biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt
- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào 1cm chừa đường may
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = $\frac{1}{4} V.Mông + 15 \rightarrow 20$ cm
- $AA_2 = A_1A_3$: Lưng quần $3 \rightarrow 4$ cm = Thành phẩm bản thun + 1cm đường may
- AA_1 : Ngang eo trước = $\frac{1}{4} V.Mông + 1$ cm
- BB_1 : Ngang đáy trước = Ngang eo + 3cm
- Kéo dài A_1B_1 , lấy B_1B_2
- B_1B_2 : Sa đáy trước = $4 \rightarrow 6$ cm
- Nối BB_2 , chia đôi đoạn BB_2 và đánh cong lõm vào 0,5cm. Vẽ lưng quần

2. THÂN SAU

a. Cách xếp vải:

- Đặt thân trước lên phần vải còn lại để vẽ thân sau.
- Sang dấu lại các đường ngang lưng, ngang đáy, đường sườn trong, đường sườn ngoài và từ đường thành phẩm đường sườn ngoài ta đo ra 4cm về phía trong người cắt.
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

b. Cách vẽ:

- $AB = A'B'$: Dài quần = $1/4 V.Mông + 15 \rightarrow 20cm$
- $A_1A'_2 = AA' = BB' = 4cm$
- $A'A'_1 = A_2A_3$: Lưng quần = $3 \rightarrow 4cm =$ Thành phẩm bản thun + 1cm đường may.
- $A'A_1$: Ngang eo sau = $1/4 V.Mông + 5 cm$
- $B'B_1$: Ngang đáy sau = Ngang eo sau + 3cm
- Kéo dài A_1B_1 , lấy B_1B_2
- $B_1B_2 = 4 \rightarrow 6 cm$
- Nối $B'B_2$, chia đôi đoạn $B'B_2$ và đánh cong lồi vào 0,5cm.
- Vẽ lưng quần
- Vẽ lai quần
- ❖ **Vẽ đáy quần:**
 - Vẽ một hình chữ nhật ABCD có I là giao điểm.
 - $AB = CD = 2/10 V.Mông$

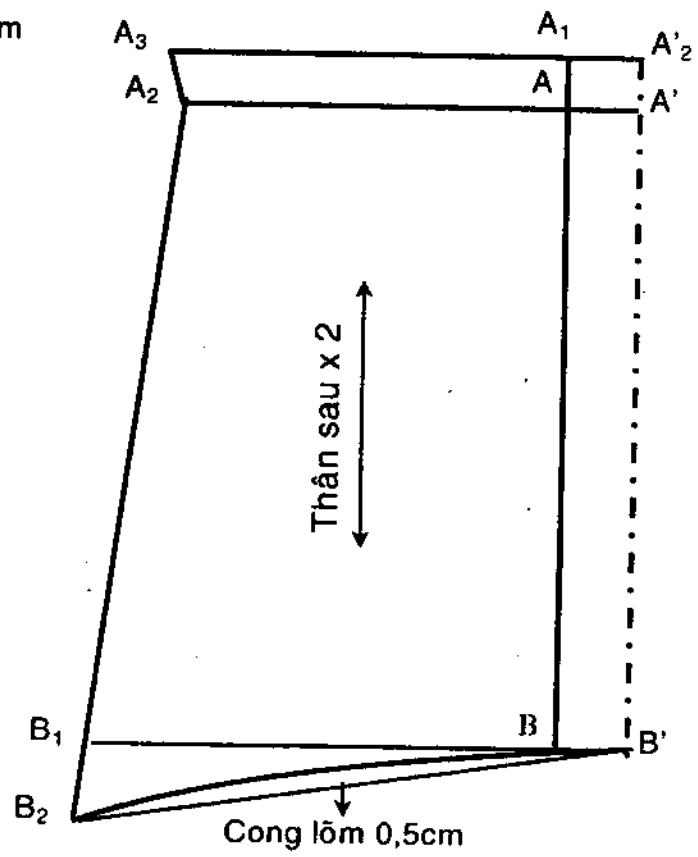
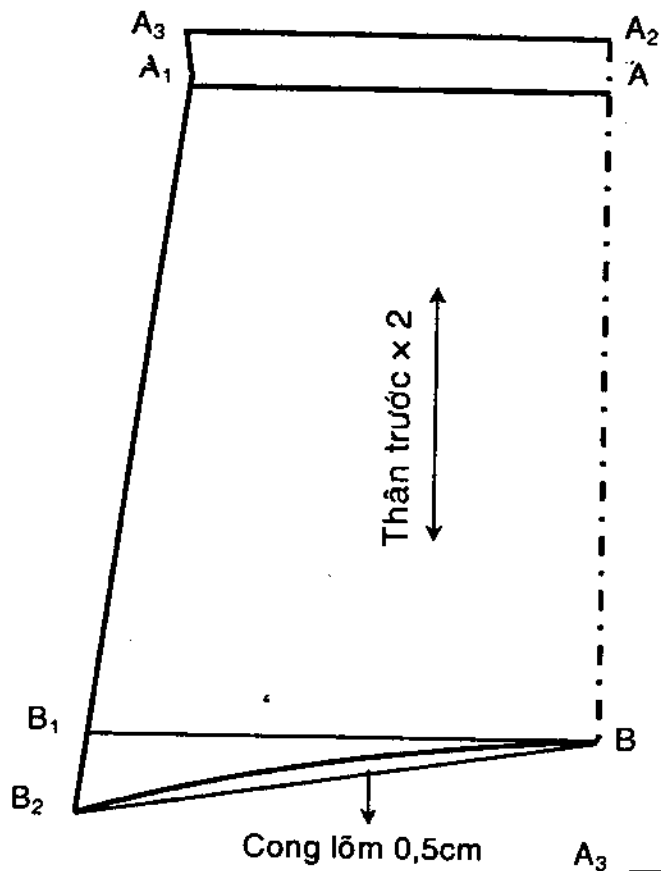
- $AC = BD = 1/10 V.Mông + 2 \text{ cm}$

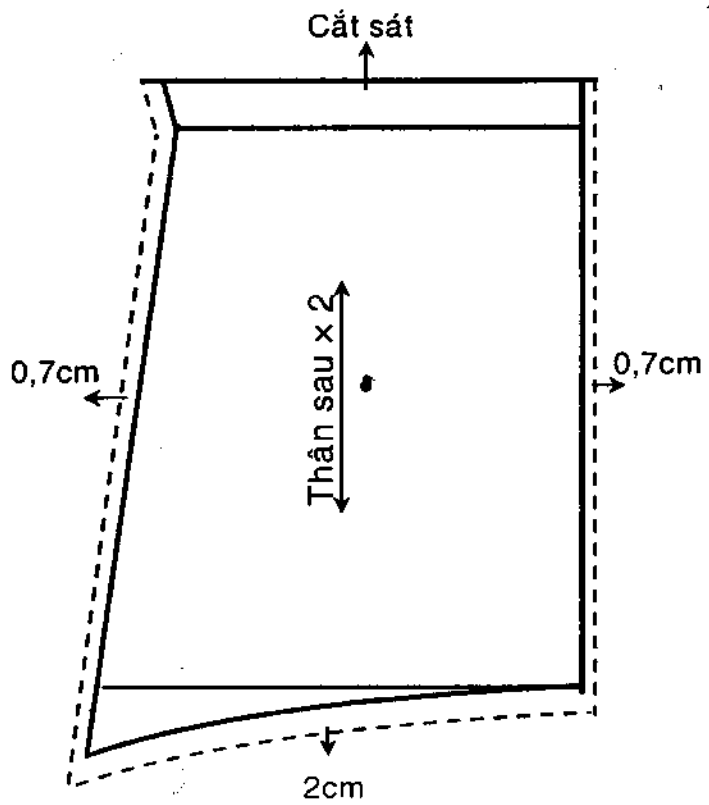
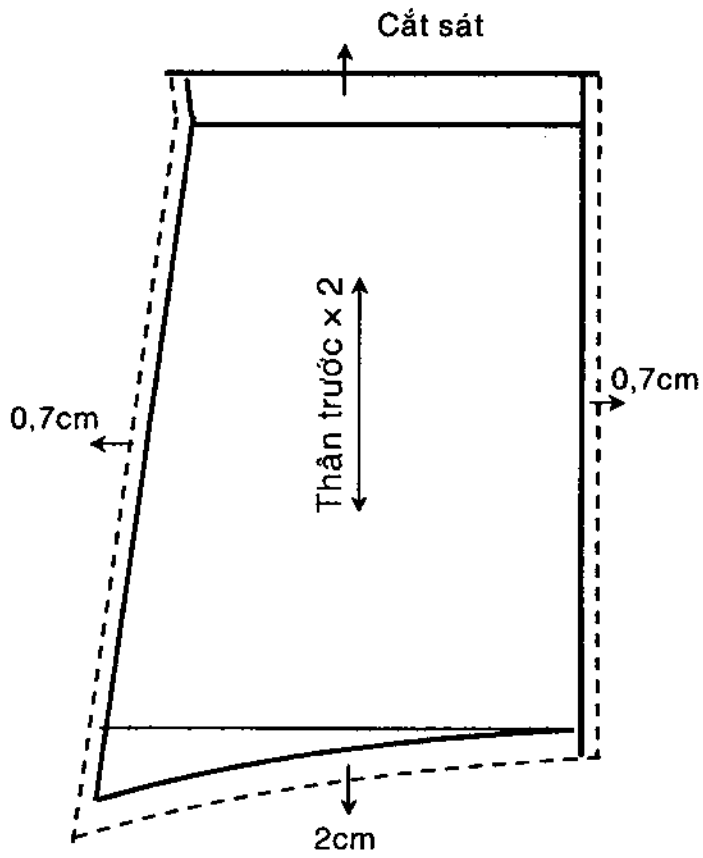
3. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

- Sườn trong gia 1cm đường may.
- Đáy quần gia đều 1cm đường may.
- Lưng quần cắt sát.
- Lai quần gia 2cm đường may.

4. QUI TRÌNH MAY:

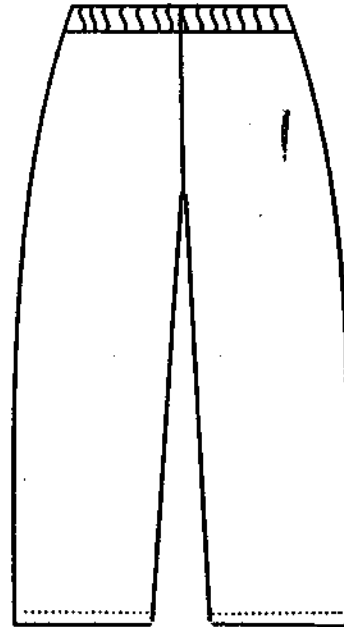
- Ráp sườn quần.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy trước vào sườn trong thân trước + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy trước vào sườn trong thân trước (ráp dài lên lưng) + diều.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy sau vào sườn trong thân sau + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy sau vào sườn trong thân sau (ráp dài lên lưng) + diều.
- May lai
- May lưng
- Ủi thành phẩm



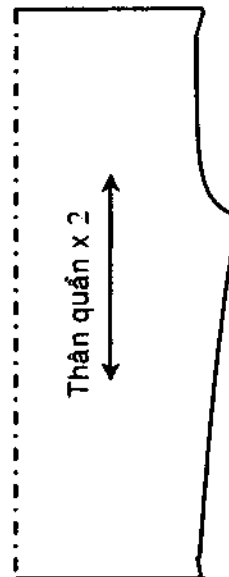


Bài 2.4 : THIẾT KẾ QUẦN BÀ BA

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC: Gồm :



III. CÁCH TÍNH VẢI:

Khổ vải 0,9 m = 2(dài quần + lưng + lai + đường may).

- Khố vải 0,9 m \rightarrow 1,2m = 1,5(dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m \rightarrow 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

IV. NI MẪU:

- Vòng hông : 92cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. Cách xếp vải:

- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào ($1/4$ vòng hông + $1/10$ hông $1 \rightarrow 2$ + 2cm đường may). Xếp đôi vải theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Đường gấp đôi vải quay về phía người cắt

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

2. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = Số đo
- $AA_2 = A_1A_3$: Lưng quần = $3 \rightarrow 4$ cm = bản thun + 1cm đường may
- $BB_2 = B_1B_3$: Lai quần = 3cm
- AA_1 : Ngang eo = $1/4$ V.Hông + $1 \rightarrow 2$ cm
- AC: Hạ đáy = $1/4$ vòng hông + $1/10$ V.hông + $0 \rightarrow 2$ cm
- CC_1 : Ngang đáy = $1/4$ vòng hông + $1/10$ V.hông + $1 \rightarrow 2$ cm

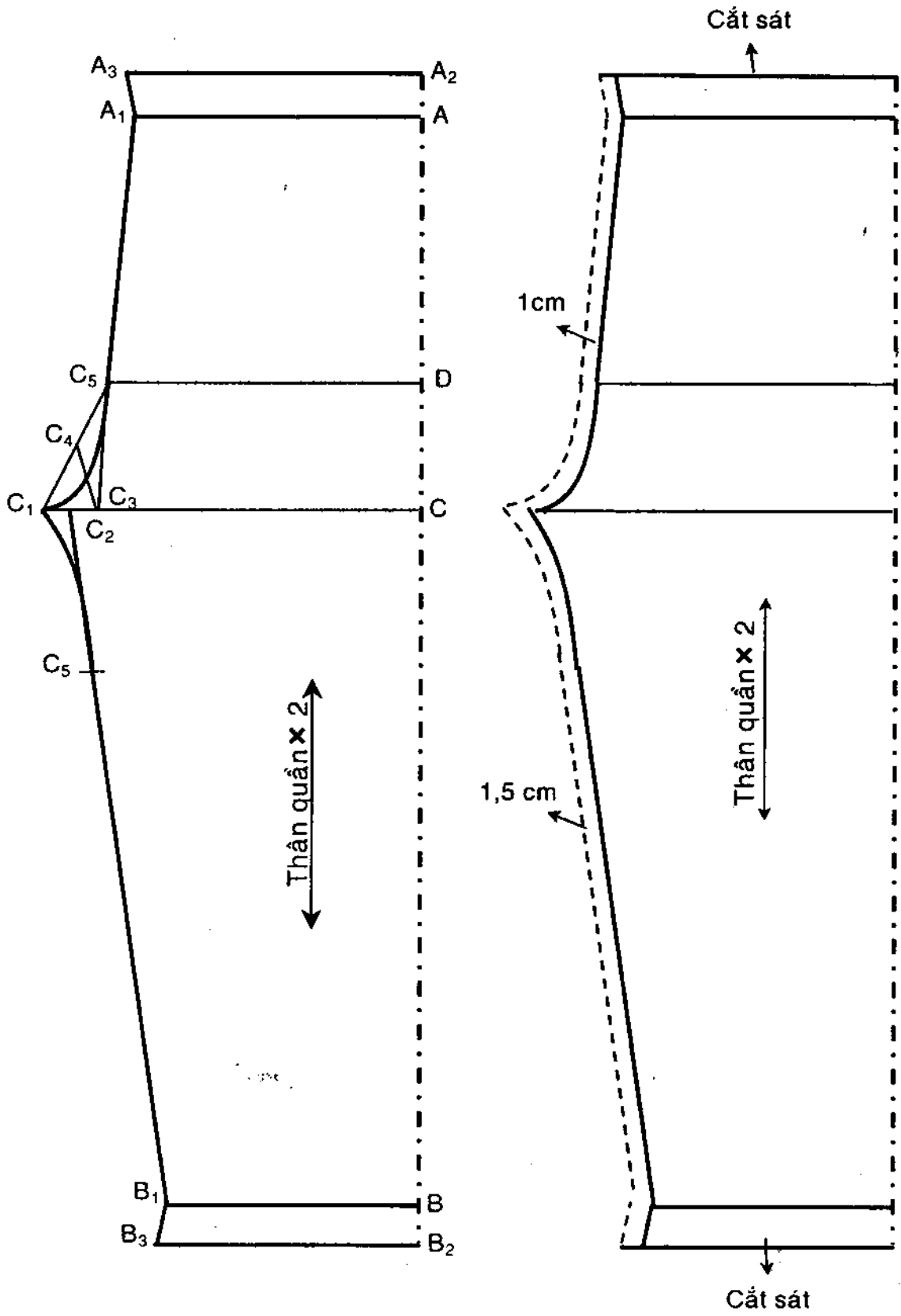
- C_1C_3 : Vào đáy = $1/20$ vòng mông. Nối C_2A_1
- $CD = C_3C_5 = 1/3$ hạ đáy
- Nối C_1C_5 và chia đôi được C_4
- Vẽ vòng đáy qua các điểm C_1 , điểm giữa của C_3C_4 , C_5 và A_1
- $C_1C_2 = 2$ cm
- $C_1C_6 = 12$ cm
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm C_1 , C_6 , B_1 , và B_3 như hình vẽ
- BB_1 : Ngang ống = Số đo
- Vẽ lưng quần, lai quần

3. Cách gia đường may và cắt:

- Sườn trong gia đường may 1,5cm
- Đáy quần gia đường may 1cm
- Lưng quần, lai quần cắt sát

4. Qui trình may:

- Ráp sườn trong (may lộn)
- Ráp đáy (may lộn)
- May lai quần
- May lưng quần
- Ủ thành phẩm



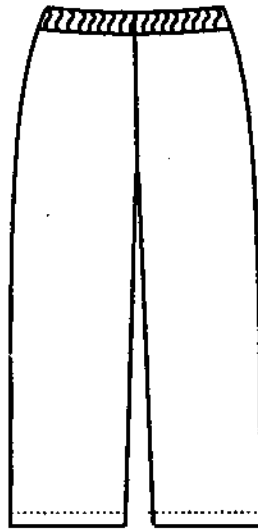
Chương 3

PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ ĐỒ BỘ NỮ

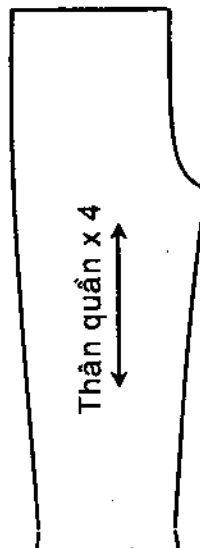
Bài 3.1: THIẾT KẾ QUẦN ĐỒ BỘ NỮ

Kiểu 1 . QUẦN 4 THÂN BẰNG NHAU

I. HÌNH DÁNG.



II. CẤU TRÚC:



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,2 m = 1,5 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m → 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

IV. NI MẪU:

- Dài quần : 98cm
- Vòng hông : 88cm
- Ngang ống : 22cm
- Vòng eo : 64cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. THÂN TRƯỚC VÀ THÂN SAU:

a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt.

- Từ mép vải đo vào 2cm đường may sau khi đã cắt bỏ biên.

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = số đo = 98cm
- AA₂ = A₁A₃ : Lưng quần = 3,5 → 4 cm
- B₂B₁ = B₁B₃: Lai quần = 3 cm

- AC: Hạ đáy trước = $1/4$ vòng hông + 6 → 8cm
- AE: Hạ gối = số đo = $1/2$ dài quần + 5cm = 54cm
- AD: Hạ hông = $2/3$ AC
- CC₁: Ngang đáy trước
= $1/4$ VMông + $1/10$ VMông = 30,8cm
- AA₁: Ngang eo = $1/4$ vòng hông + 1cm
= 23cm
- C₁C₃ = Vào đáy = $1/20$ vòng hông + 1cm
- CC₂ = giảm 0,5 cm
- Đường chính trung: là đường song song với biên vải, chia đôi đường ngang đáy, chia đôi đường ngang ống, chia đôi đường ngang gối.
- I là điểm giữa của CC₁.
- Vẽ vòng đáy trước:
- Nối C₃A₁ cắt đường ngang hông tại điểm C₅
- Nối C₁C₅ và chia đôi được C₄
- Nối C₃C₄ và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy trước qua các điểm: A₃, A₁, C₅, điểm giữa của C₃C₄ và C₁.
- Vẽ đường sườn:
- B₁B₂ : Ngang ống = Số đo vòng ống
= 22cm (IB₁ = IB₂)
- Nối B₂C₂ : đường sườn ngoài cắt đường ngang gối tại điểm E₁

- Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm: $A_2, A, D, C_2, E_1, B_2, B_4$
- Nối C_1B_1 : đường sườn trong cắt đường ngang gối tại điểm E_2 .
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm: C_1, E_2, B_1, B_3 .

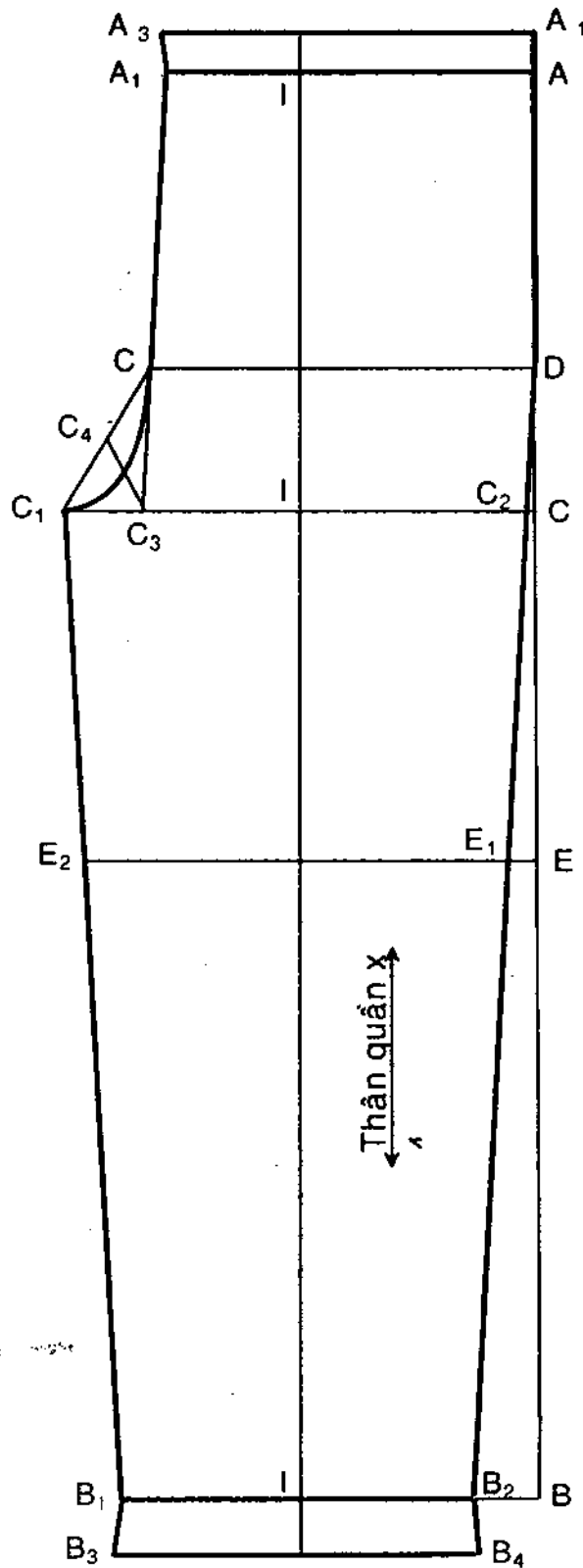
❖ Vẽ lai quần, lưng quần.

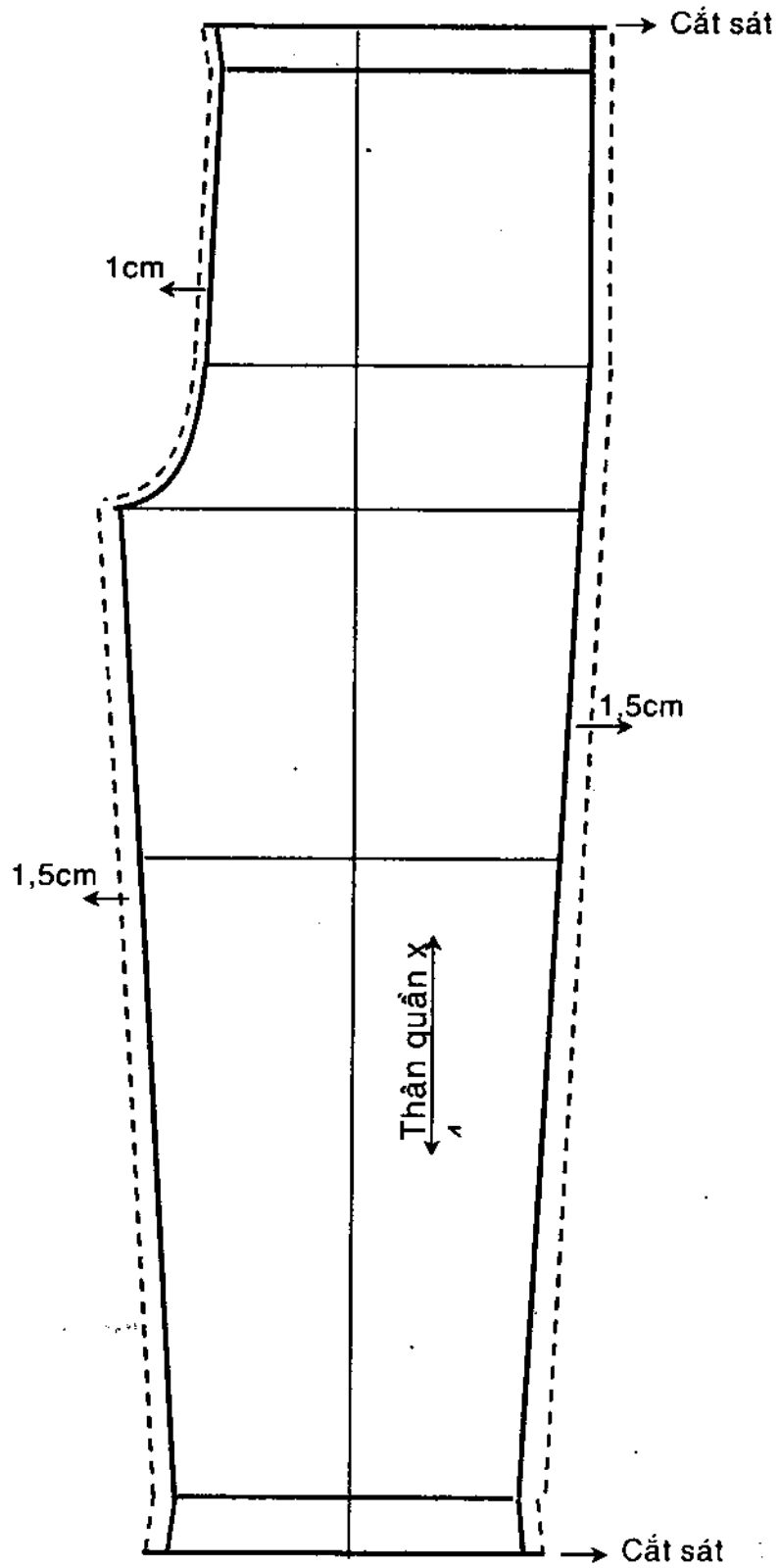
c. Cách chừa đường may và cắt:

- Sườn trong, sườn ngoài gia đường may 1,5 cm.
- Vòng đáy quần chừa 1cm đường may.
- Lưng quần, lai quần cắt sát

d. Qui trình may:

- Vắt sổ đáy, sườn trong, sườn ngoài, lai quần.
- Lưng, lai tùy theo cách may có thể có vắt sổ hoặc không.
- Ráp sườn ngoài → ủi rẽ
- Ráp sườn trong → ủi rẽ
- Ráp đáy (may 2 đường chồng khít lên nhau) → ủi rẽ
- May lưng, may lai hoặc vắt lai
- Ủi thành phẩm.

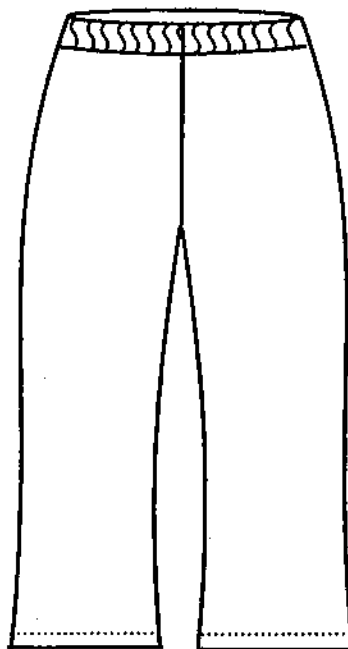




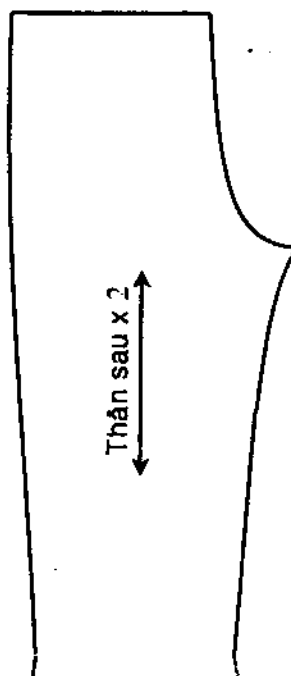
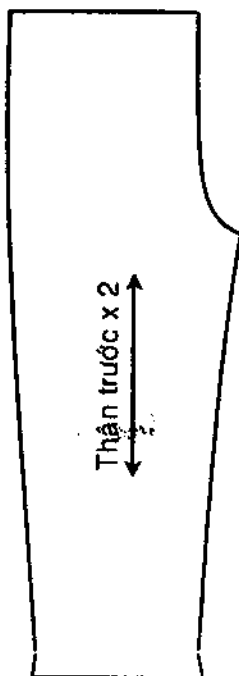
Bài 3.2 : THIẾT KẾ QUẦN ĐỒ BỘ NỮ

Kiểu 2 : QUẦN THÂN TRƯỚC VÀ THÂN SAU KHÁC NHAU

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC: Gồm



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,2 m = 1,5 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,4m → 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

IV. NI MẪU:

- Dài quần : 98cm
- Vòng hông : 88cm
- Ngang ống : 22cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. THÂN TRƯỚC:

a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt

- Từ mép vải đo vào 2cm đường may sau khi đã cắt bỏ biên

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = số đo = 98 cm

- $AA_2 = A_1A_3$: Lưng quần = Thành phẩm thun
+1cm đường may = 3,5 → 4cm

- $B_2B_4 = B_1B_3$: Lai quần = 3cm

- AC : Hạ đáy trước = $1/4$ vòng hông + 5 →
6 cm = 28 cm
- AE: Hạ gõ = số đo = $1/2$ dài quần + 5cm
= 54 cm
- AD: Hạ hông = $2/3$ AC
- AA₁: Ngang eo trước = $1/4$ vòng hông + 0,5cm
= 22,5 cm
- CC₁: Ngang đáy trước = $1/4$ vòng hông + 5 →
6 cm = 28 cm
- C₁C₃: Vào đáy trước = $1/20$ hông = 4,5 cm
- CC₂ = giảm 0,5 cm
- Đường chính trung: là đường song song với
biên vải, chia đôi đường ngang đáy, chia đôi
đường ngang ống, chia đôi đường ngang gõ
- I là đường giữa của CC₁
- Vẽ vòng đáy trước:
- Nối C₃A₁ cắt đường ngang hông tại điểm C₅
- C₄ là điểm giữa của C₁C₅
- Nối C₃C₄ và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy trước qua các điểm: A₃,
A₁, C₅, điểm giữa của C₃C₄ và C₁
- ❖ Vẽ đường sườn:
 - B₁B₂: Ngang ống trước = ngang ống - 2cm
= 20 cm (IB₁ = IB₂)

- Nối B_2C_2 : Đường sườn ngoài cắt đường ngang gối tại điểm E_1
 - Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm: A_2 , A , D , C_2 , E_1 , B_2 , B_4
 - Nối C_1B_1 : Đường sườn trong cắt đường ngang gối tại điểm E_2
 - Vẽ đường sườn trong qua các điểm: C_1 , E_2 , B_1 , B_3
- ❖ Vẽ lai quần, lưng quần

2. THÂN SAU:

a. Cách xếp vải:

- Đặt thân trước lên phần vải còn lại để vẽ thân sau. Khi đặt thân trước lên để sang dấu chú ý đặt sao cho đường chính trung thân trước phải đúng canh sợi dọc

b. Cách vẽ:

- Sang dấu lại các đường: Đường ngang eo, đường ngang hông, đường ngang đáy, đường ngang gối, đường ngang ống, đường chính trung, đường giàn trong, đường giàn ngoài
- Đường sườn ngoài: Từ các điểm A , A_2 , D , C_4 , E_1 , B_2 , B_4 ta ra đều 2 cm
- Đường sườn trong: Từ các điểm E_2 , B_1 , B_3 ta ra đều 2 cm.

- $B'_1B'_2$: Ngang ống sau = Số đo ngang ống +
2 cm = 24 cm
- $A'A_1$: Ngang eo sau = $1/4$ vòng hông +
0,5 cm = 22,5 cm
- C'_2C_3 : Ngang đáy sau = $1/4$ vòng hông + 2cm + $\frac{1}{2}$
= 24 cm
- $C_1C_3 = C_2C_3$: Vào đáy sau = $1/10$ vòng hông
= 8,8 cm
- $C_1C_6 = 1 \rightarrow 1,5$ cm

❖ **Vẽ vòng đáy sau:**

- Nối A_1C_3 cắt đường ngang hông tại điểm C_5
- C_4 là điểm giữa của C_3C_5
- Nối C_3C_4 và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy sau qua các điểm: $A_3, A_1,$
 C_5 , điểm giữa của C_3C_4 , và C_1

❖ **Vẽ đường sườn**

- Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm: $A'_2, A',$
 $D', C'_2, E'_1, B'_2, B'_4$
- Nối E'_2C_1 và đánh cong lõm vào ở điểm
giữa 1 cm
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm : $C_1, E'_2,$
 B'_1 và B'_3

❖ **Vẽ lai quần, lưng quần**

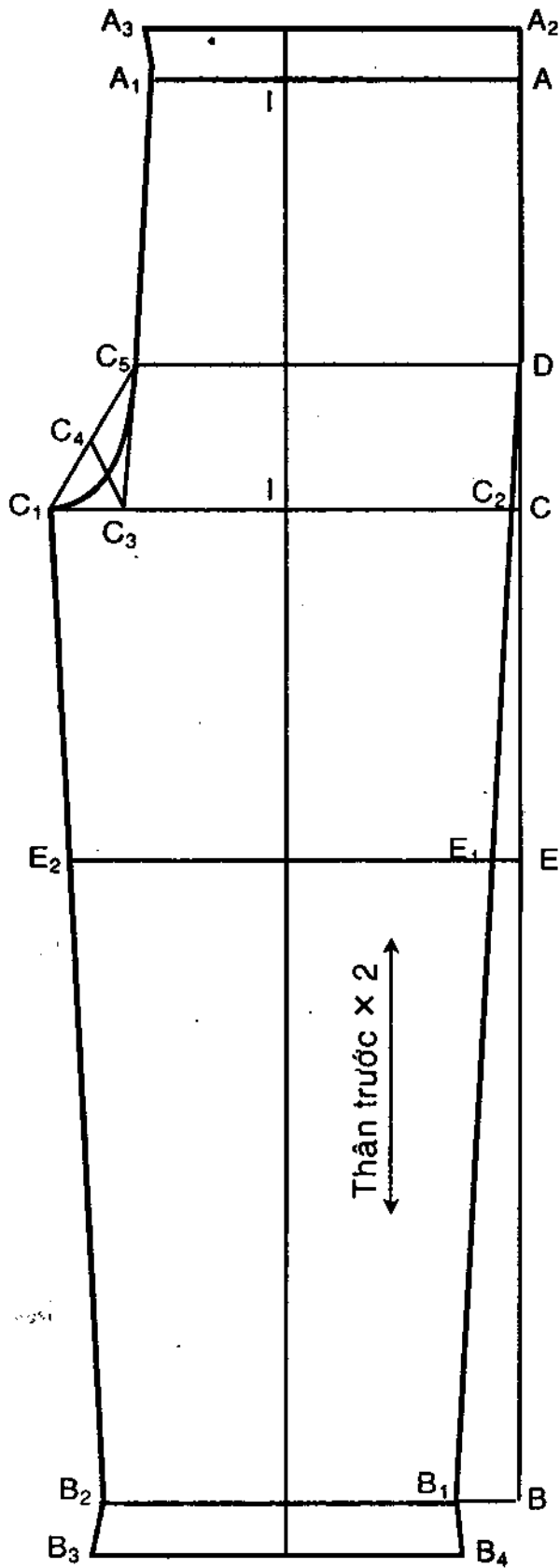
3. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

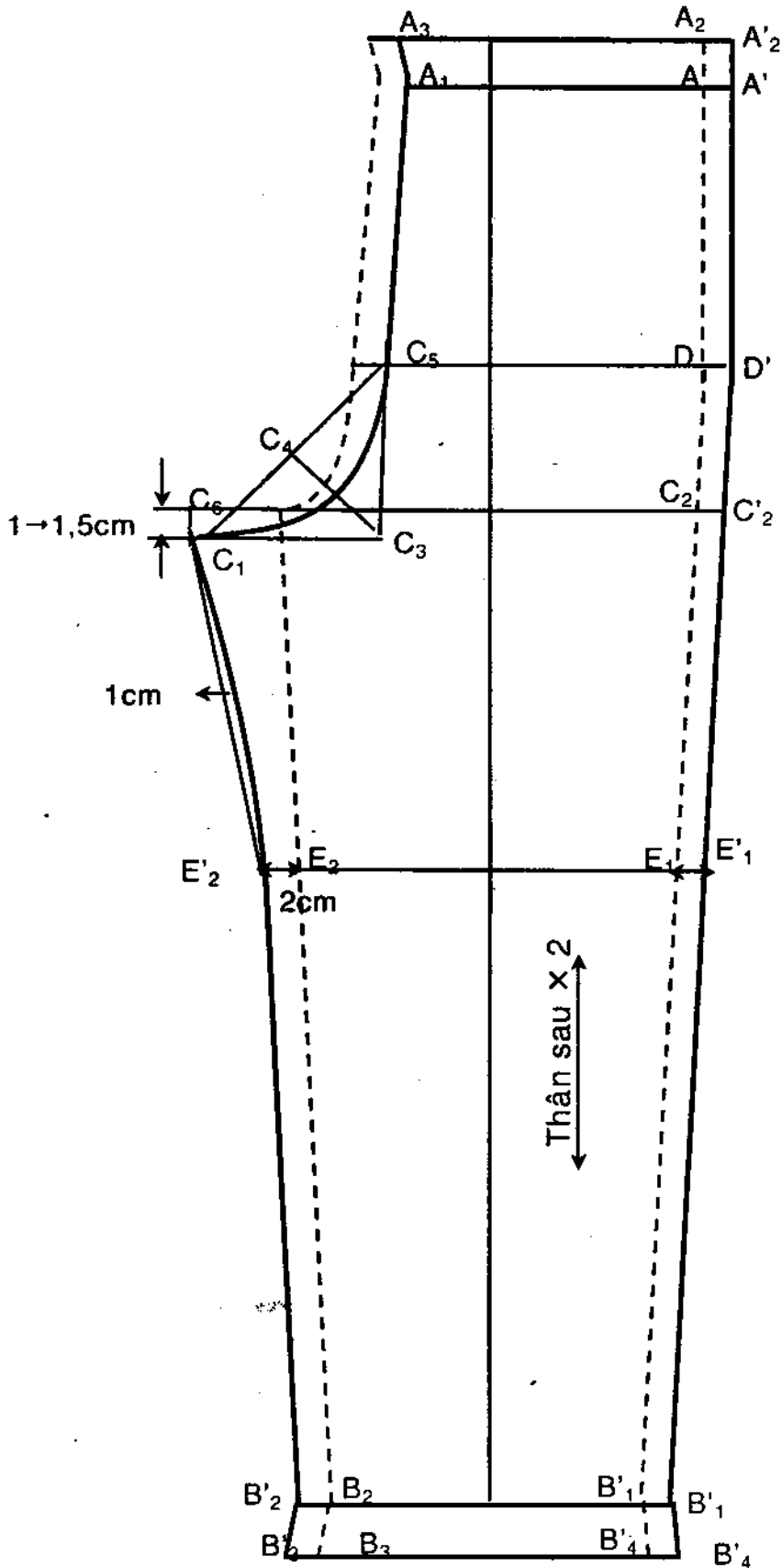
- Sườn trong, sườn ngoài gia đường may 1,5 cm

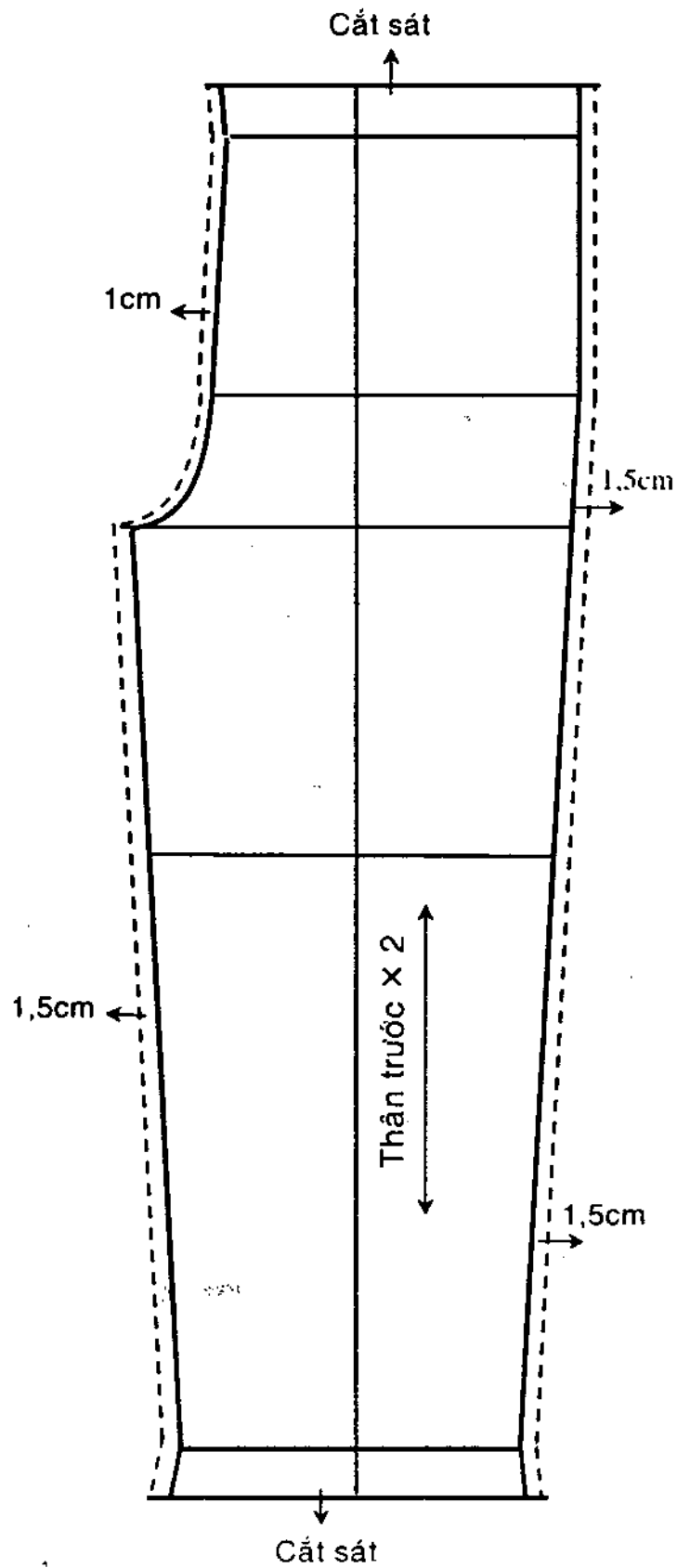
- Đáy quần gia đường 1cm đường may
- Lưng quần, lai quần cắt sát

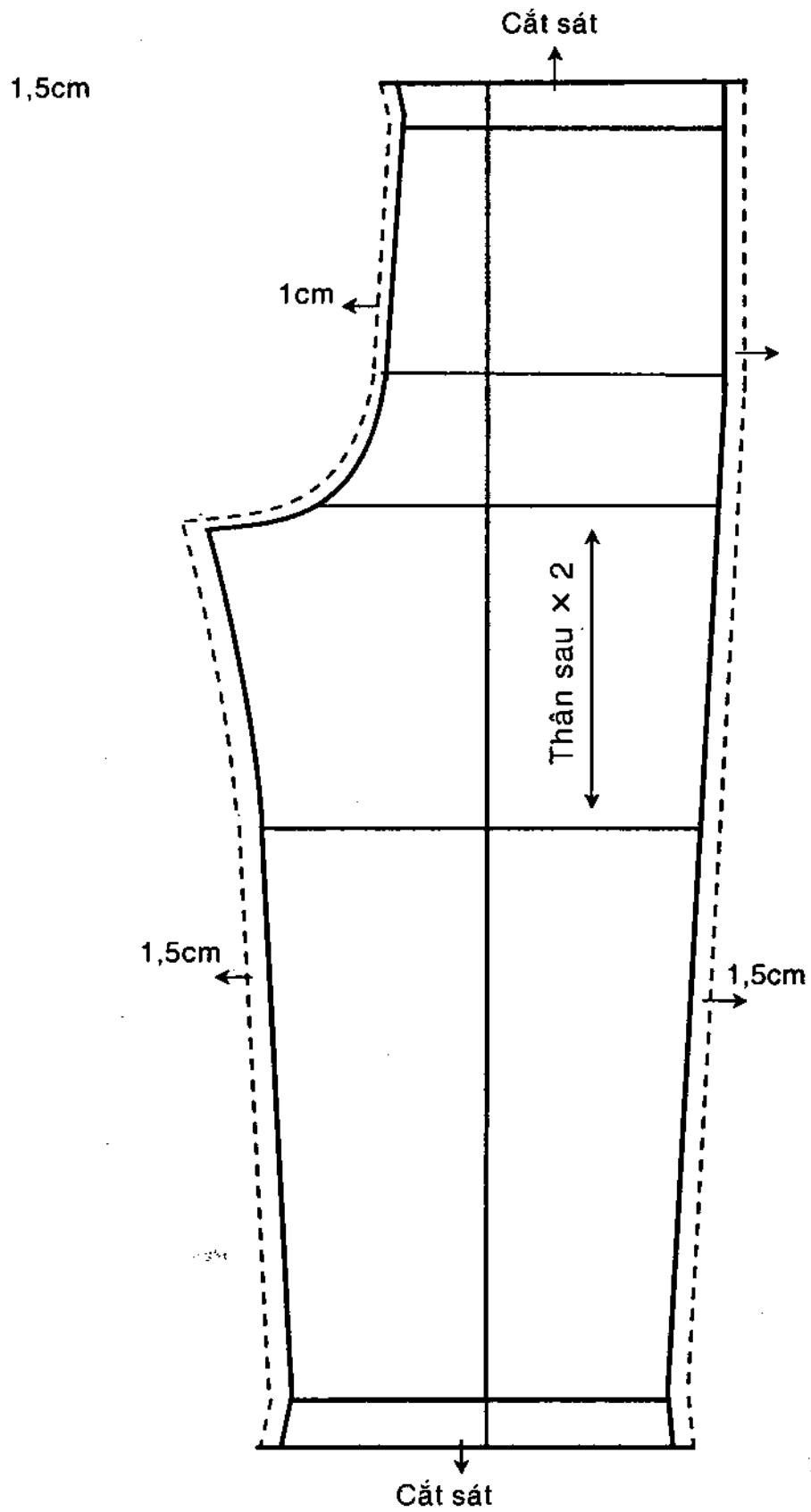
4. QUI TRÌNH MAY:

- Vắt sổ đáy, sườn trong, sườn ngoài.
- Lưng, lai tùy theo cách may có thể có vắt sổ hoặc không.
- Ráp sườn ngoài → ủi rẽ
- Ráp sườn trong → ủi rẽ
- Ráp đáy (may 2 đường chông khít lên nhau)
→ ủi rẽ
- May lưng, may lai
- Ủi thành phẩm



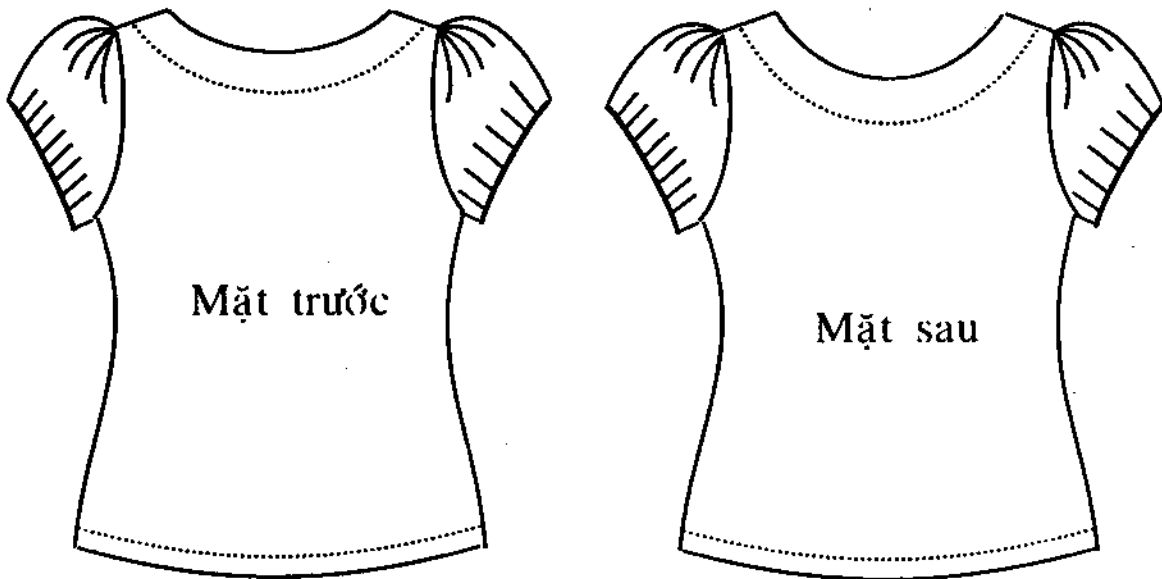




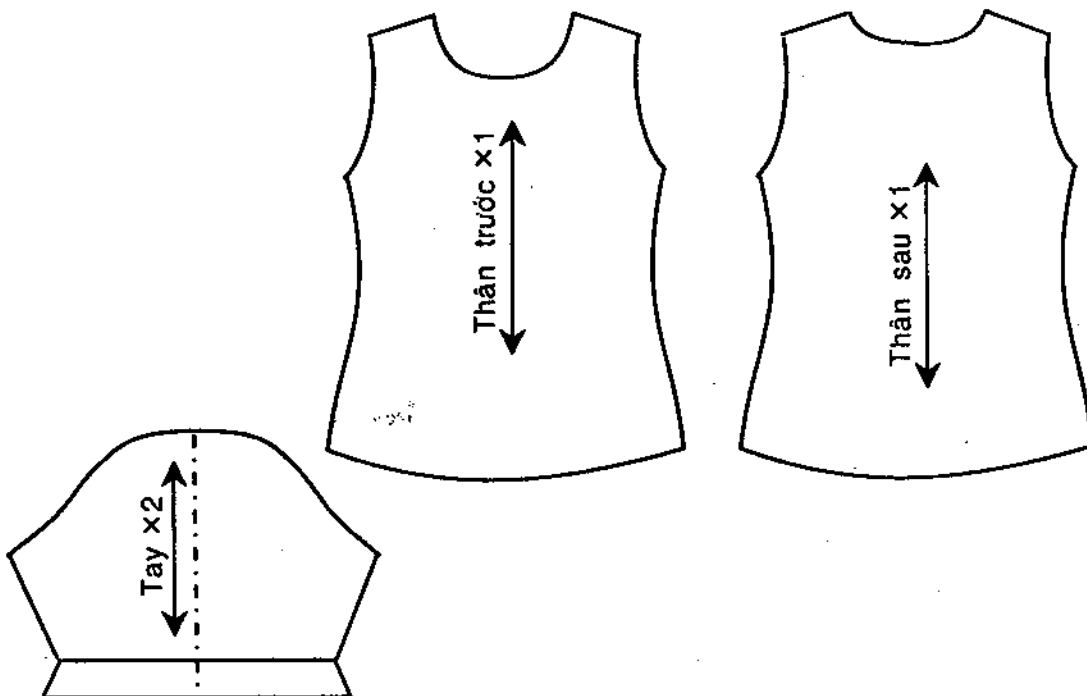


Bài 3.3 : THIẾT KẾ ÁO NỮ CĂN BẢN

I. HÌNH DẠNG:



II. CẤU TRÚC:



III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9m :
 - + Tay ngắn = 2 (dài áo + lai + đường may)
 - + Tay dài = 1 dài áo + 2 (dài tay + lai + đường may)
- Khố vải 1,2m = 1 dài áo + 1 dài tay + lai + đường may
- Khố vải 1,4m → 1,6m :
 - + Tay ngắn = 1 dài áo + 20cm.
 - + Tay dài = 2 dài tay

IV. NI MẪU:

- Dài áo : 60cm
- Ngang vai : 36cm
- Dài tay : 22cm
- Vòng cổ : 33cm
- Vòng nách : 36cm
- Vòng ngực : 80cm
- Vòng hông : 88cm
- Hạ eo : 36cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. THÂN TRƯỚC:

a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt

- Từ mép vải bên biên vải đo vào $3 \rightarrow 4$ cm làm đỉnh áo (sau khi đã cắt bỏ biên). Từ đường đỉnh đo vào 1,5 cm làm đường gài nút.

- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

b. Cách vẽ:

- AB : Dài áo trước = số đo - $1 \rightarrow 2$ cm chồm vai

- BB₃ : Sa vạt = $1 \rightarrow 1,5$ cm

- AC : Ngang vai trước = $1/2$ vai - 0,5 cm

- CC₁ : Hạ vai trước = $1/10$ vai + 0,5 cm = 4 cm

❖ Vẽ vòng cổ:

- AA₁ : Vào cổ trước = $1/6$ vòng cổ

- AA₂ = A₁A₃: Hạ cổ trước = $1/6$ vòng cổ + 1,5 cm

- Nối A₁A₂ được A₄

- Vẽ vòng cổ qua A₁, điểm giữa A₃A₄ và A₂

❖ Vẽ vòng nách:

- C₁D₂: Hạ nách trước = $1/2$ vòng nách - $1 \rightarrow 2$ cm (chồm vai)

- DD₁: Ngang ngực trước = $1/4$ vòng ngực + 2 cm

- Nối C₁D₂. C₁D₂ \perp AC

- D₂D₃: Vào nách tay = $2 \rightarrow 2,5$ cm

- D₄ là điểm giữa của C₁D₃

- D₅ là điểm giữa của D₁D₄

- Đánh cong vòng nách trước từ C_1 qua D_4 , điểm giữa của D_3D_5 và D_1

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE: Hạ eo trước = Số đo – chôm vai
- Hoặc DE = 13→15cm (tính từ đường ngang ngực)
- EE_1 : Ngang eo trước = Ngang ngực – 2cm
- Hoặc Ngang eo trước = $1/4 V.eo + 3cm$ (pen) + 1 → 1,5cm (cử động)
- BB_1 : Ngang hông trước = $1/4$ vòng hông + 2cm.
- B_1B_2 : Giảm sườn = 0,5→1cm
- Đánh cong lõm đoạn D_1E_1 vào 0,5 cm
- Chia E_1B_1 làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi 0,3 cm.
- Chia đường ngang hông BB_1 làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi ở điểm $1/3$ thứ nhất gần điểm B_1
- Vẽ đường sườn qua các điểm D_1 , E_1 , B_2

2. THÂN SAU:

a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang hông thân trước cộng 1,5→2cm đường may, xếp đôi vải bề trái quay ra ngoài
- Đặt thân trước lên phần vải để vẽ thân sau
- Sang dấu lại các đường : ngang hông, ngang ngực, ngang eo.

- Vẽ lai phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải

b. Cách vẽ:

- AB: Dài áo sau = Dài áo thân trước + 2 lần chôm vai
- Hoặc: Dài áo sau = Sđ + 1 → 2cm chôm vai
- AC: Ngang vai sau = 1/2 vai + 0,5cm
- CC₁: Hạ vai sau = 1/10 vai + 0,5cm = 4 cm

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- AA₁: Vào cổ sau = 1/6VC + 1cm
- AA₂ = A₁A₃ : Hạ cổ sau = Chôm vai + 1cm
- A₄ là điểm giữa A₂A₃
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm A₁, điểm giữa A₅ A₃ , A₄ và A₂

❖ **Vẽ vòng nách:**

- C₁D₂: Hạ nách sau = 1/2 vòng nách + 1 → 2 chôm vai
- DD₁: Ngang ngực sau = 1/4 vòng ngực + 2cm
- D₂D₃: Vào nách tay = 1,5cm
- D₄ là điểm giữa của C₁D₃
- D₅ là điểm giữa của D₁D₄
- Đánh cong vòng nách sau qua các điểm C₁, D₄, điểm giữa của D₅D₃ và D₁

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Số đo hạ eo + chôm vai
- Hoặc DE= 13 → 15cm (tính từ đường ngang ngực)

- EE_1 : Ngang eo sau = Ngang eo trước
- BB_1 : Ngang hông sau = $1/4$ Vòng hông + 2 cm
- B_1B_2 : Giảm sườn = 0,5 → 1cm
- Đánh cong lõm đoạn D_1E_1 vào 0,5 cm
- Chia E_1B_1 làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lõm 0,3 cm
- Vẽ đường lai áo thân sau như hình vẽ
- Vẽ đường sườn thân sau từ các điểm D_1, E_1, B_2

3. VẼ TAY ÁO:

a. Cách xếp vải:

- Từ biên vải đo vào ($1/2$ vòng nách + 0,5 → 1cm + 1,5cm đường may). Xếp đôi vải, bề mặt úp vào trong, bề trái quay ra ngoài, đường vải xếp quay vào trong người cắt
- Vẽ lai phía tay trái, vẽ vòng nách phía tay phải người cắt

b. Cách vẽ:

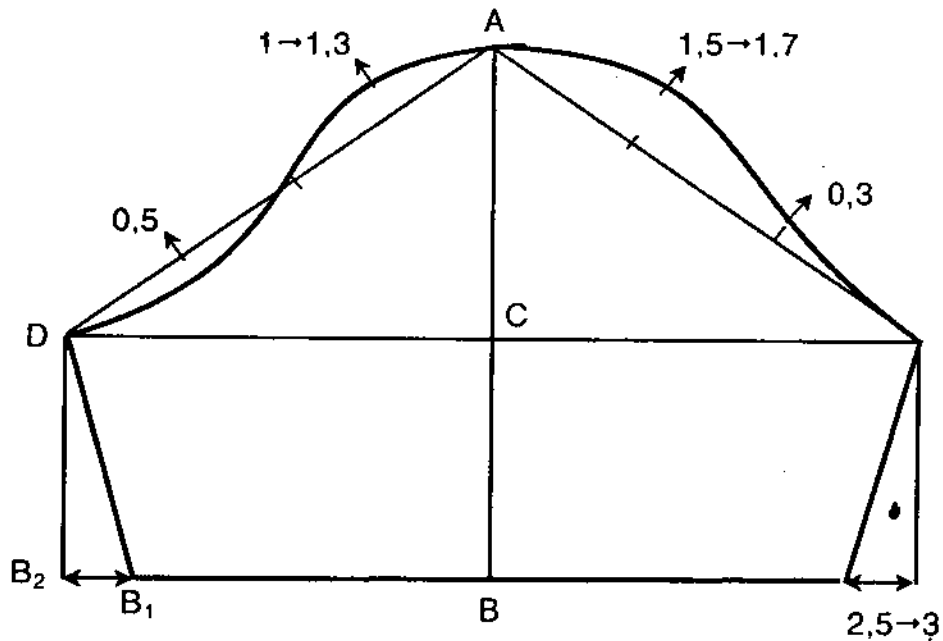
- AB: Dài tay = Số dài tay
- AC: Hạ nách tay = $1/10$ vòng ngực + 3 → 4cm
- CD: Ngang nách tay = $1/2$ vòng nách + 0 → 1cm
- $AD = 1/2$ (vòng nách trước + vòng nách sau).
- **Chú ý đo đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo.**
- BB_1 : Cửa tay = Ngang nách tay - 2,5 → 3 cm

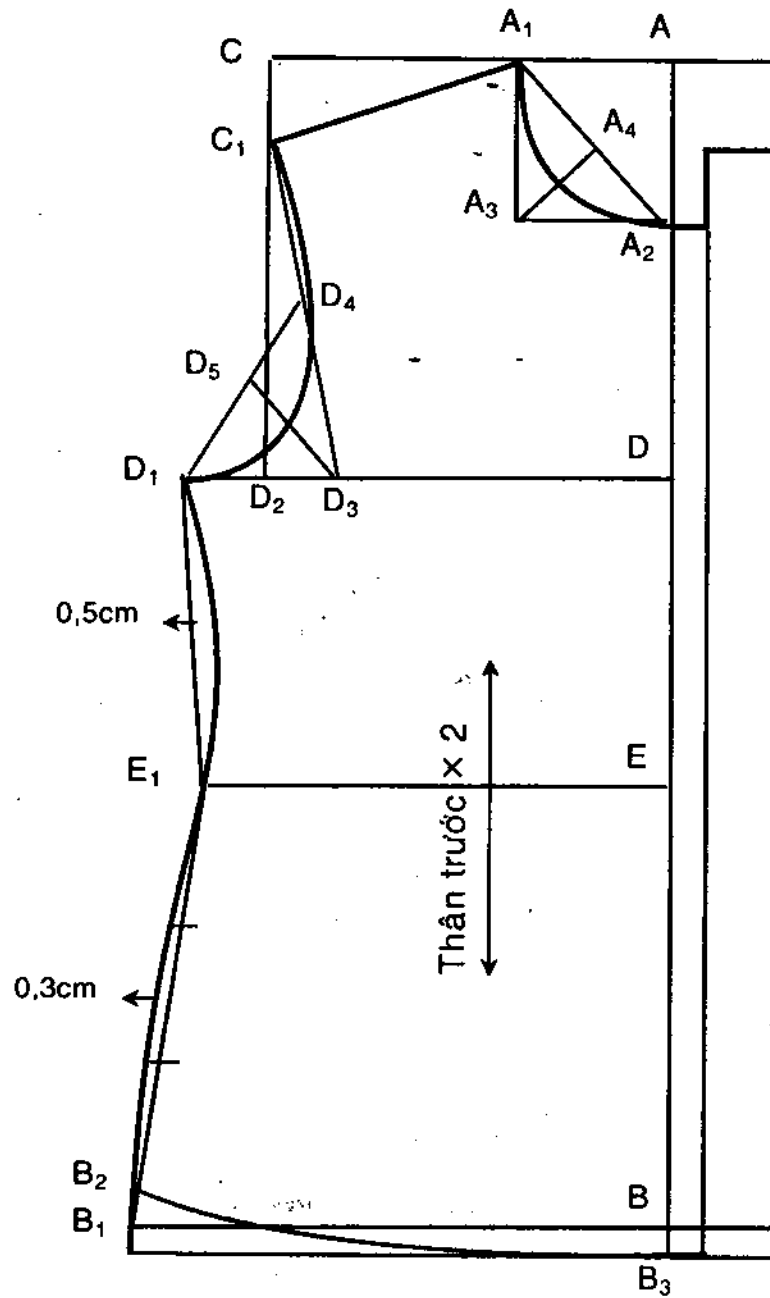
- Hoặc $B_1B_2 = 2,5 \rightarrow 3$ cm

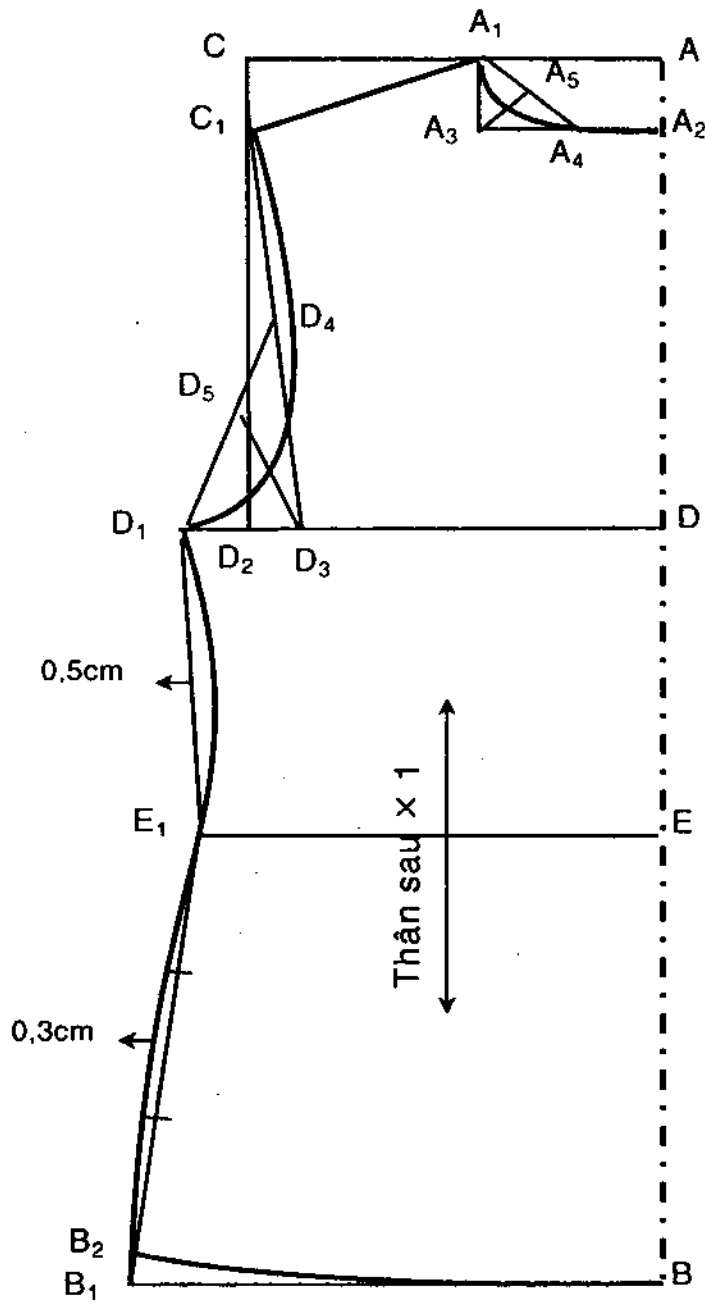
4. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

- Sườn áo, vai con gia đường may 1,5 cm
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Nách áo chừa 1cm đường may
- Vòng cổ gia đường may

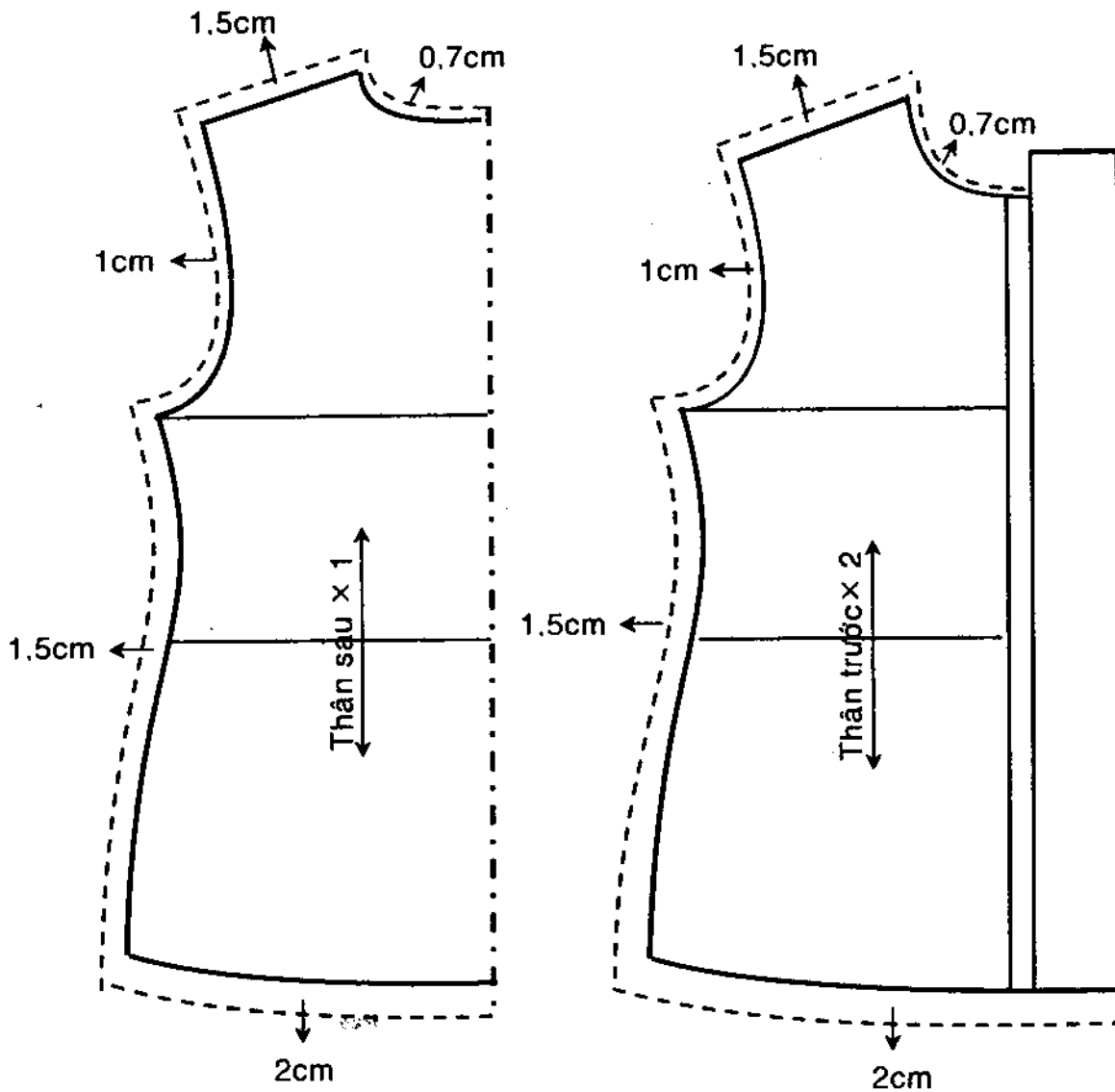
❖ THÀNH PHẨM TAY ÁO



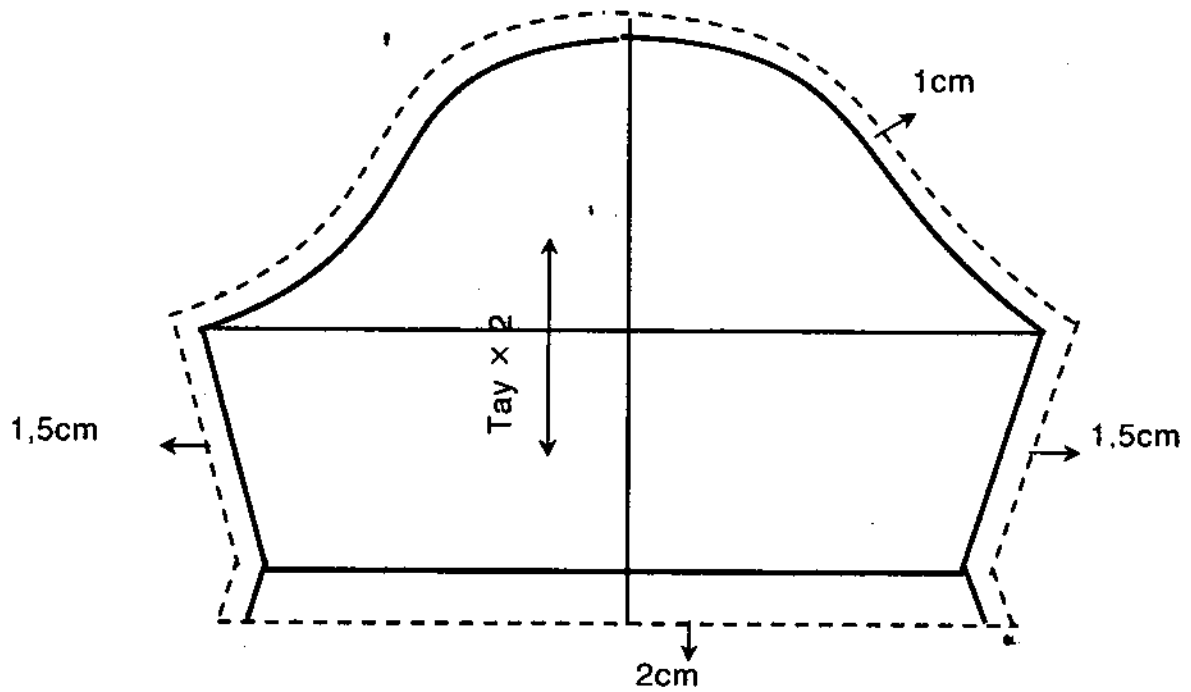
❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



❖ BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU

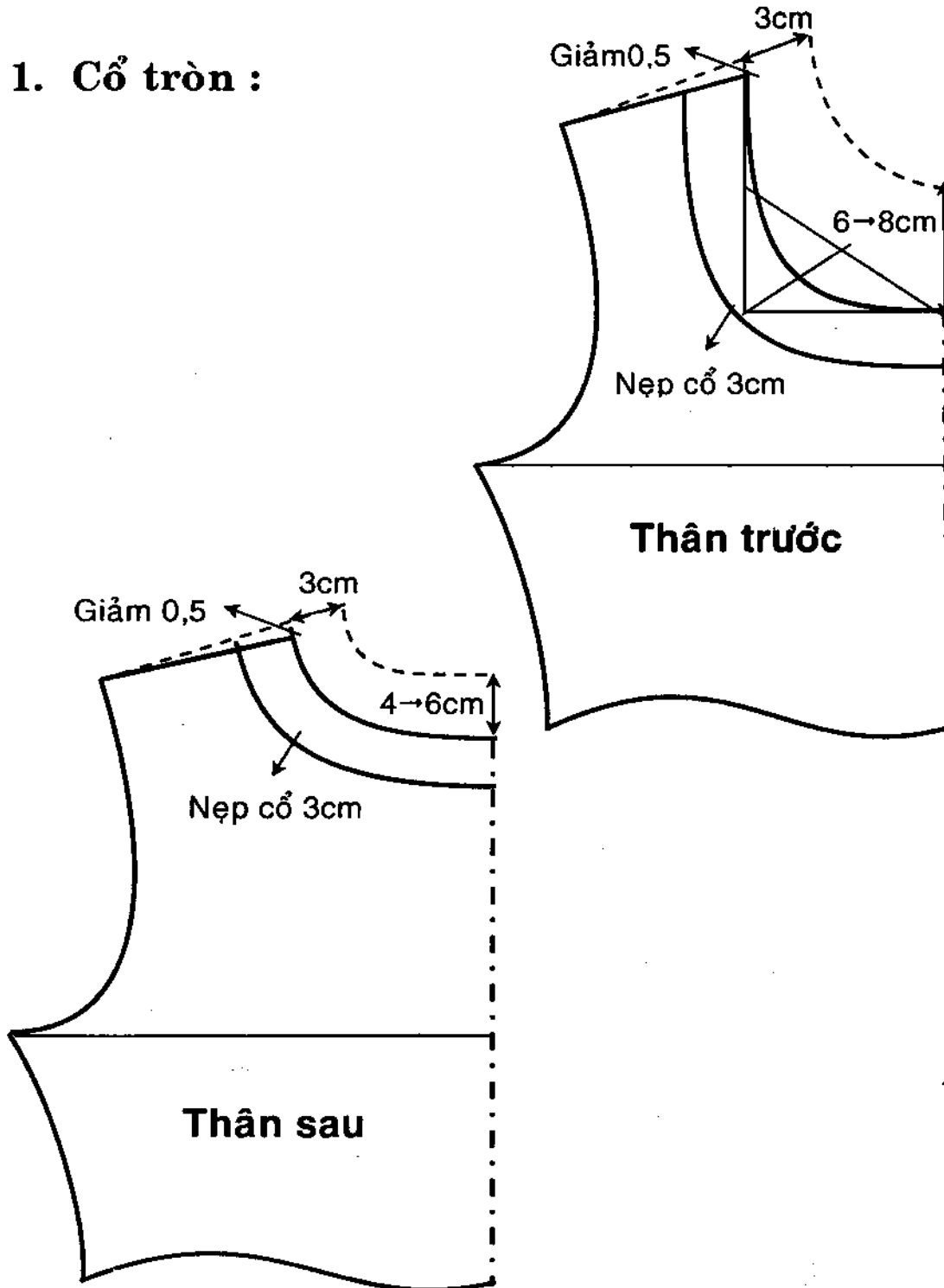


❖ **BÁN THÀNH PHẨM TAY ÁO**

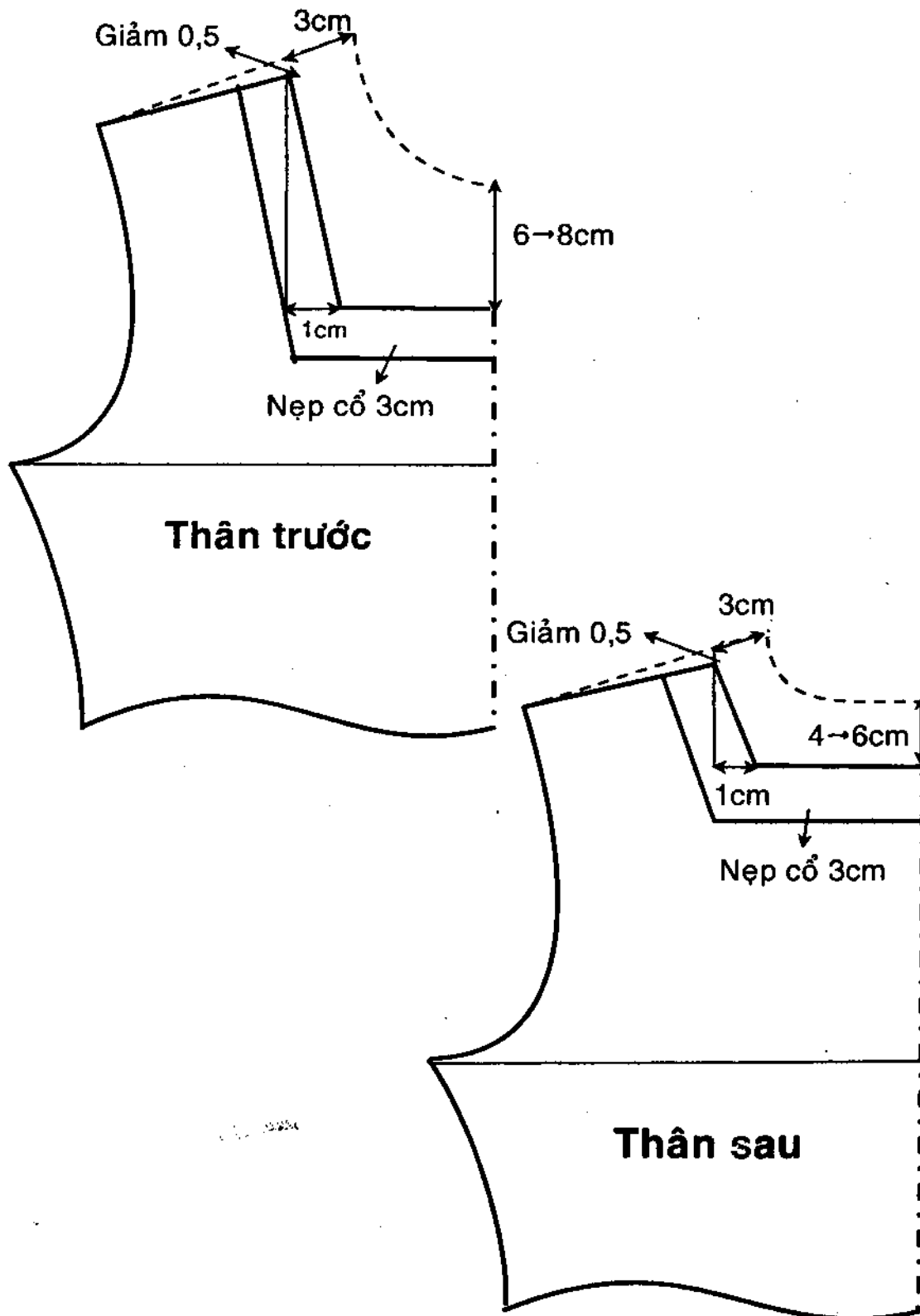


Bài 3.4: PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG CỔ ÁO

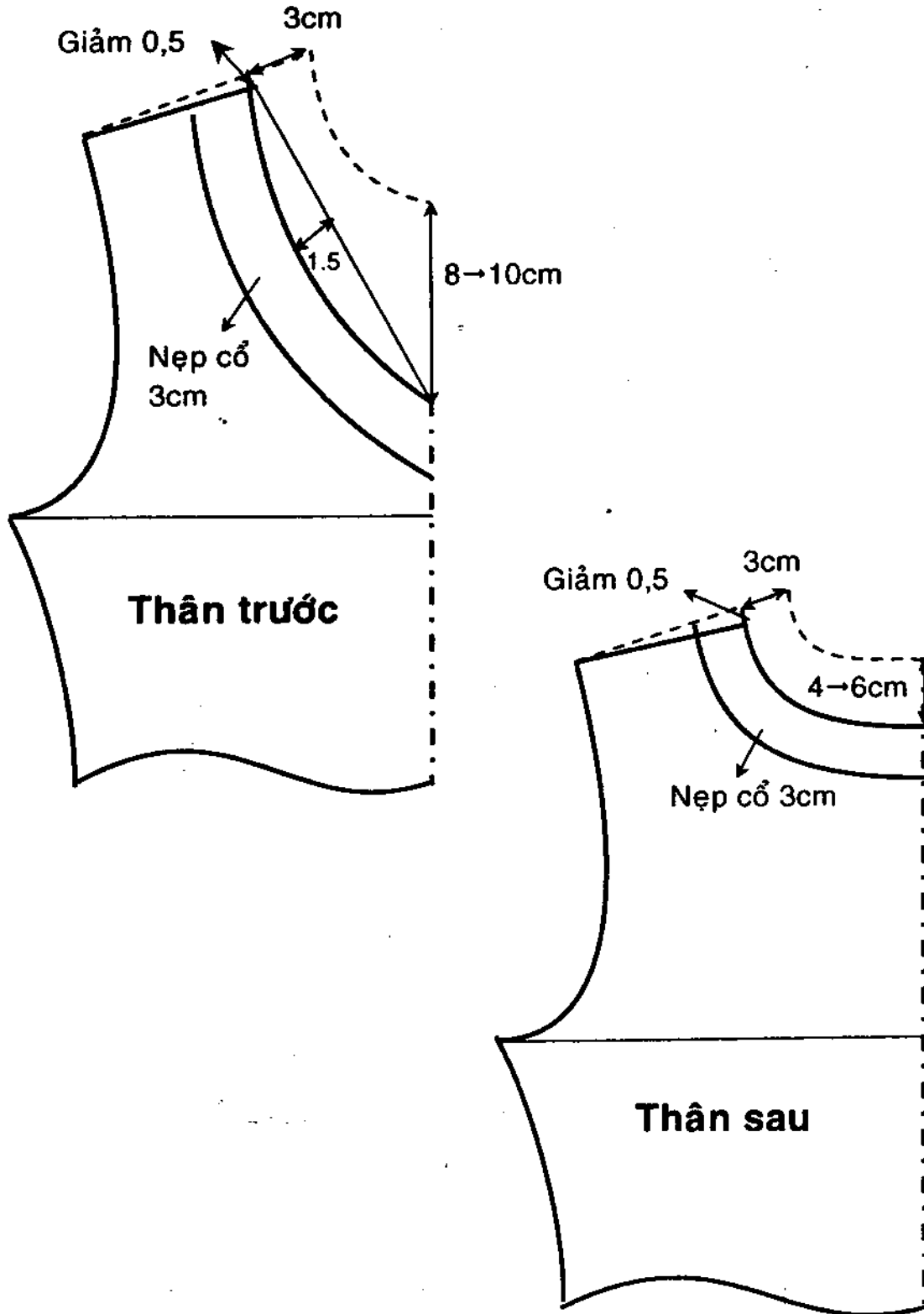
1. Cổ tròn :



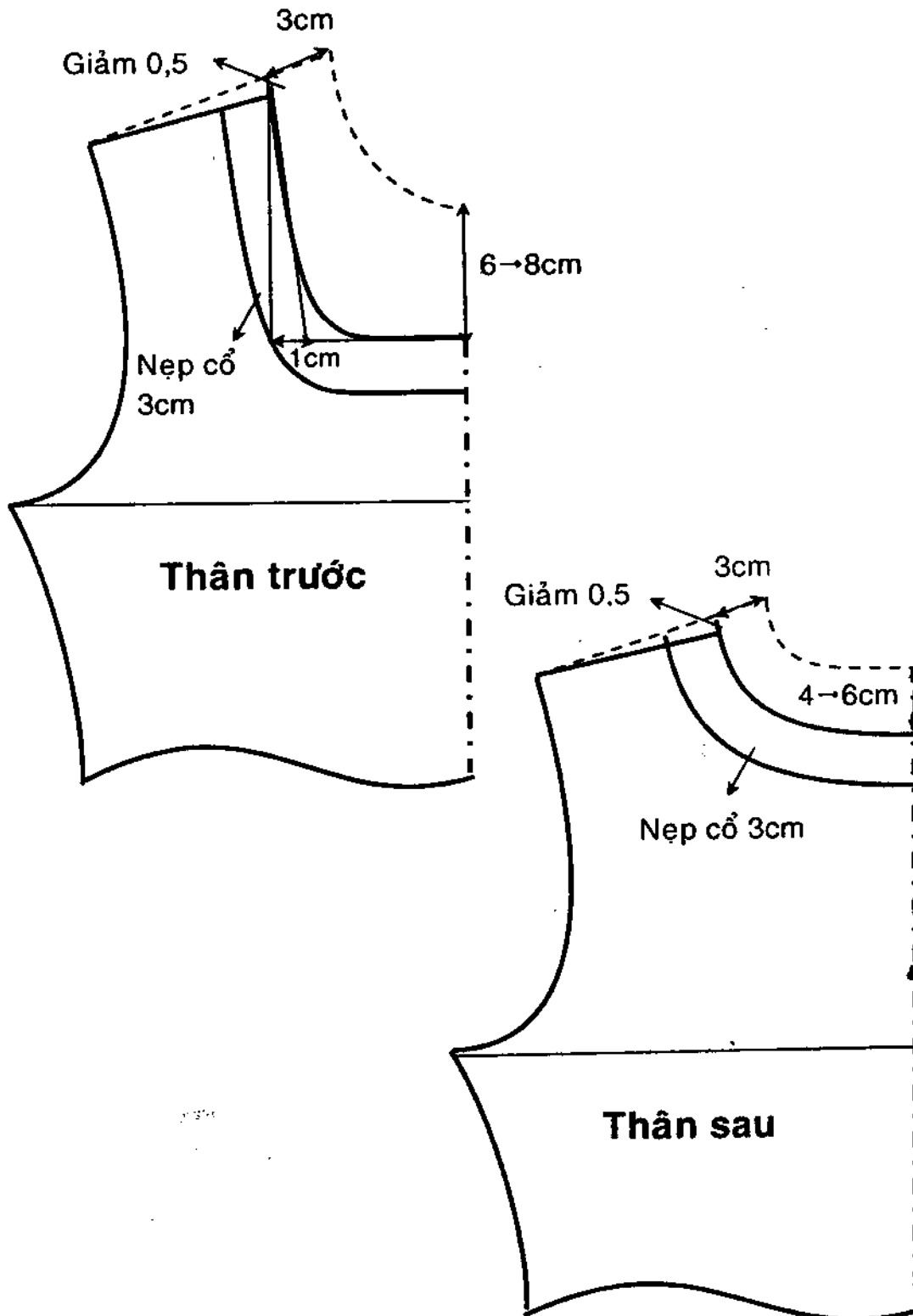
2. Cổ vuông :



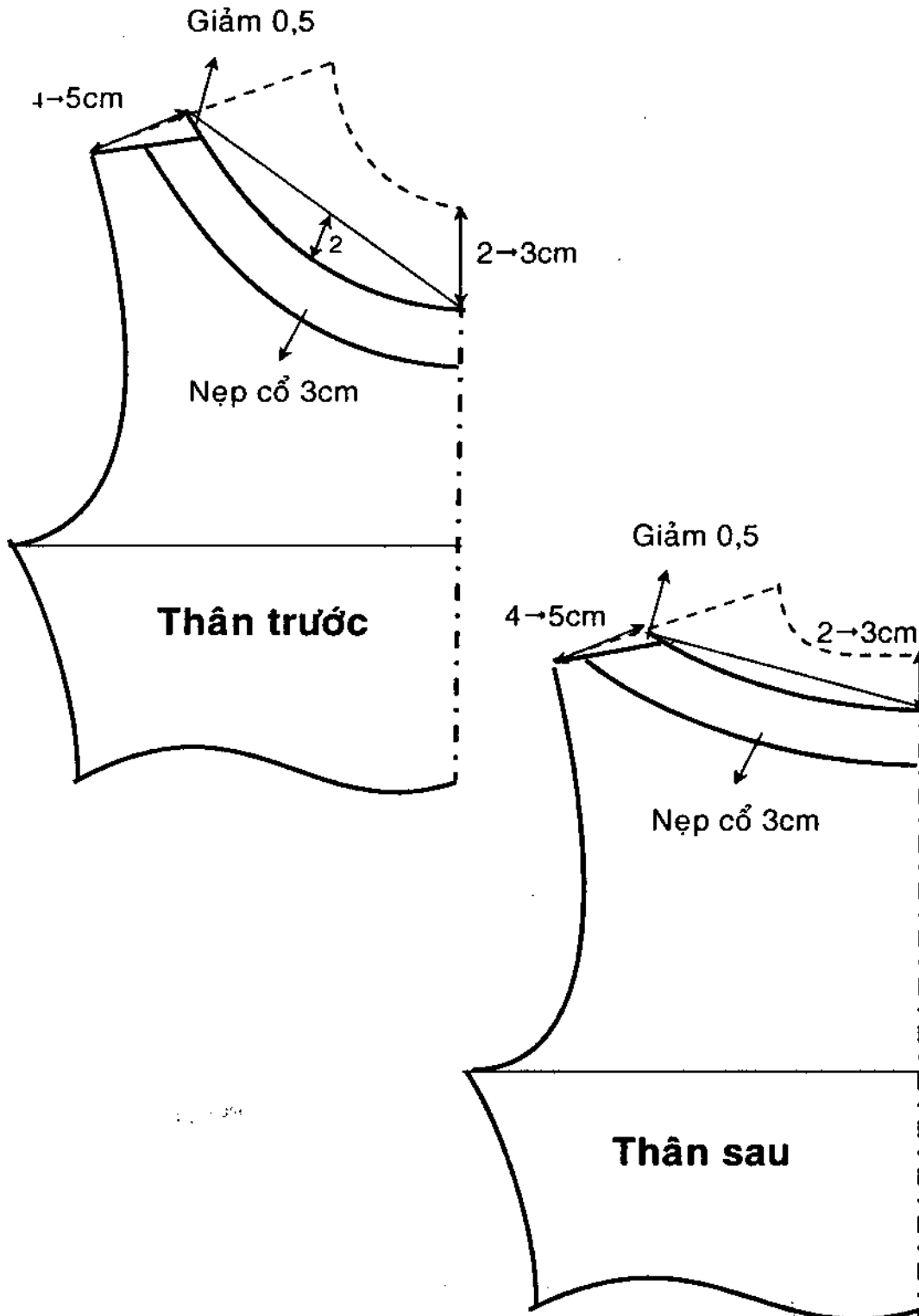
3. Cổ trái tim :



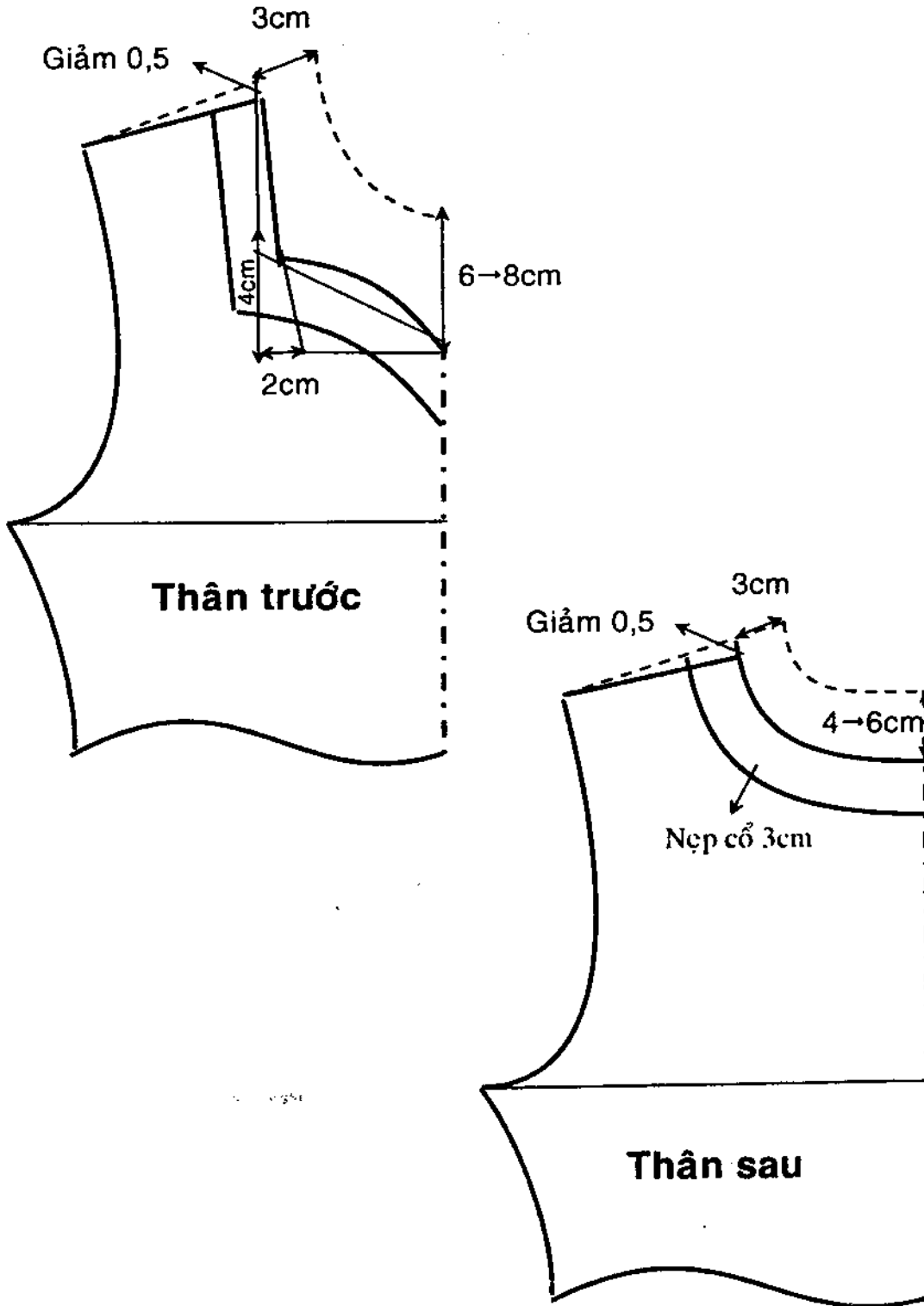
4. Cổ chữ U :



5. Cổ thuyền :



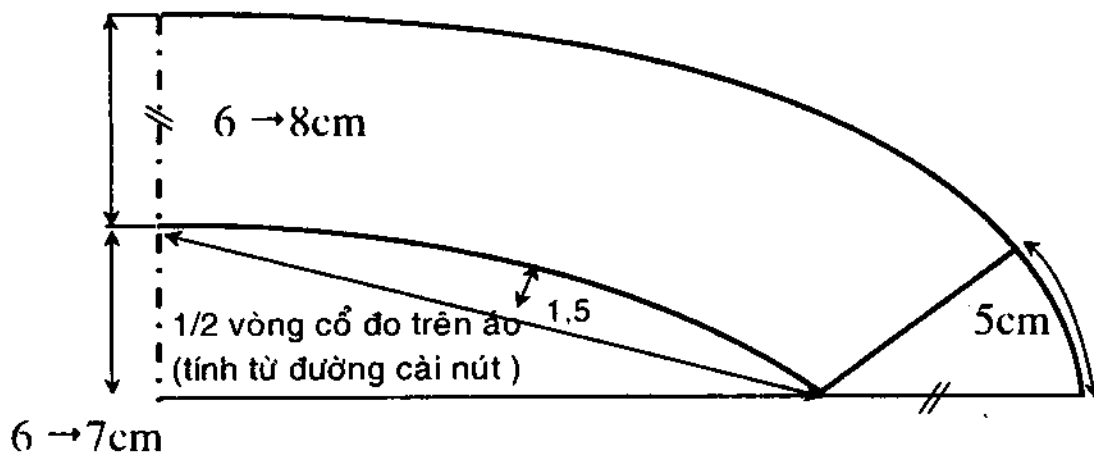
6. Cổ lục giác :



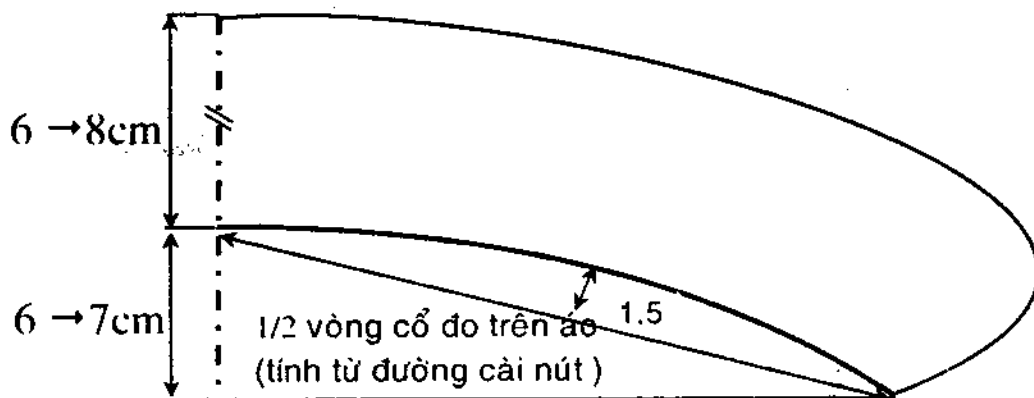
Bài 3.5 : PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG BÂU ÁO

1. Cổ lá sen đứng :

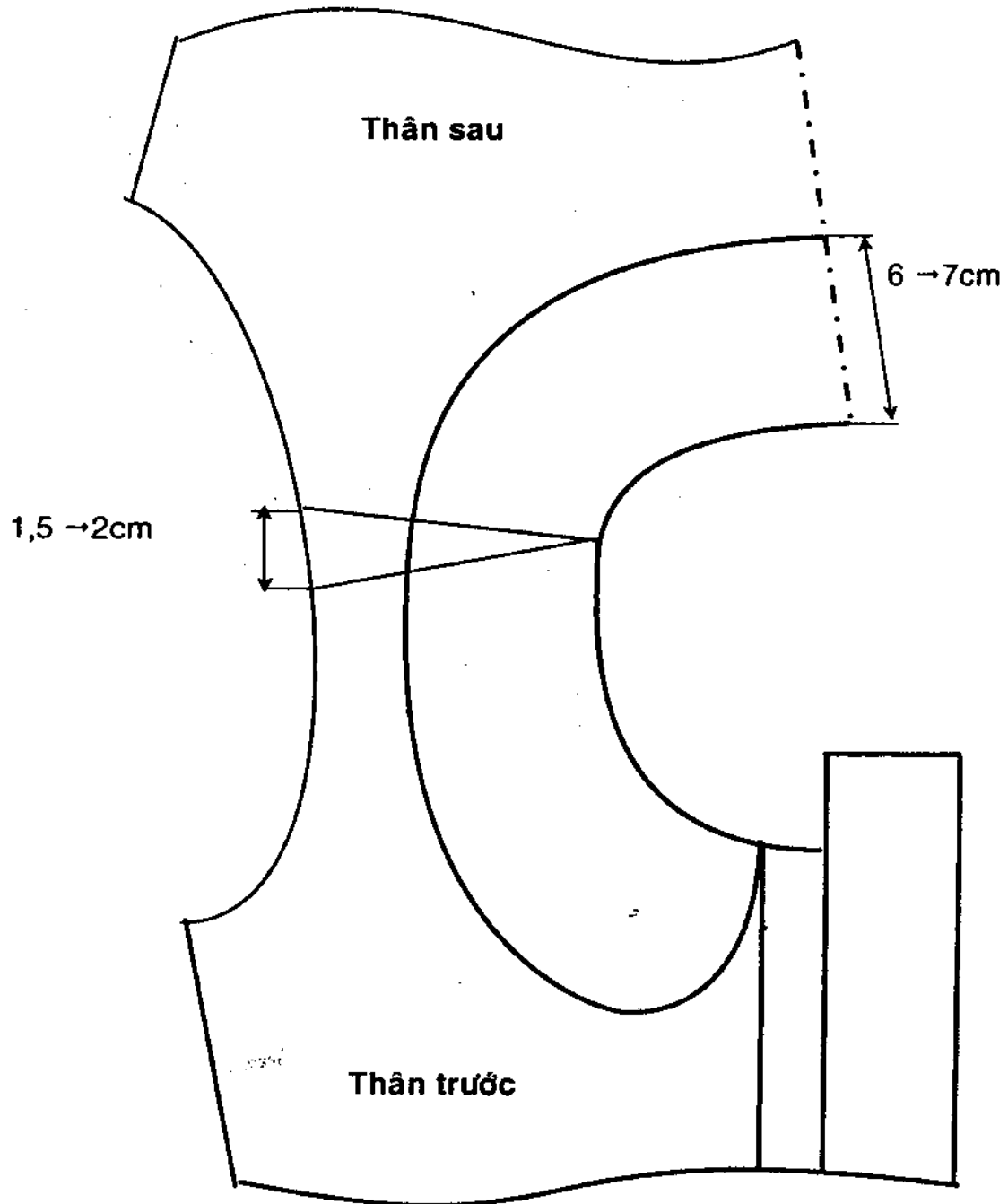
❖ Cổ lá sen đứng vuông



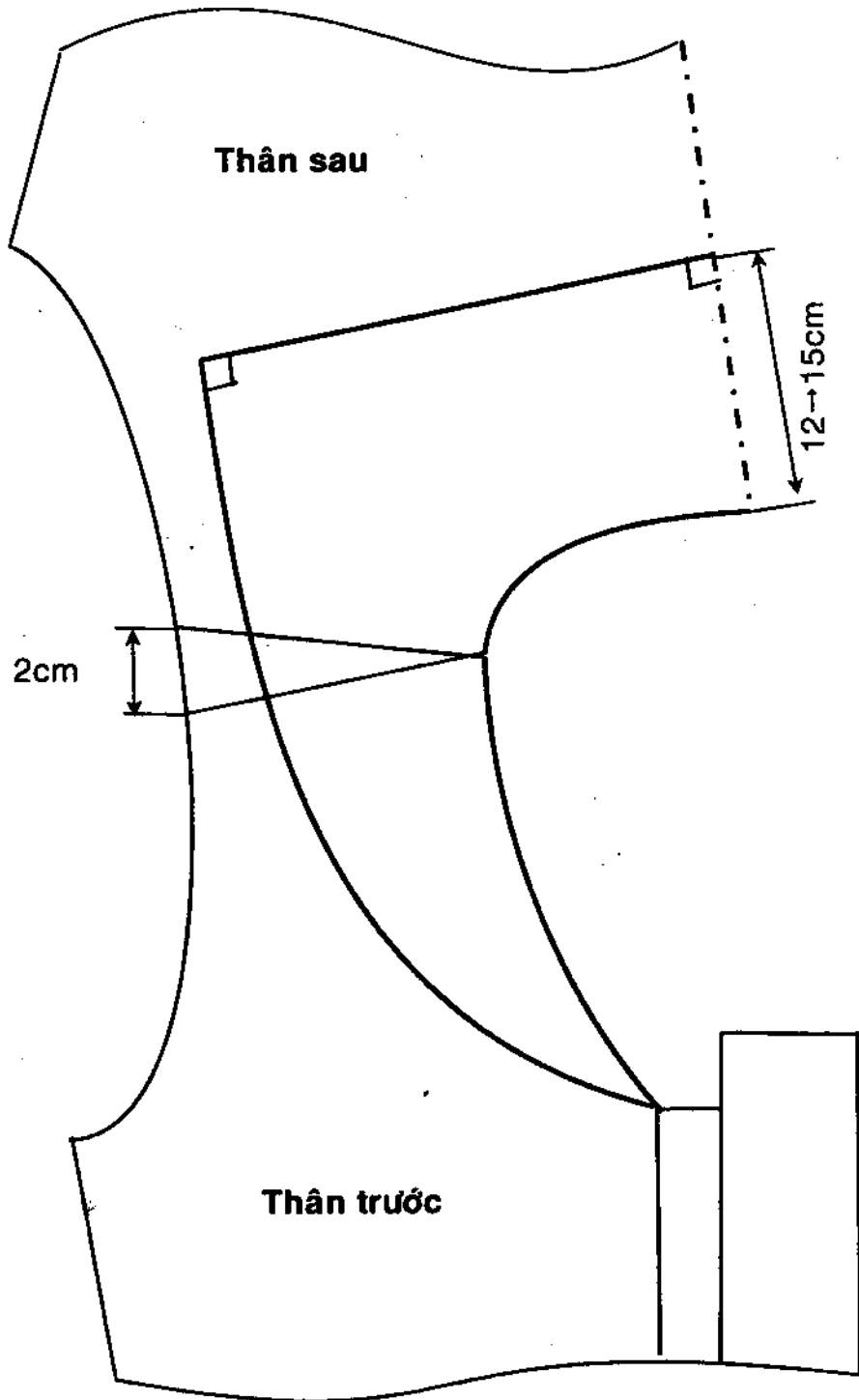
❖ Cổ lá sen đứng tròn



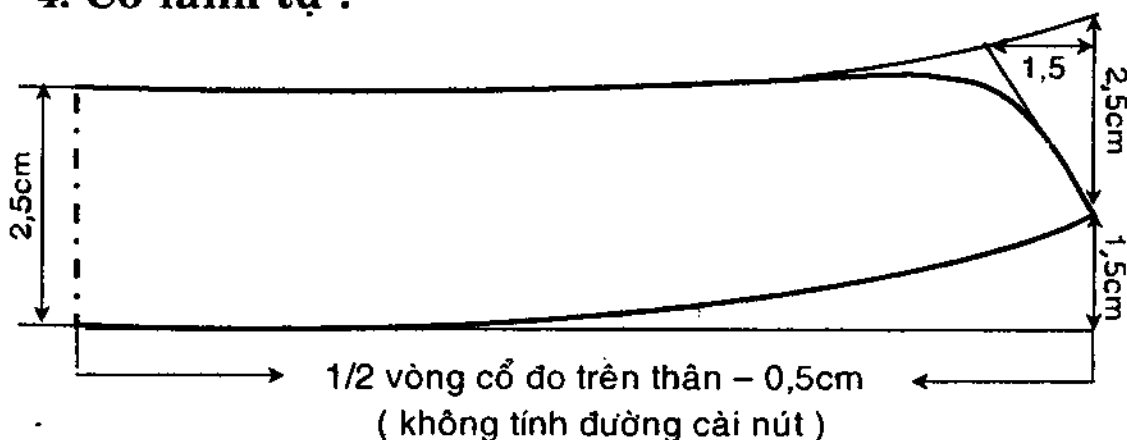
2. Cổ lá sen nằm :



3. Cổ lính thủy :



4. Cổ lãnh tụ :



5. Cắt dây viền : Dây viền là vải xéo 45⁰

❖ Dây viền tròn chiếc

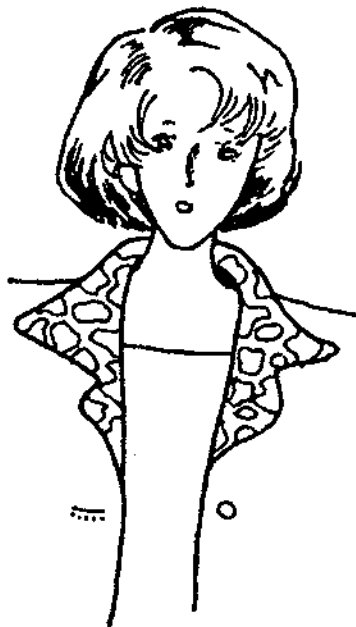
- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + đường may 2 đầu
- Chiều rộng = thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm

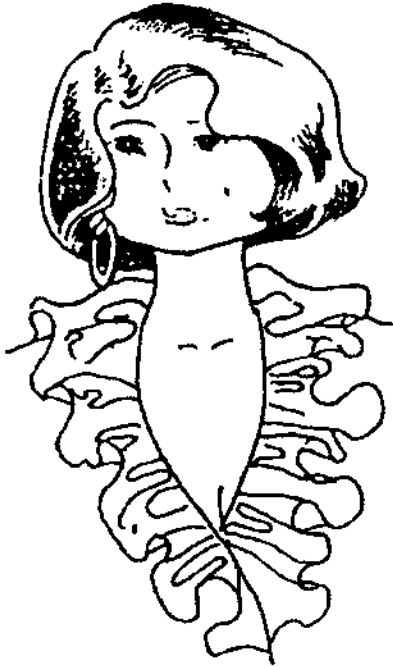
❖ Dây viền tròn đôi

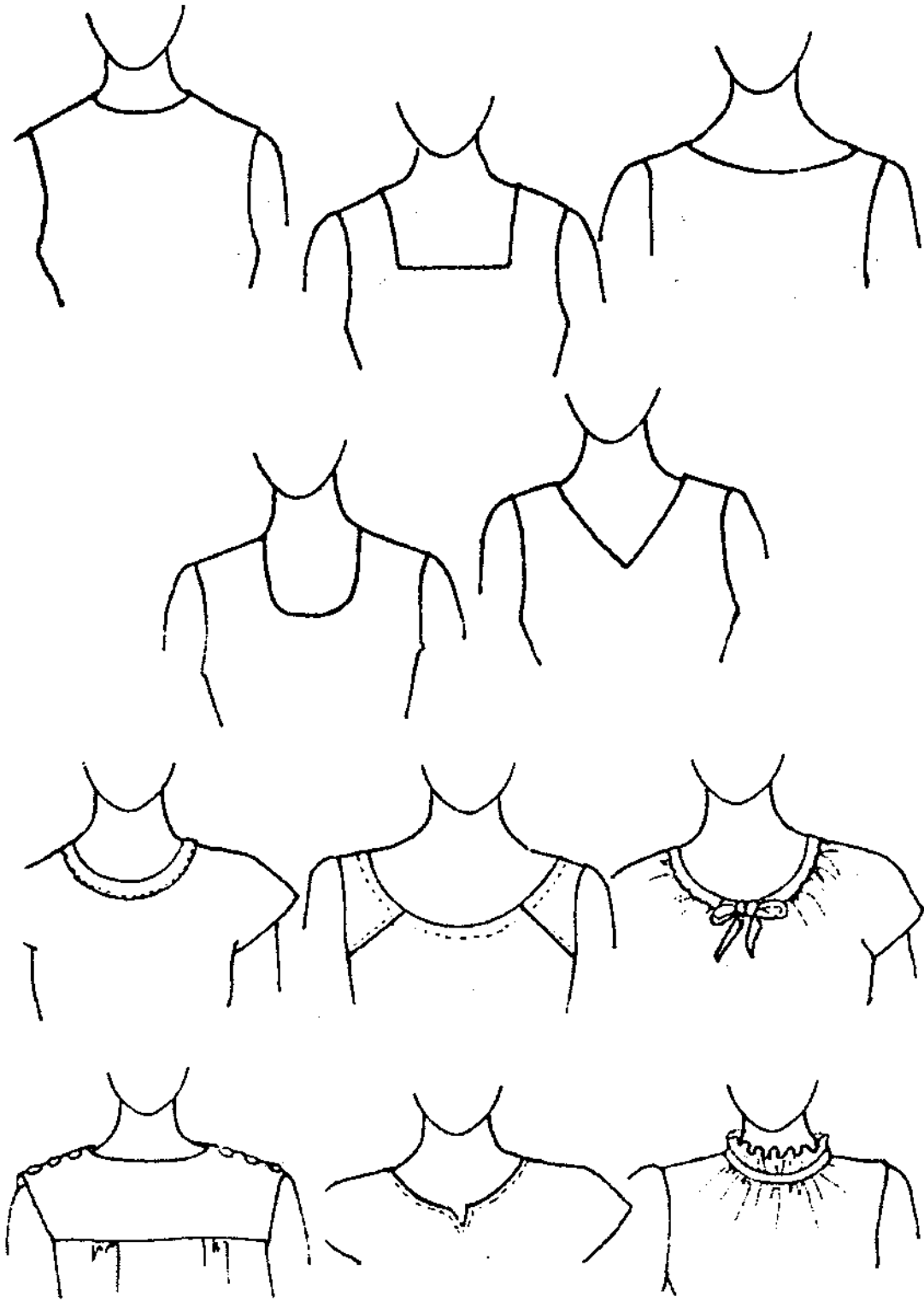
- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + đường may 2 đầu
- Chiều rộng = 2 (thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm)

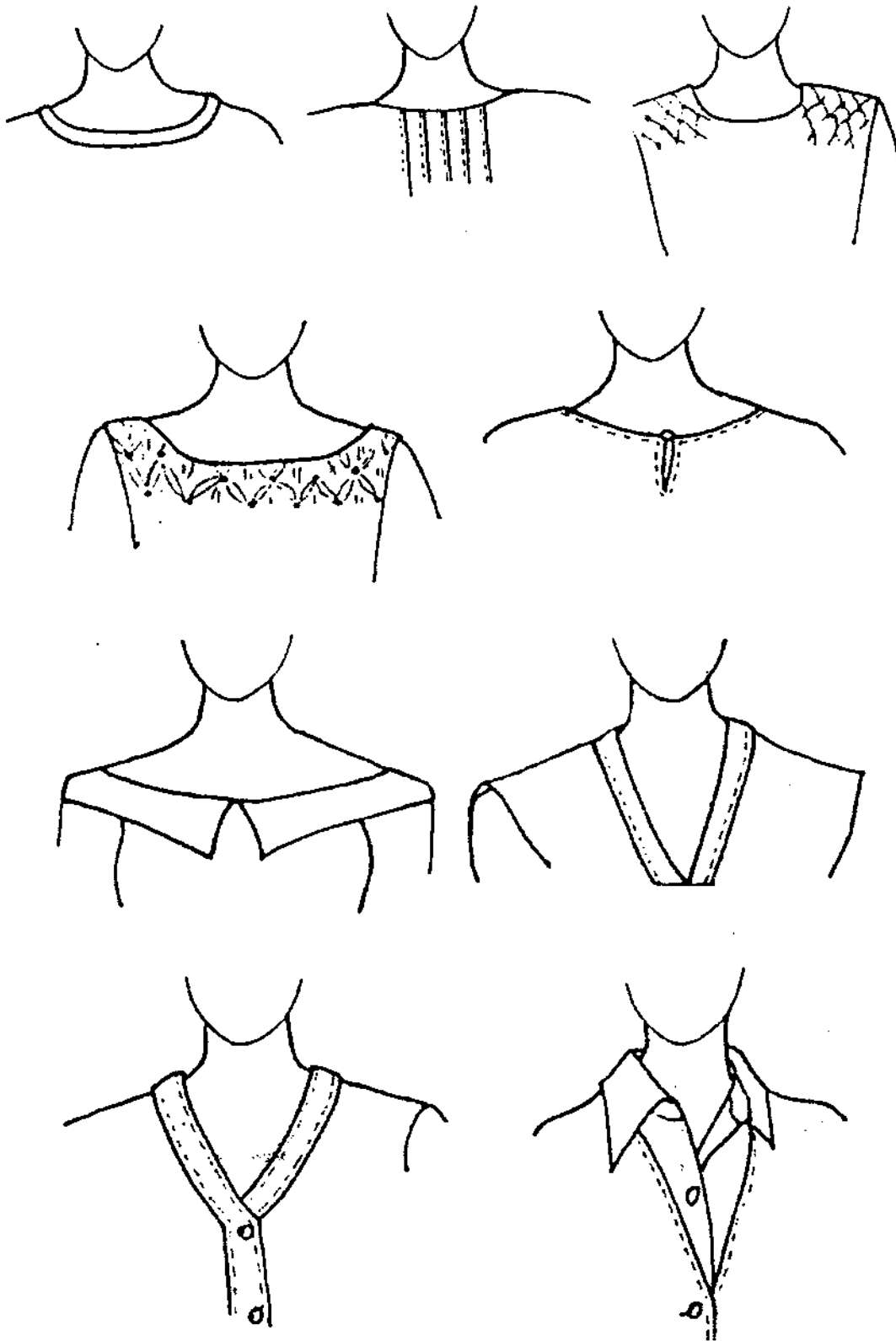
❖ Dây viền áo cổ lá sen, cổ lính thủy

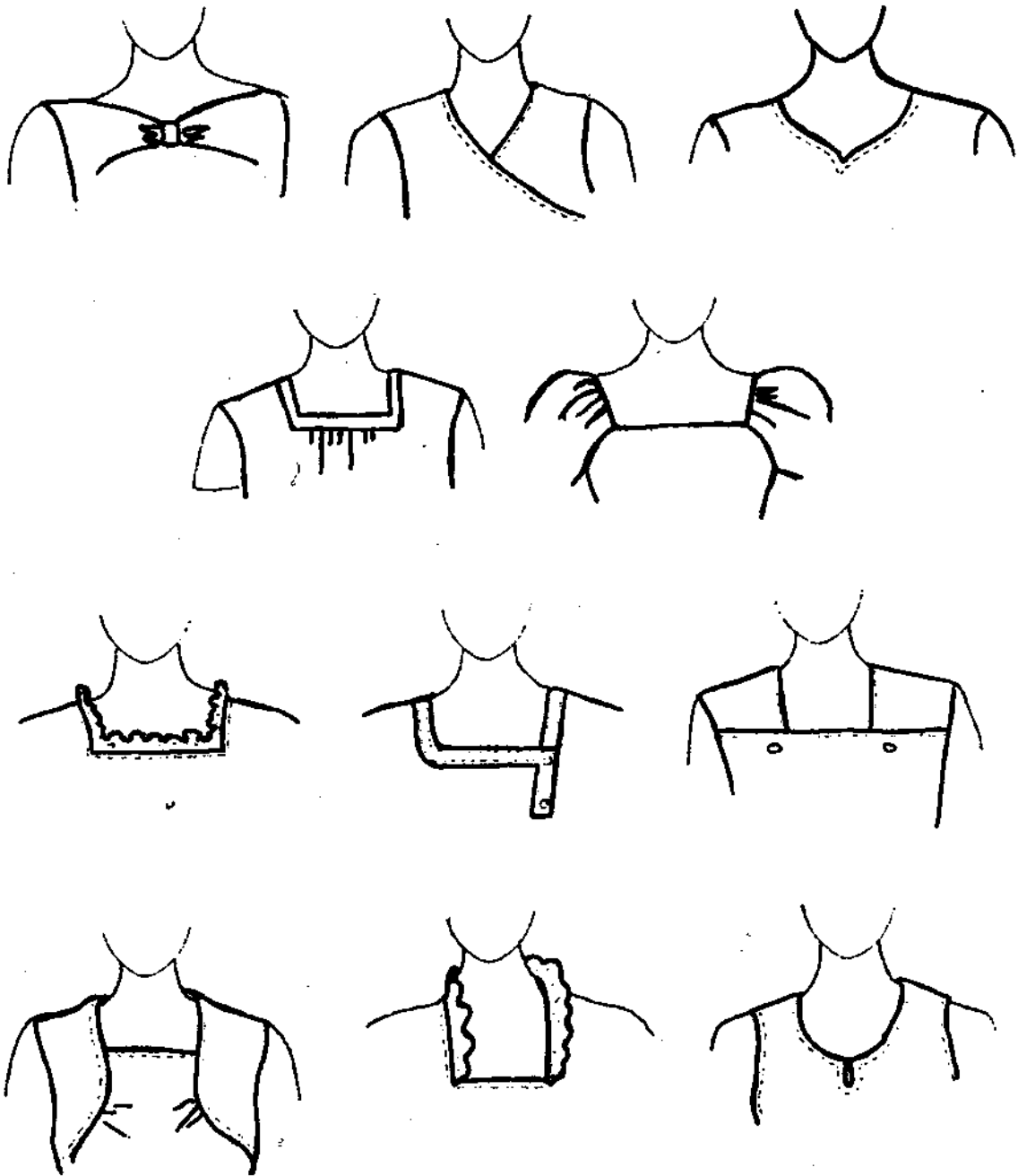
- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + 1cm đường may 2 đầu
- Chiều rộng = 2 (thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm)

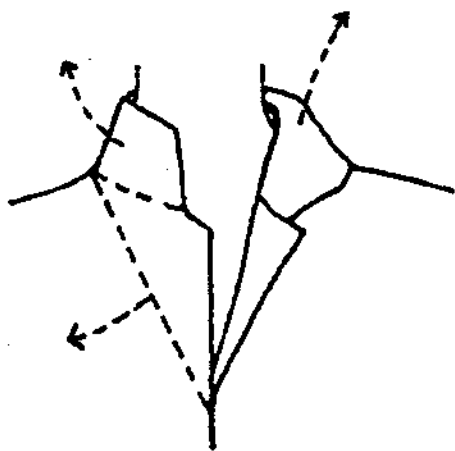
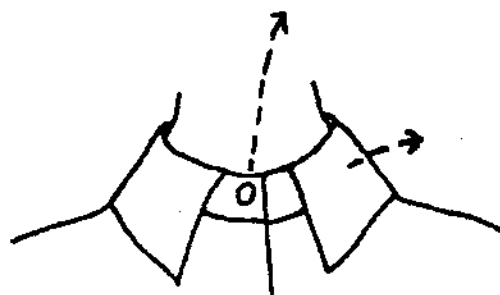
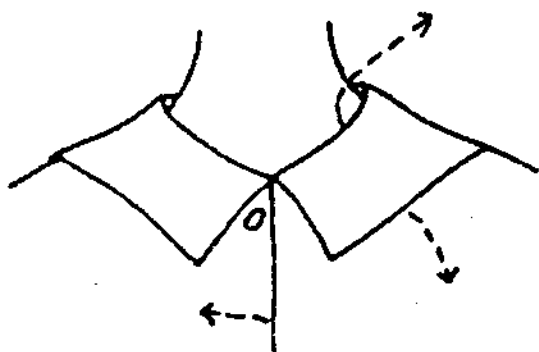


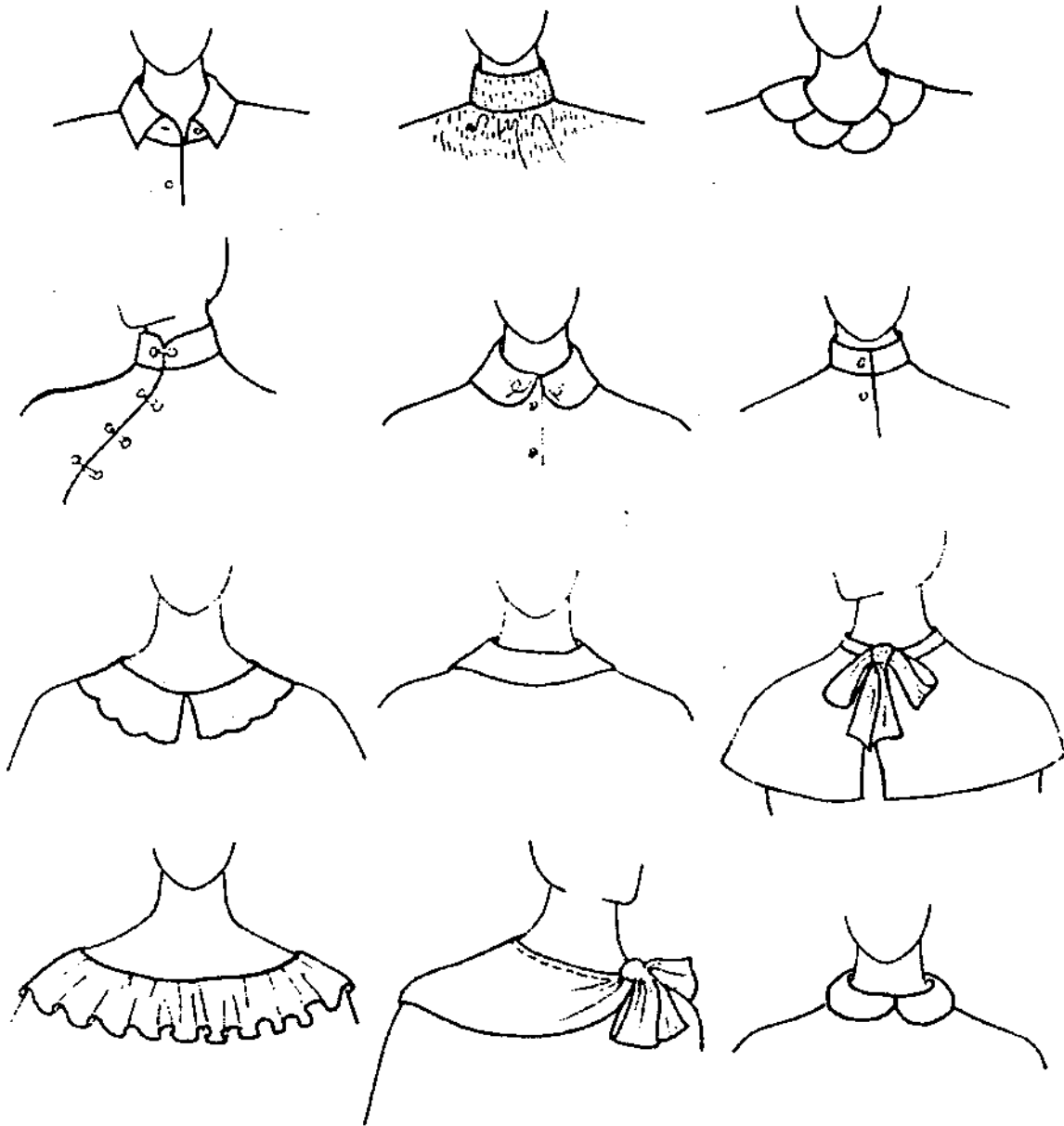


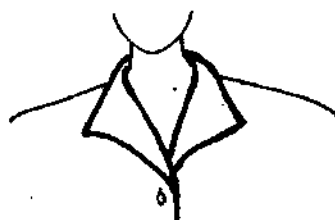
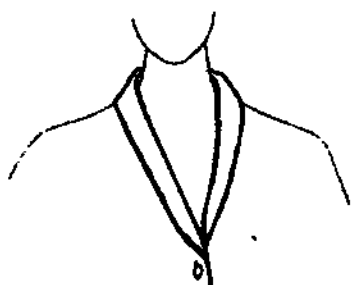
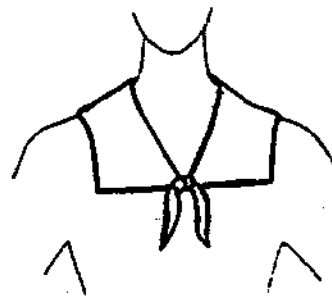
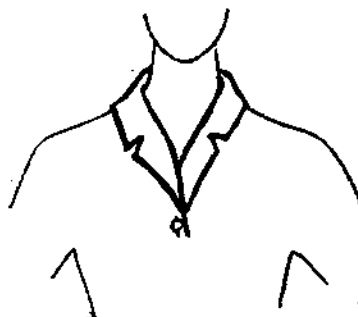


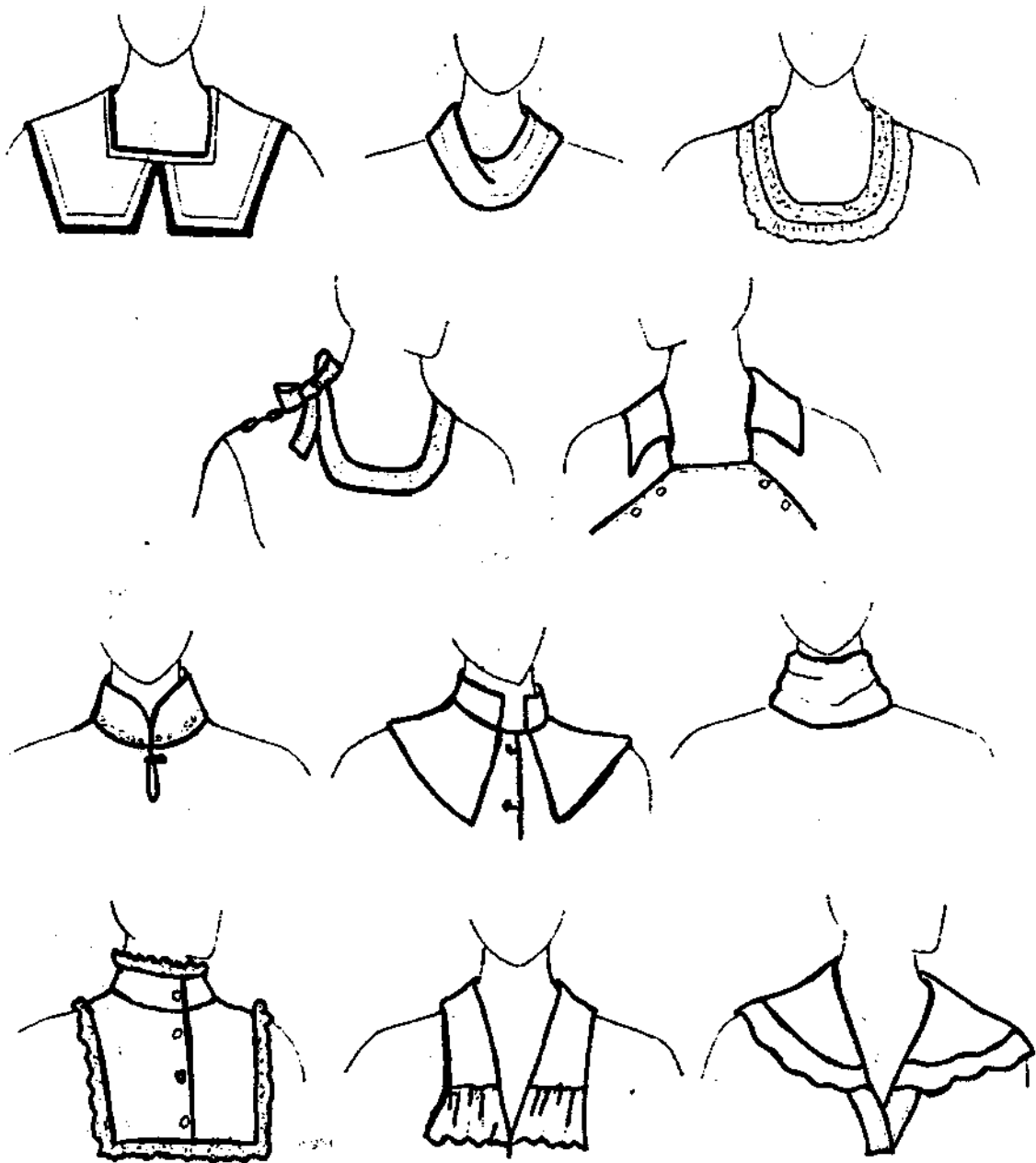


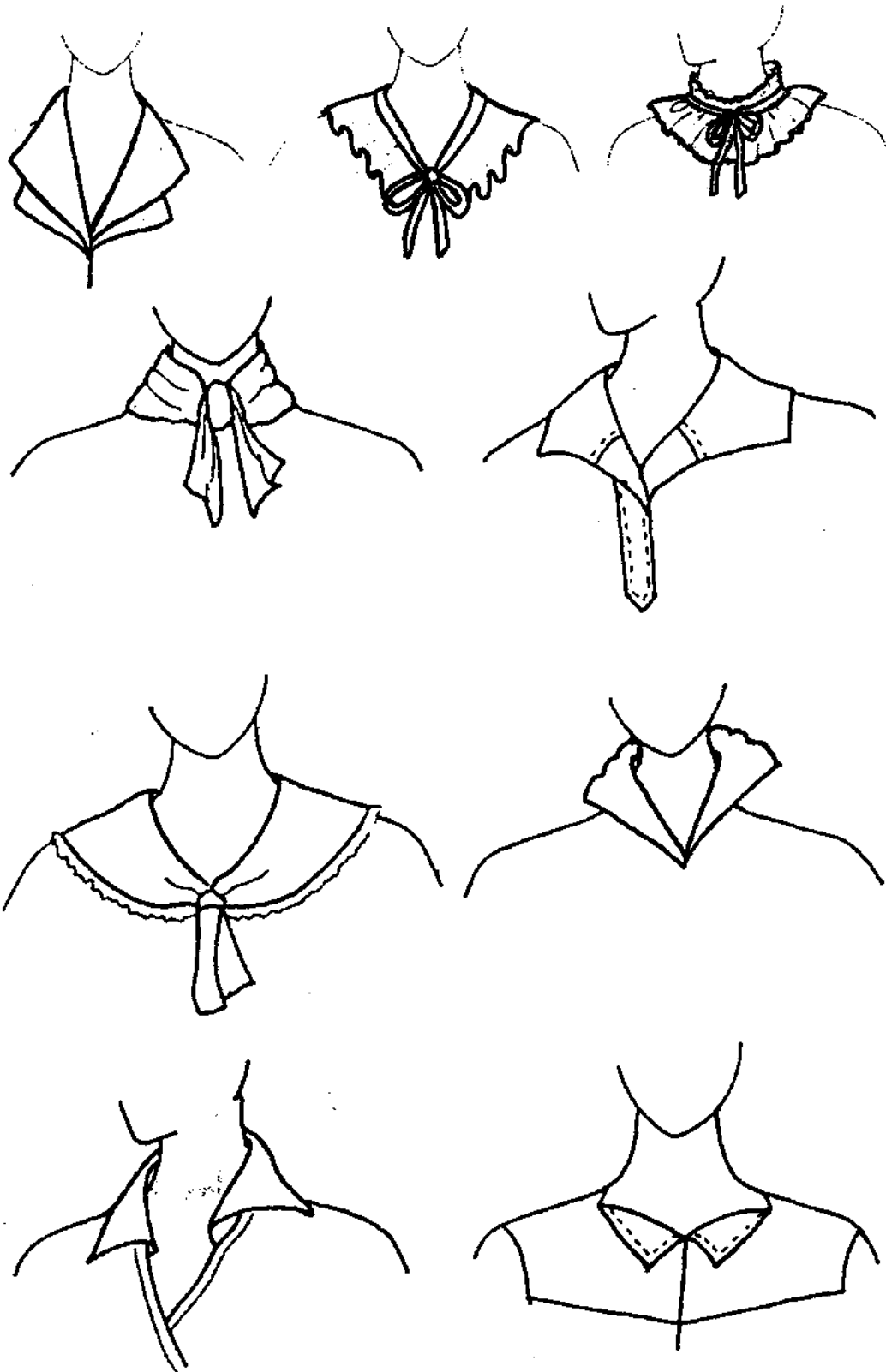


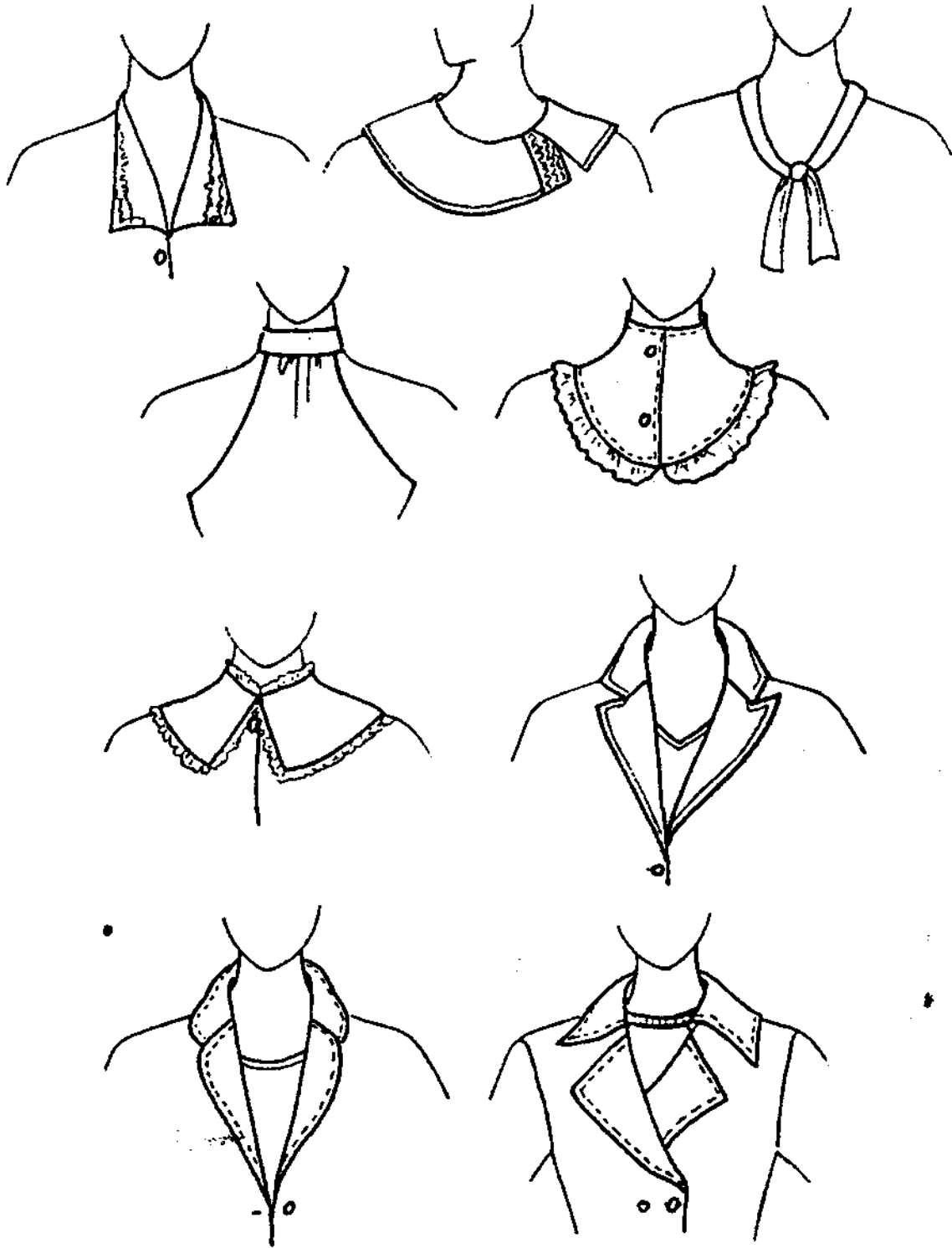


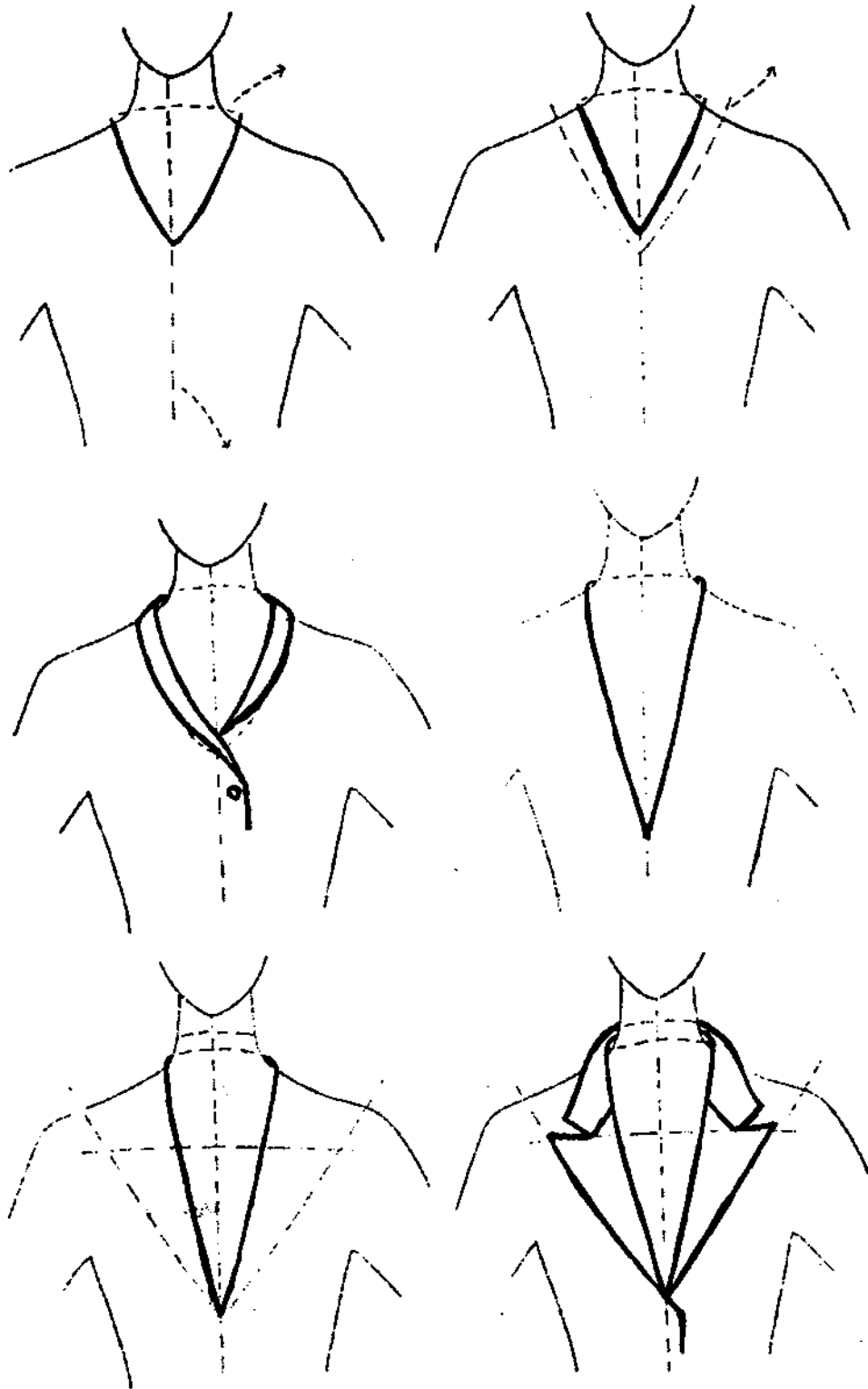


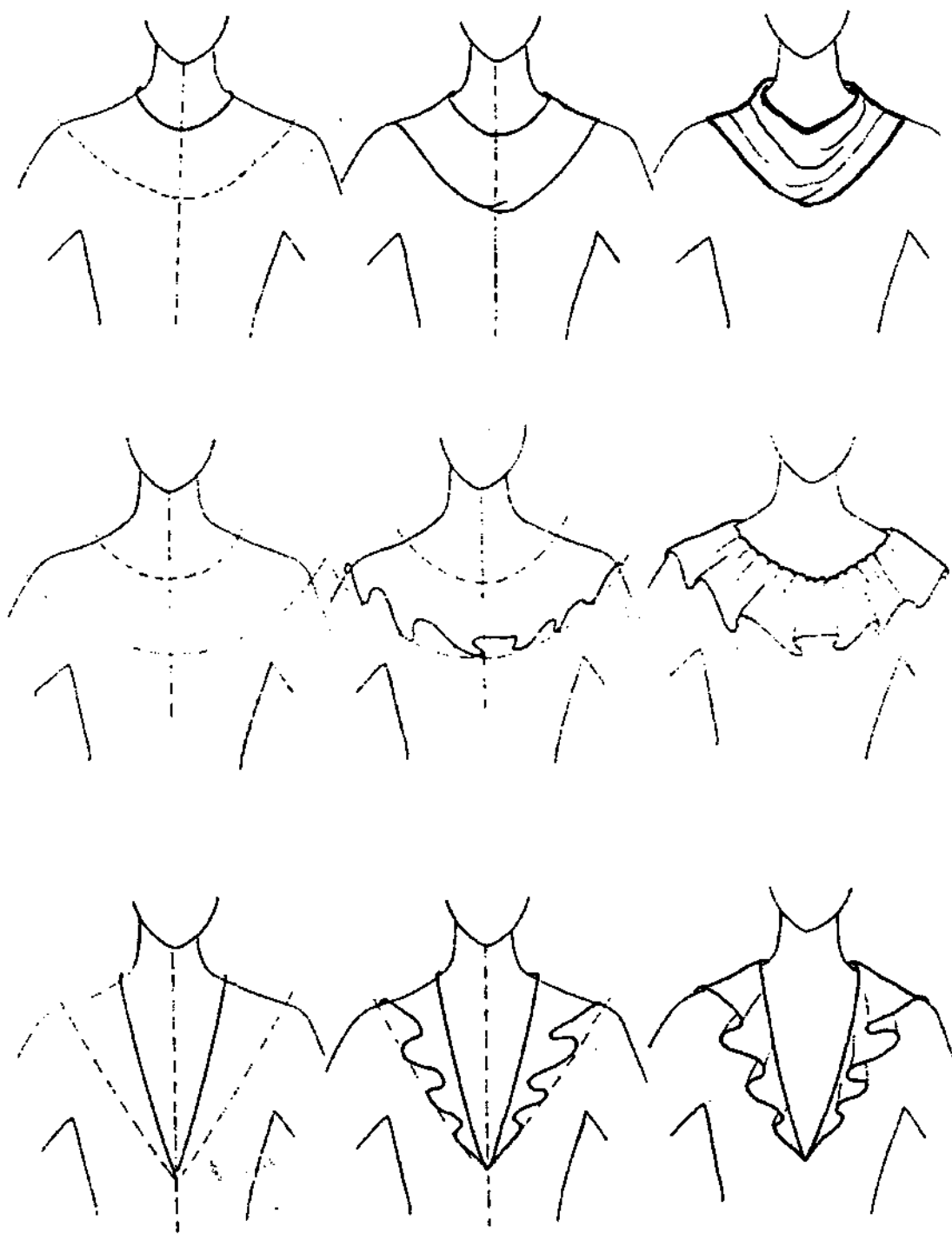


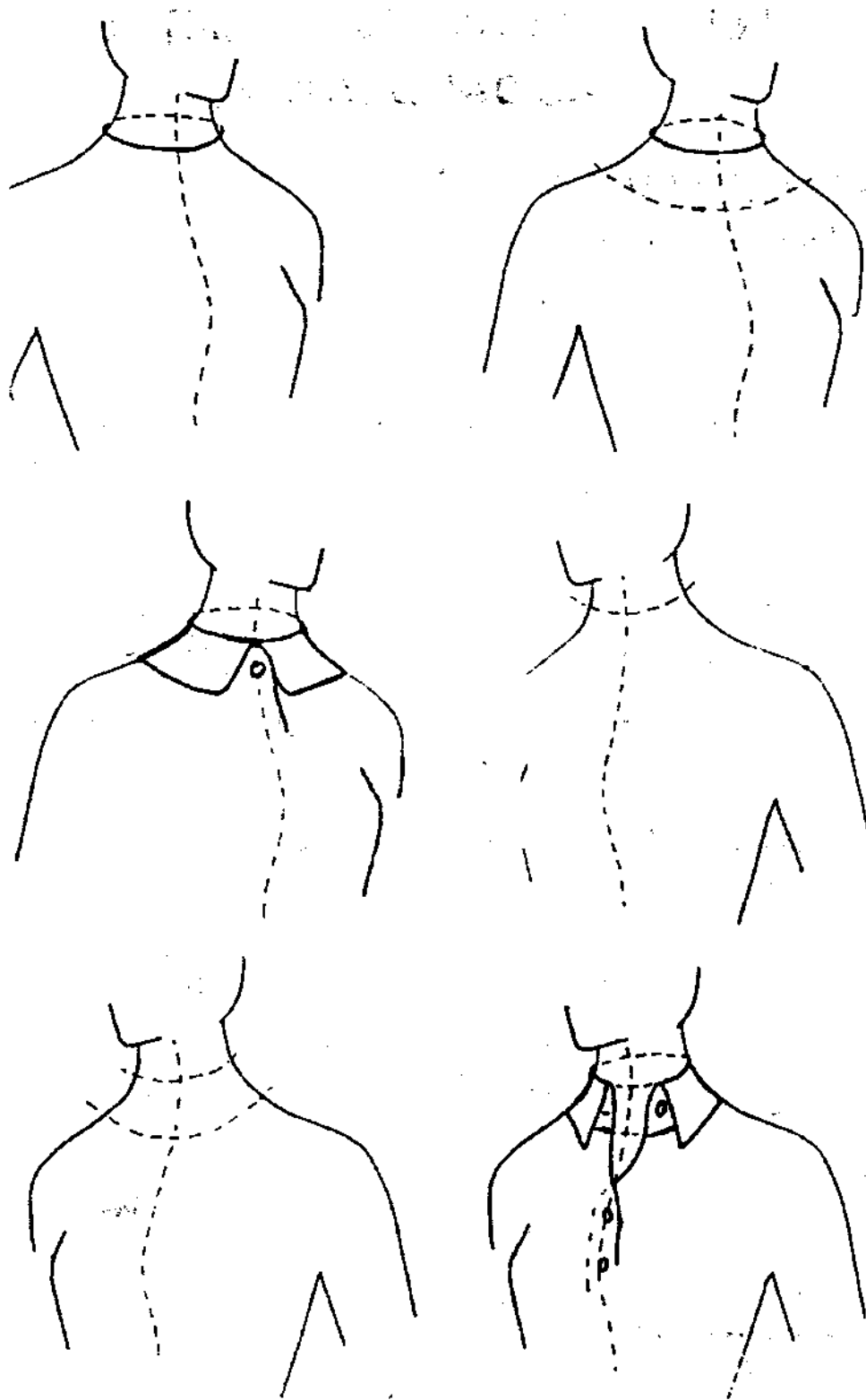










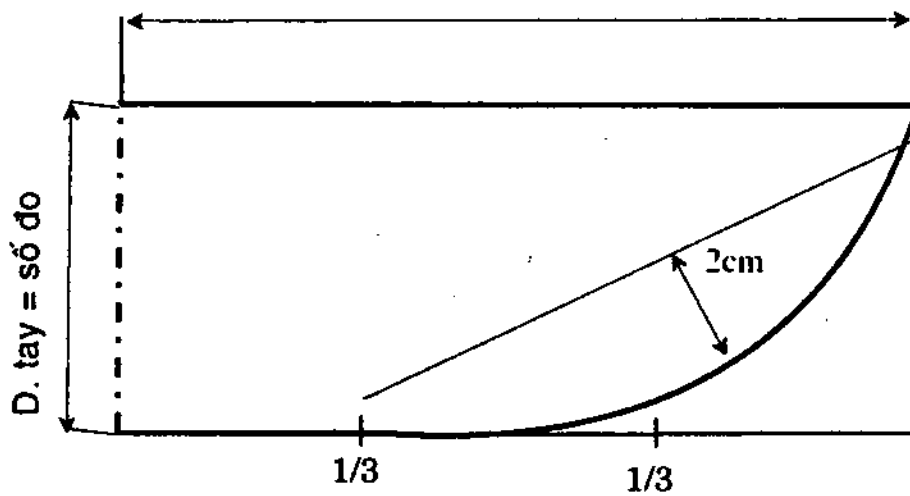


Bài 3.6 : PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG TAY ÁO

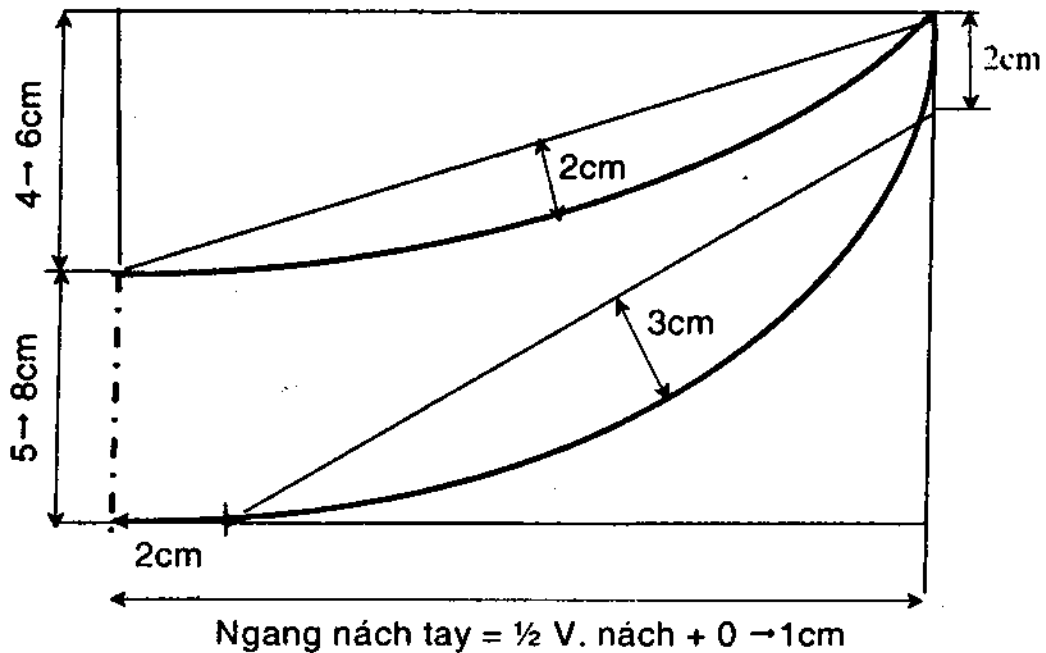
1. Tay cánh tiên :

Dạng 1 : Tay cánh tiên thẳng

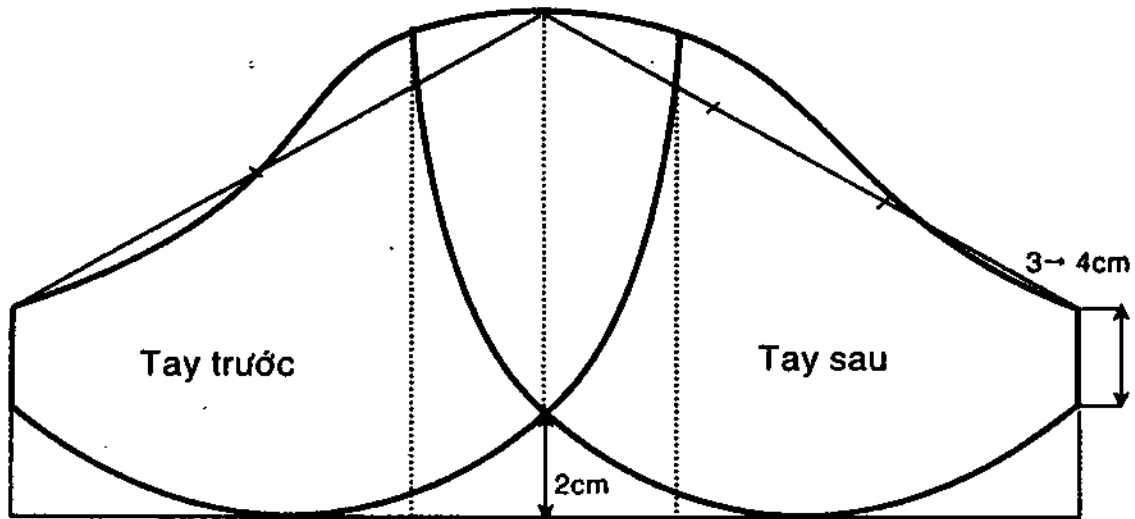
$$\text{Cửa tay} = \frac{1}{2} V. \text{ nách} + 3 \rightarrow 5$$



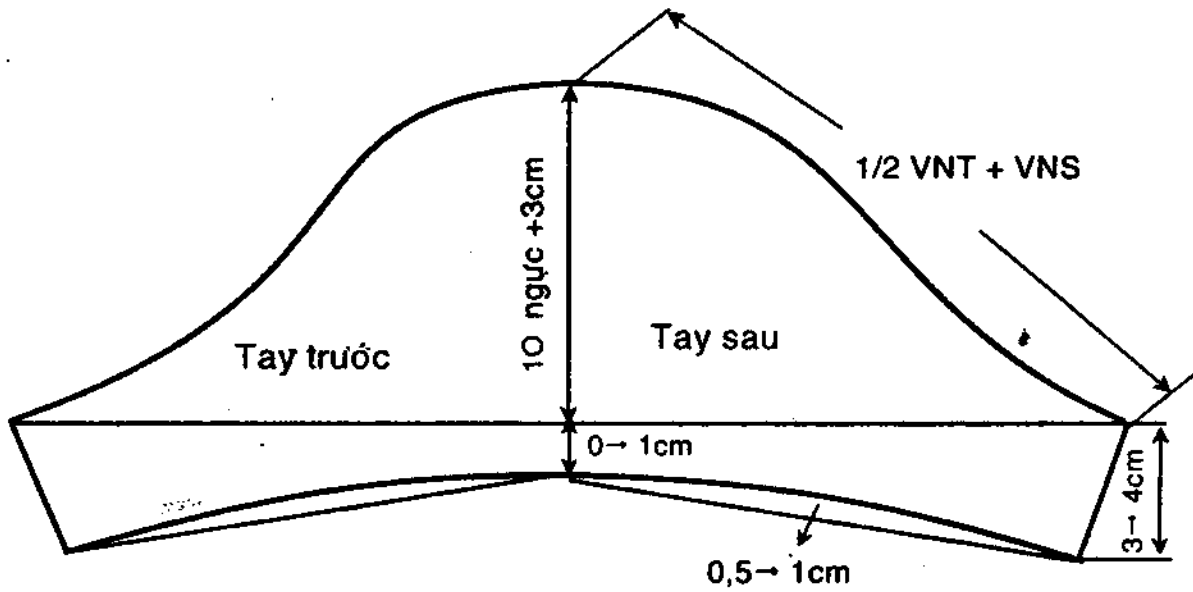
Dạng 2: Tay cánh tiên cong



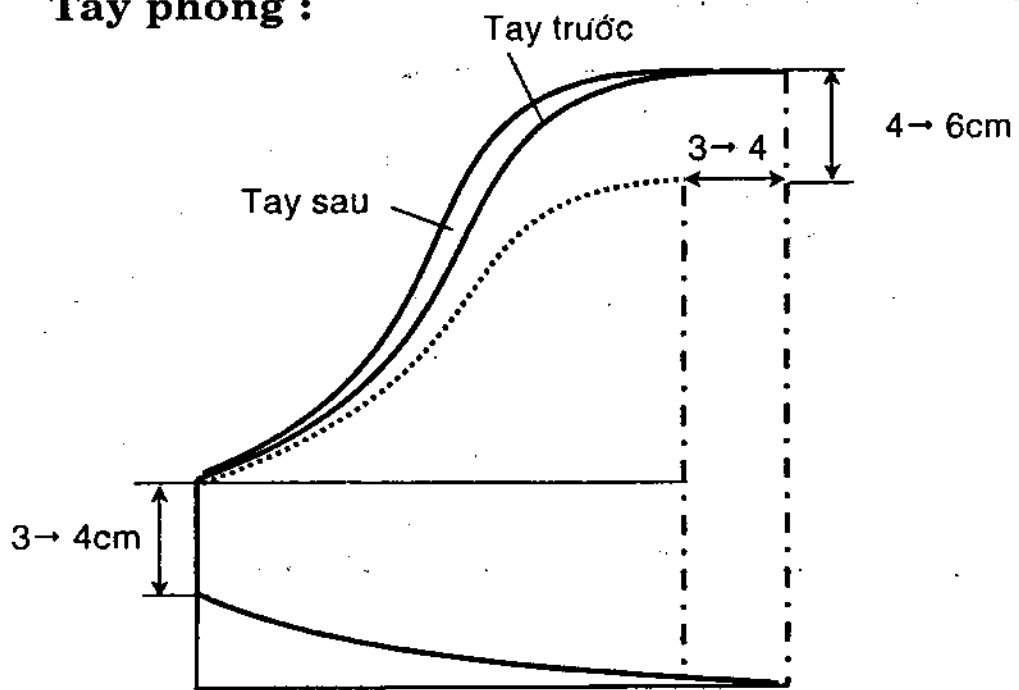
2. Tay cánh hồng :



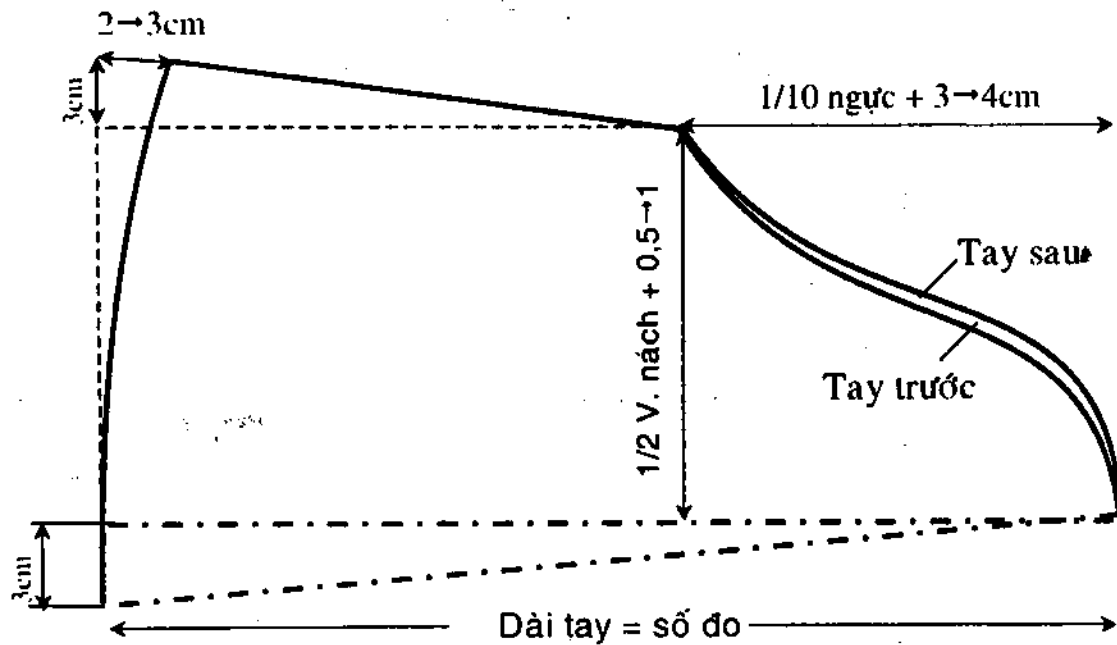
3. Tay hất : (Tay mi ni)

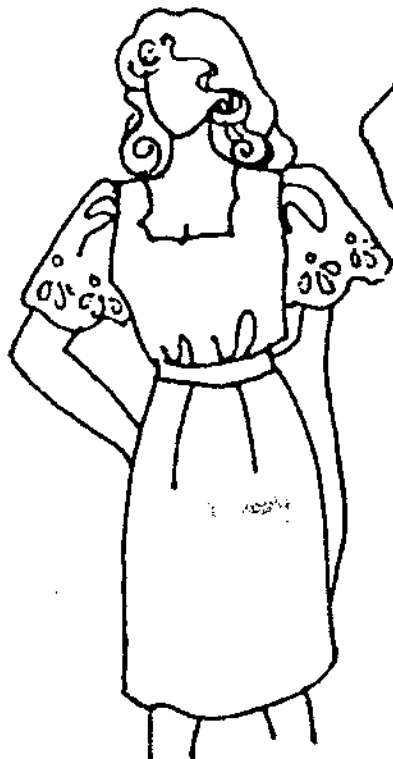
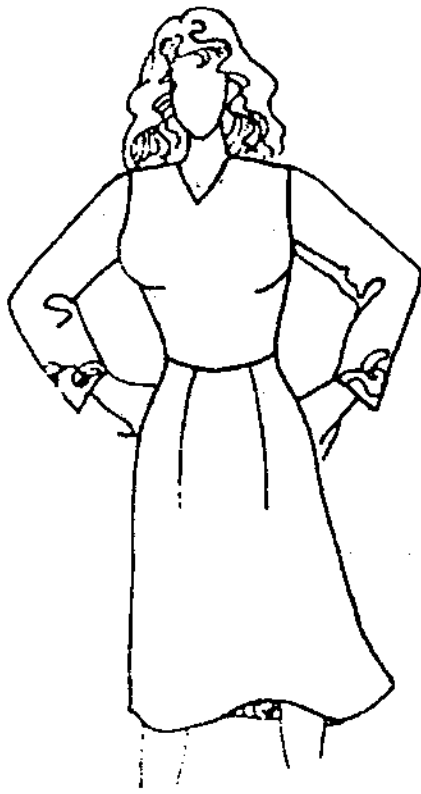


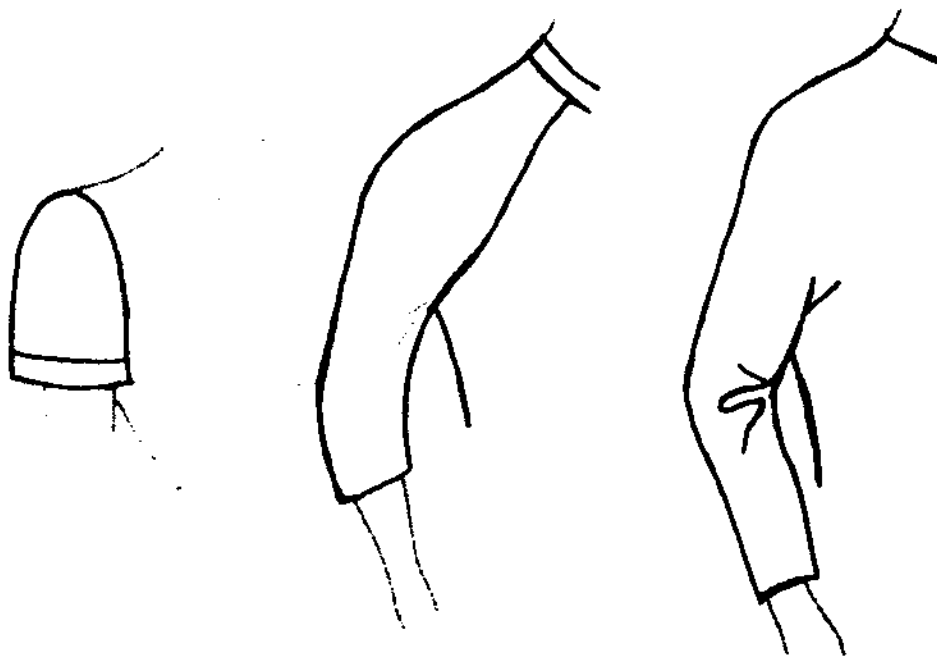
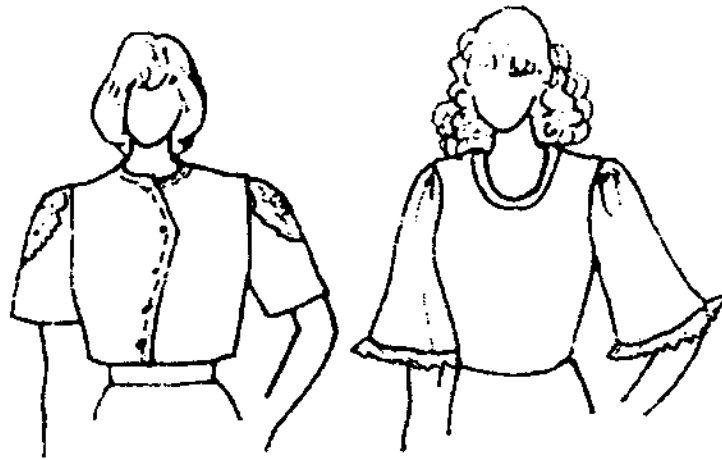
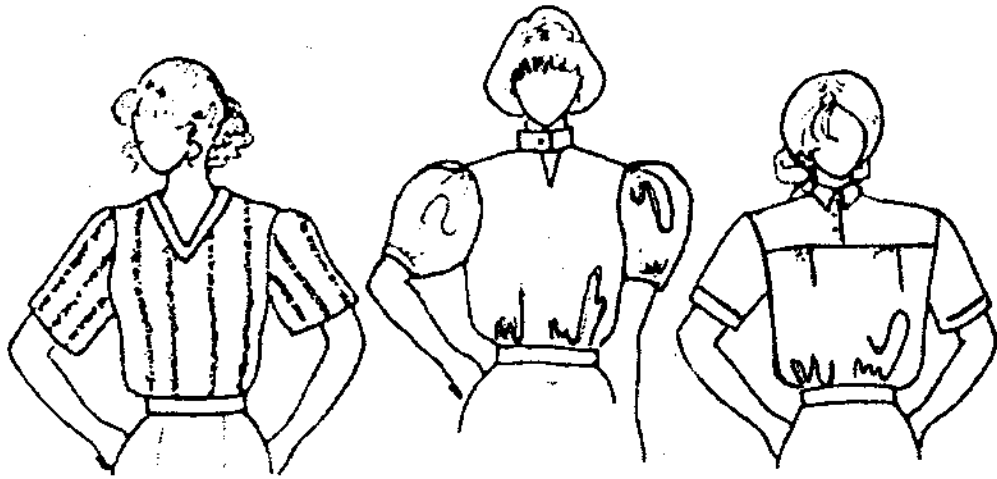
4. Tay phồng :

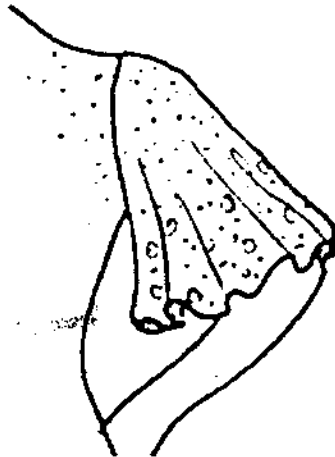
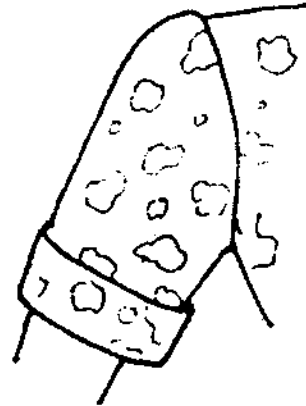
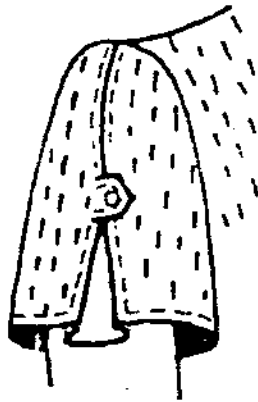
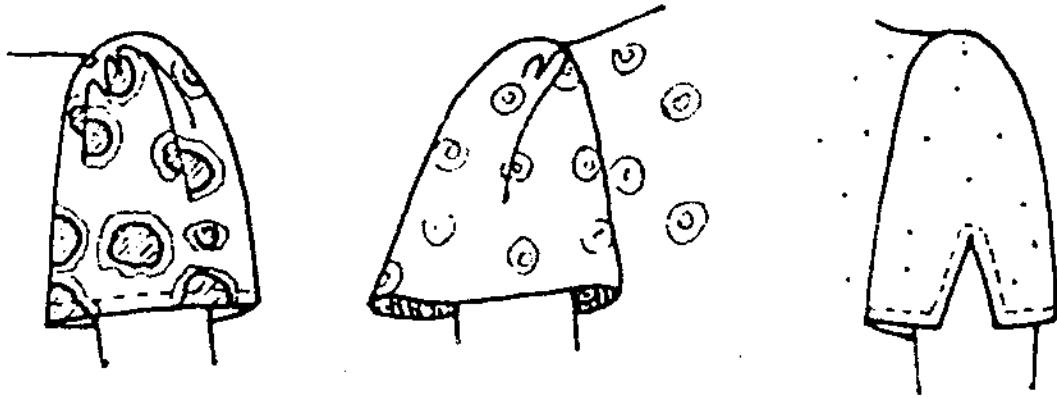


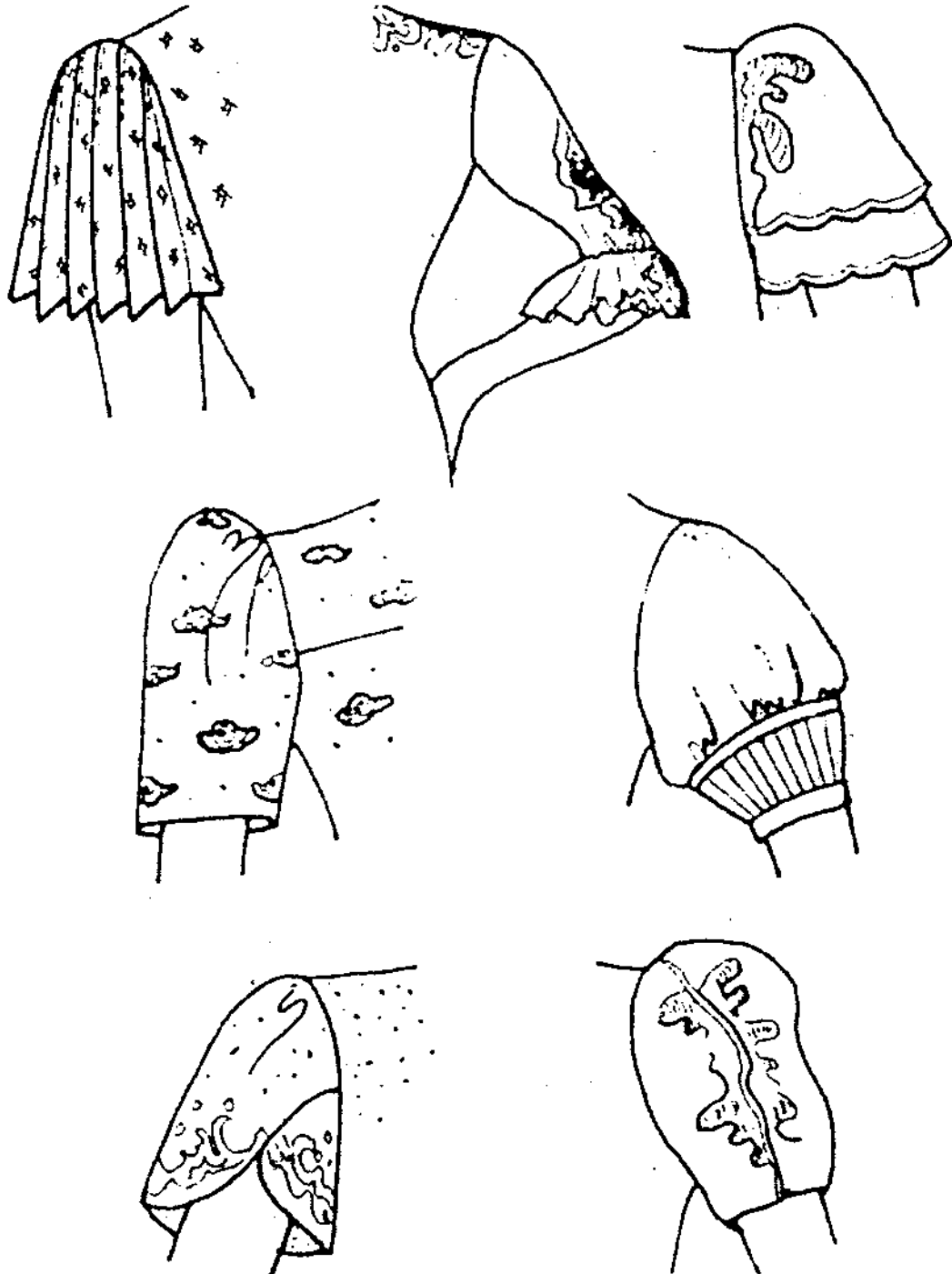
5. Tay loa :

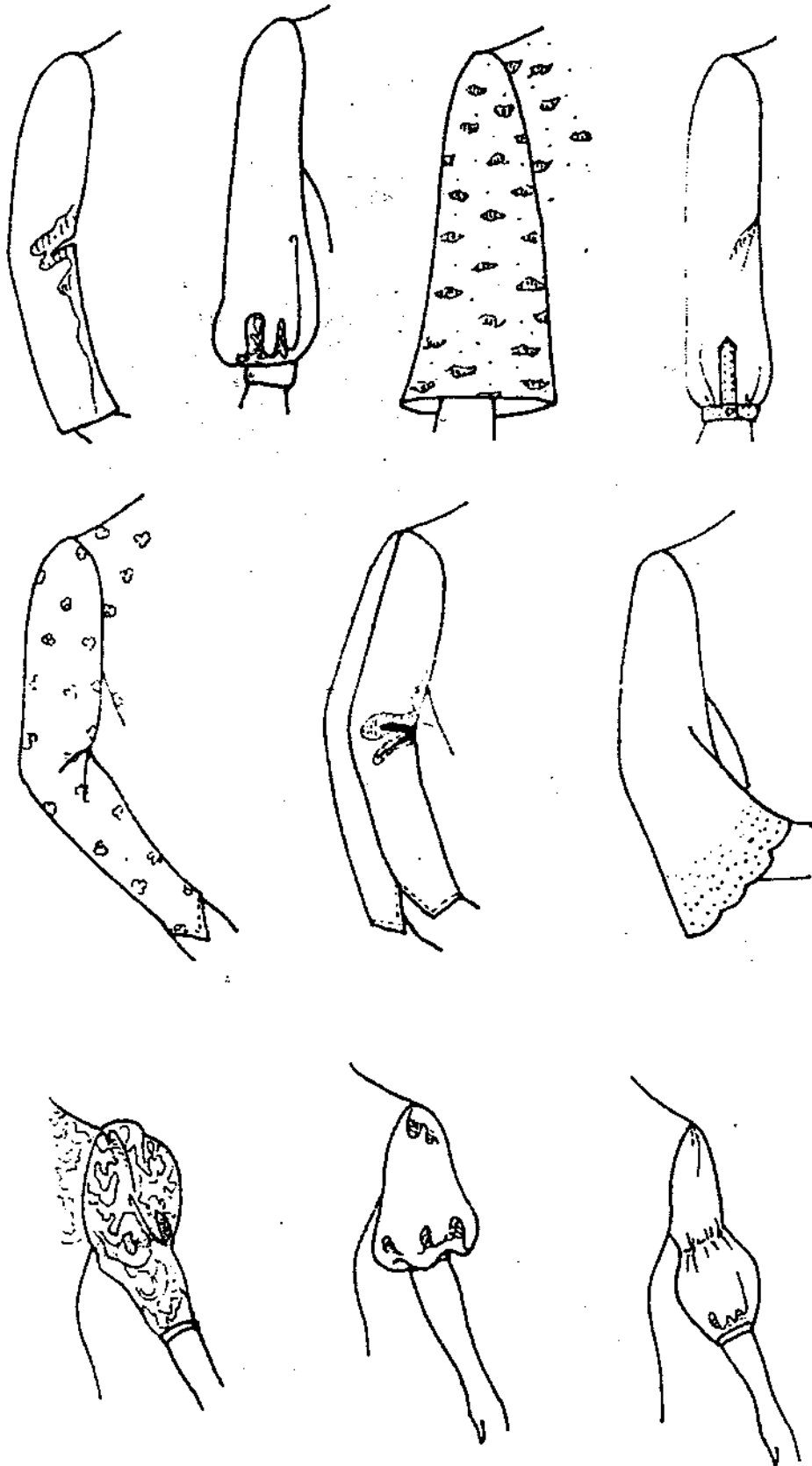


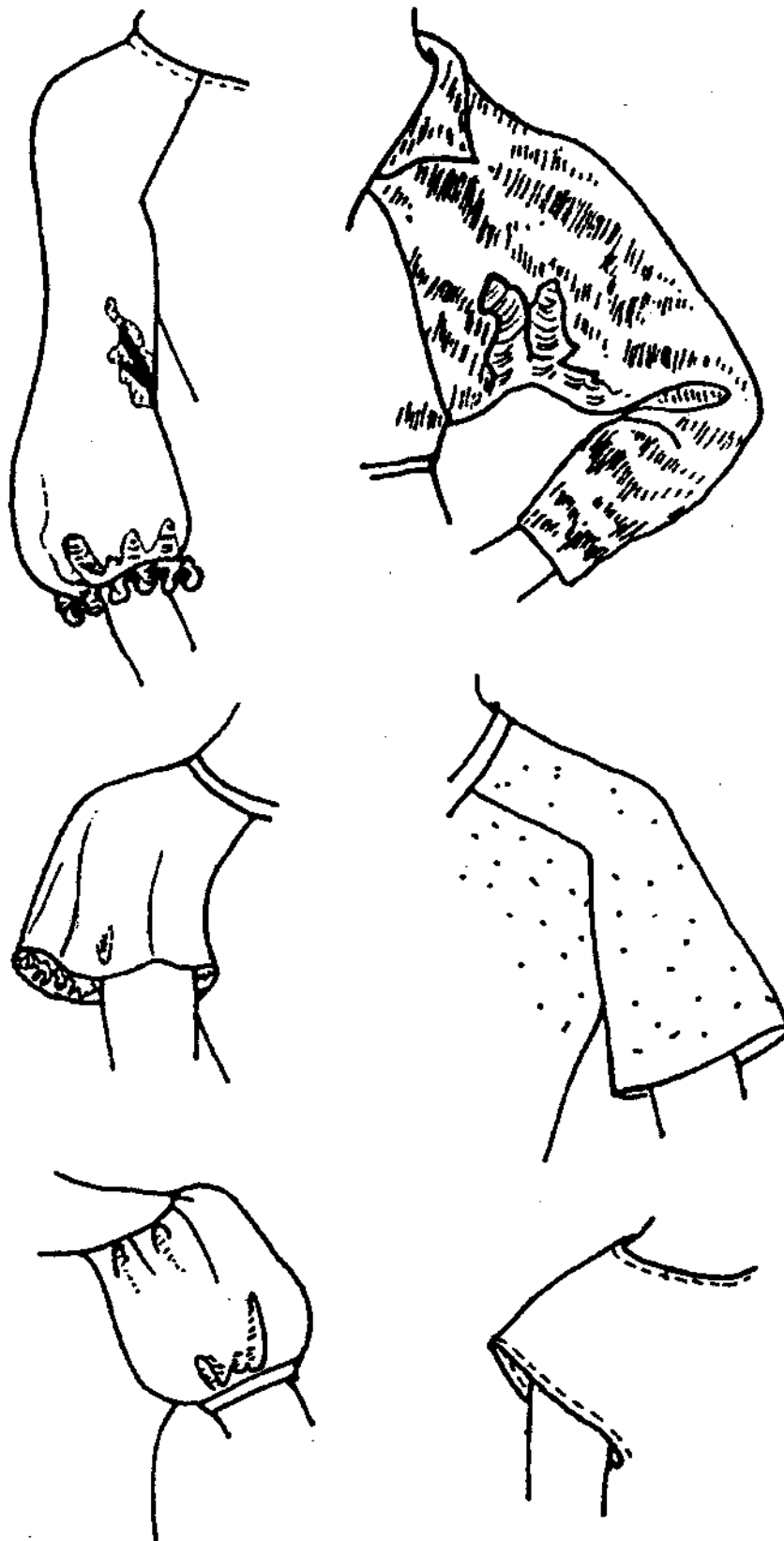


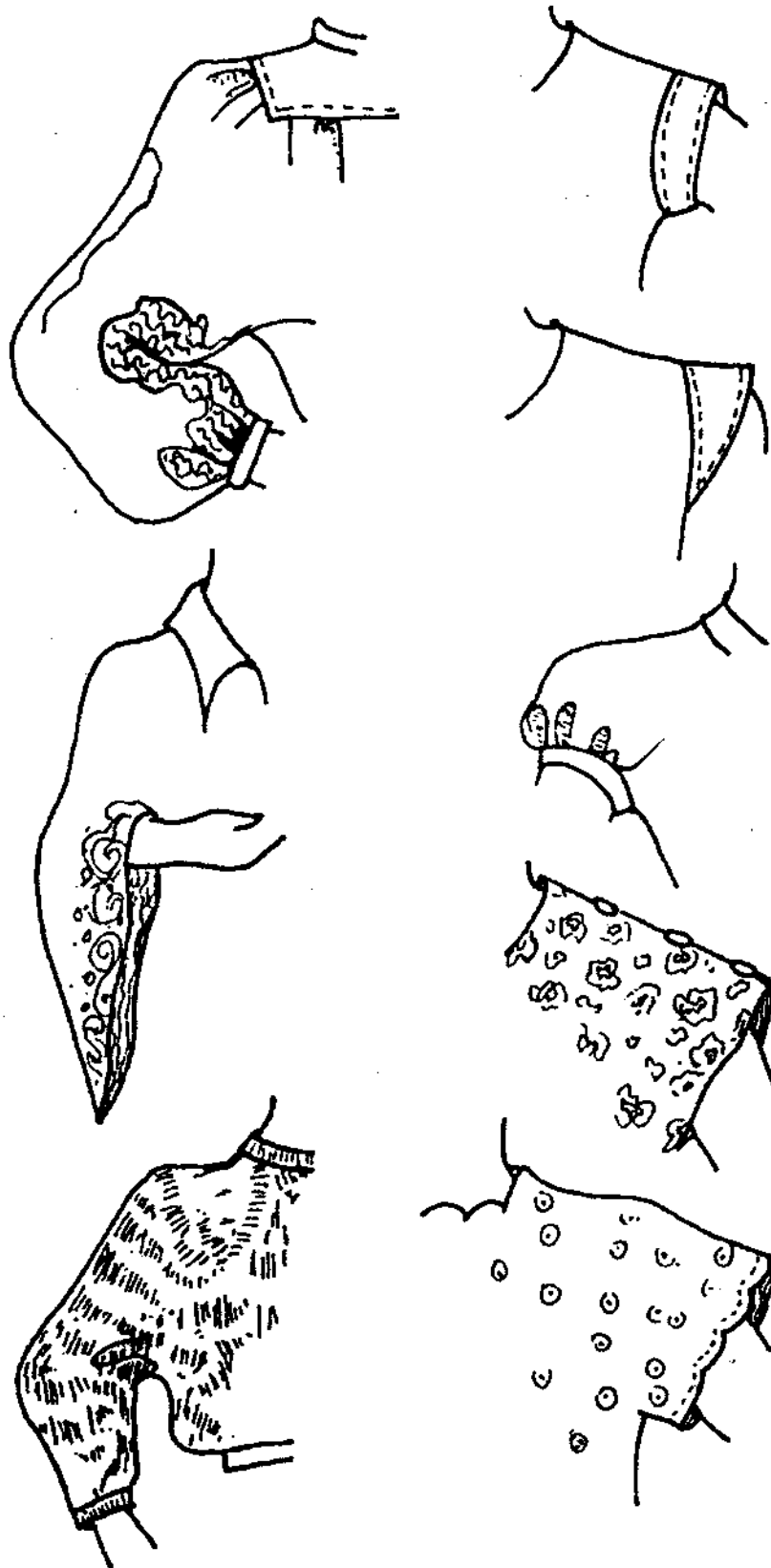


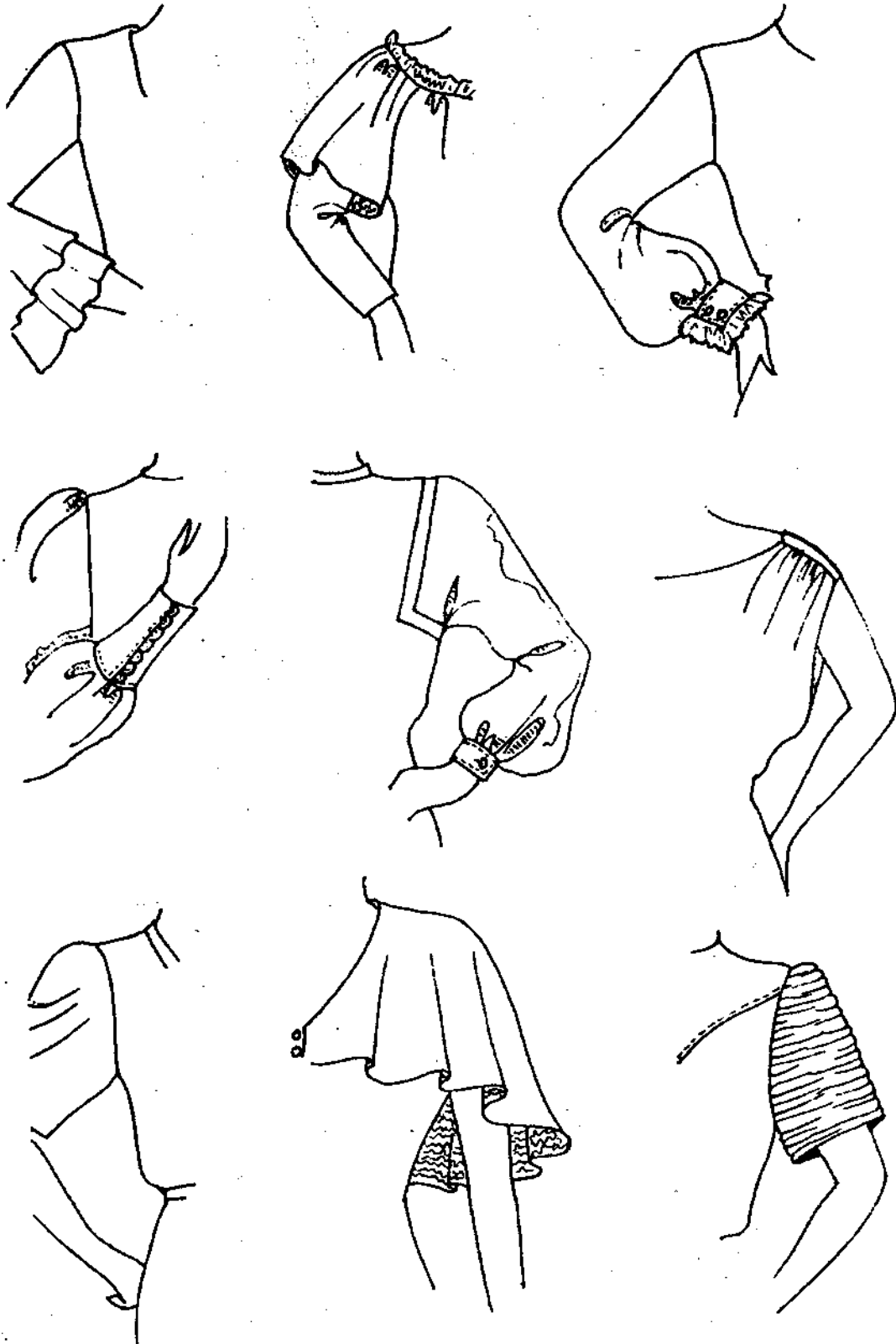


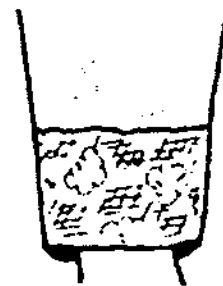
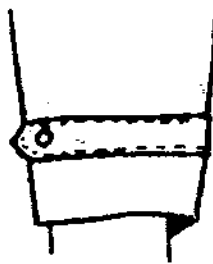
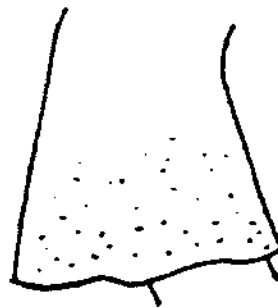
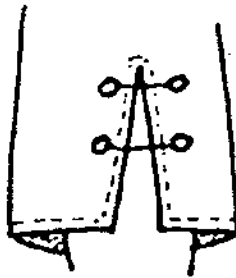
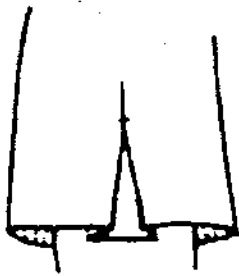
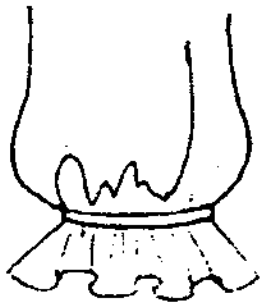
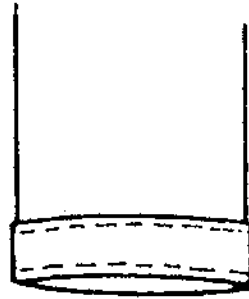
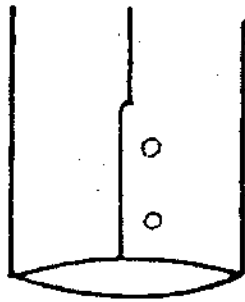
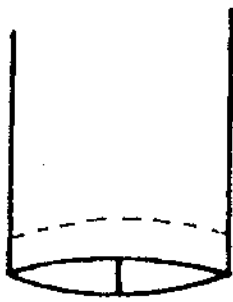


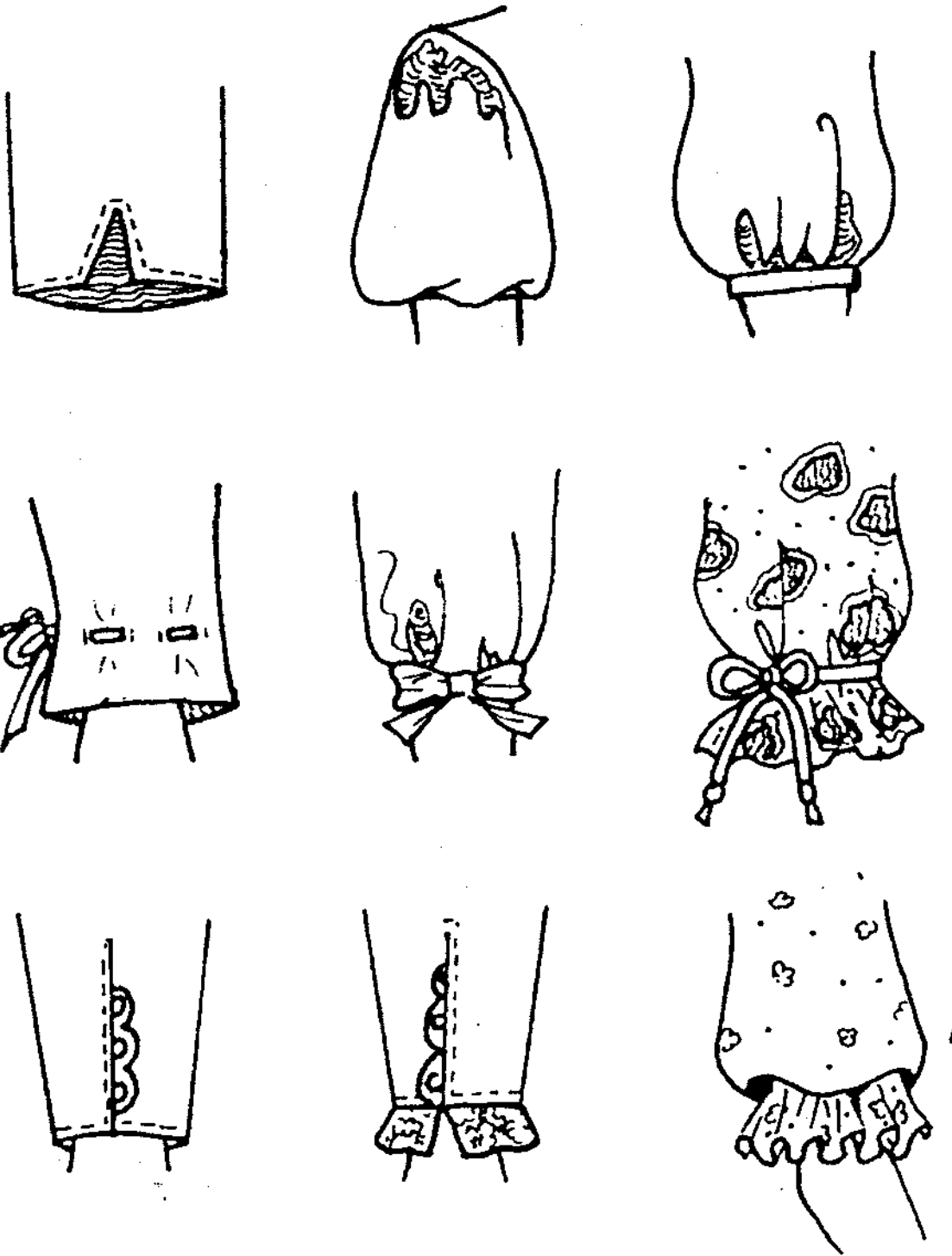


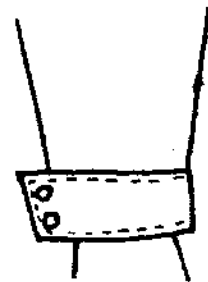
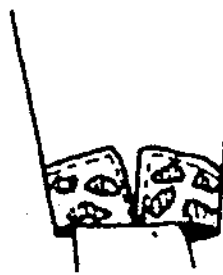
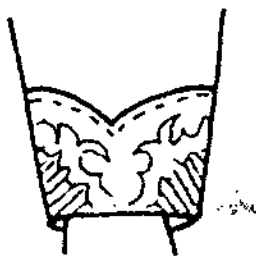
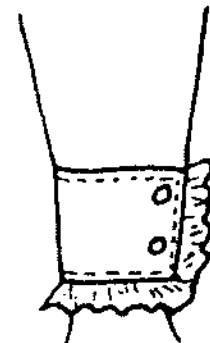
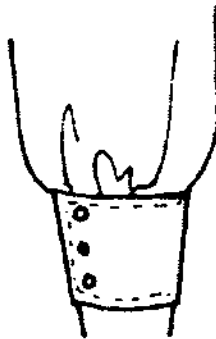
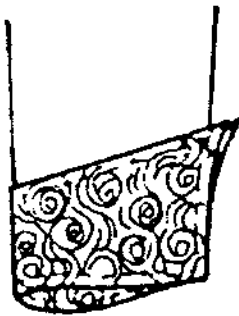
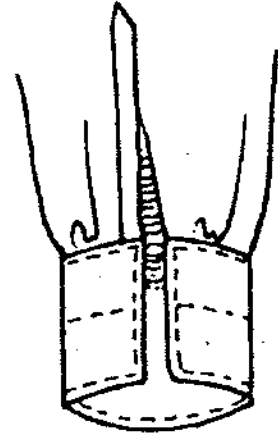
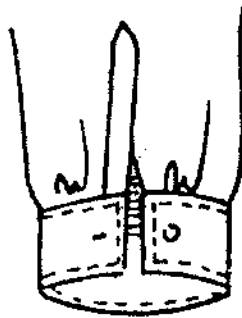
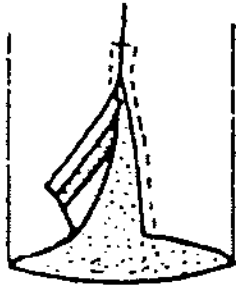


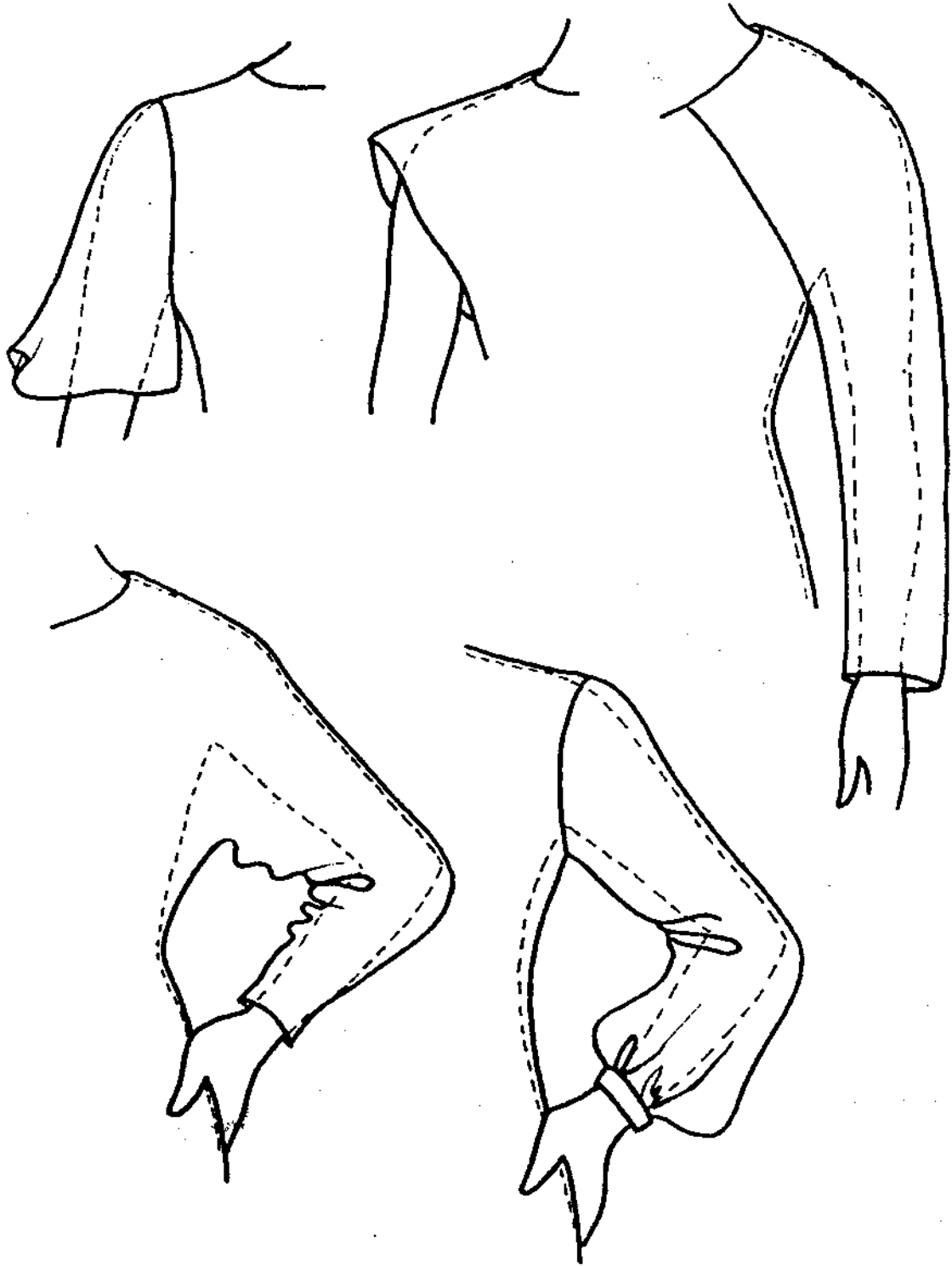






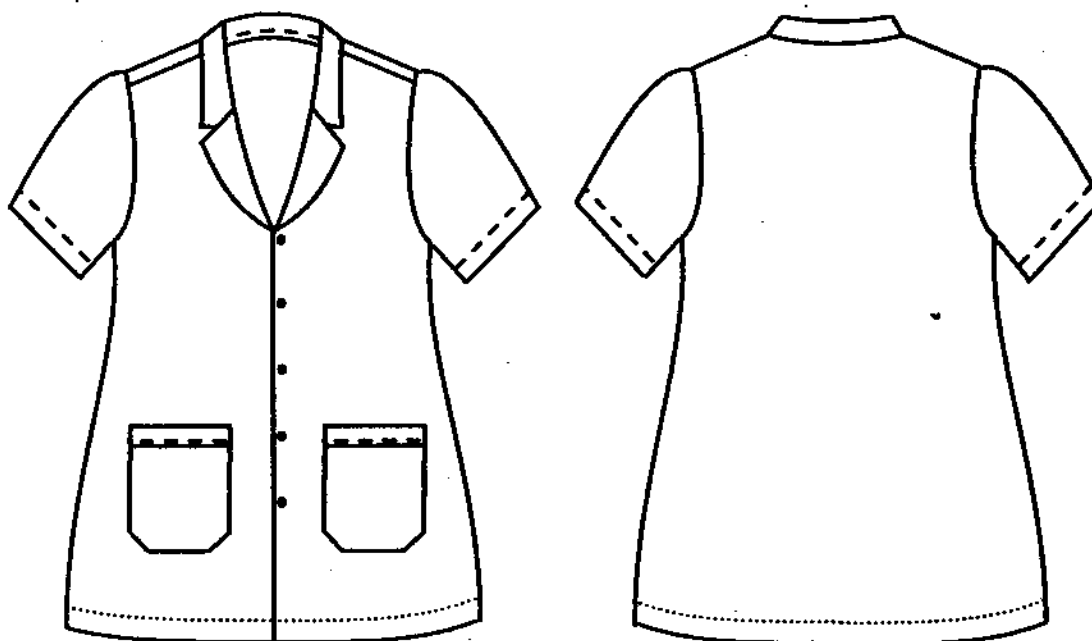




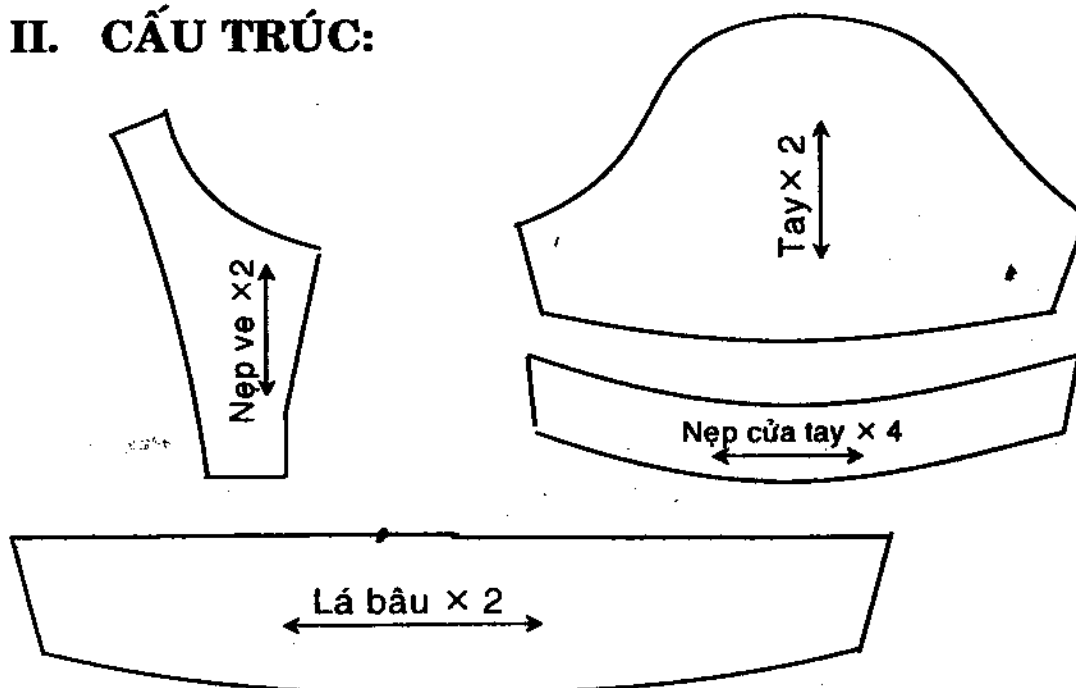


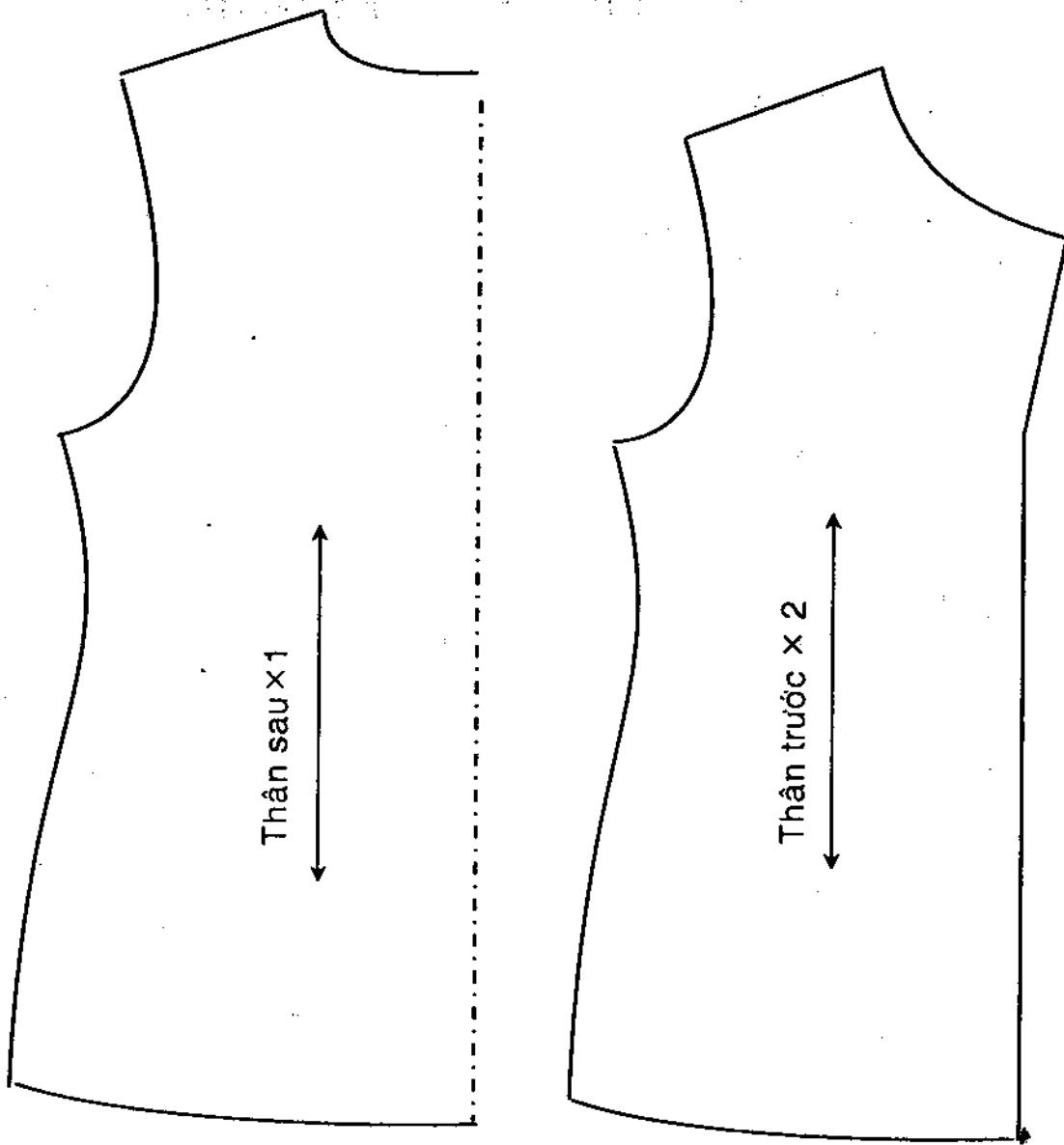
BÀI 3.7 : THIẾT KẾ ÁO PYJAMA

I. HÌNH DÁNG:



II. CẤU TRÚC:





III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khổ vải $0,9\text{m} = 2 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + \text{lai} + \text{đường may}$
- Khổ vải $1,2\text{m}$:
- Tay ngắn $= 2 (\text{dài áo} + \text{lai} + \text{đường may})$

- Tay dài = 2 (dài áo + lai + đường may) + 30 → 40cm
- Khố vải 1,4m → 1,6m = 1 (dài áo + dài tay + lai + đường may)

IV. NI MẪU:

- Dài áo : 50cm
- Ngang vai : 36cm
- Dài tay : 20cm
- Vòng cổ : 27cm
- Vòng ngực : 62cm

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

1. THÂN TRƯỚC:

a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt.
- Từ mép vải bên biên vải đo vào 3cm làm đỉnh áo sau khi đã cắt bỏ biên vải
- Từ đường đỉnh áo đo vào 1,5cm làm đường gài nút.
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

b. Cách vẽ:

- AB: Dài áo = Số đo dài áo – 1cm (chôm vai)

- BB_2 : Sa vạt = $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
- AC: Ngang vai = $1/2$ Vai - $0,5\text{cm}$
- CC_1 : Hạ vai = $1/10$ Vai + $0,5\text{cm}$

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- AA_1 : Vào cổ = $1/6$ vòng cổ
- AA_2 : Hạ cổ = $1/6$ vòng cổ + $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
- A_4 là điểm giữa của A_1A_3 .
- Nối A_2A_4 và chia làm 3 phần bằng nhau.
- Vẽ vòng cổ qua A_1 , điểm $1/3$ gần A_4 , A_2 . Từ A_2 kẻ ngang đường gài nút xuống $0,2\text{cm}$ và vạch đối xứng vòng cổ qua đường đỉnh áo.

❖ **Vẽ vòng nách:**

- C_1D_2 : Hạ nách trước = $1/4$ vòng ngực + $1 \rightarrow 3\text{cm}$
(tính từ đường ngang vai)
- DD_1 : Ngang ngực trước = $1/4$ vòng ngực + $3 \rightarrow 6\text{cm}$
- D_2D_3 : Vào nách tay = $2 \rightarrow 2,5\text{cm}$
- D_4 là điểm giữa của C_1D_3
- D_5 là điểm giữa của D_1D_4
- Vẽ vòng nách qua các điểm C_1 , D_4 , điểm giữa của D_3D_5 và D_1

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Hạ eo = Số đo hạ eo - chôm vai (Hoặc $DE = 13 \rightarrow 15\text{cm}$)
- EE_1 : Ngang eo trước = Ngang ngực trước - 2cm

- BB_1 : Ngang mông trước = ngang ngực trước + $0 \rightarrow 1\text{cm}$.
- Nối đường sườn D_1B_1
- B_1B_2 : Giảm sườn = $0,5 \rightarrow 1\text{cm}$
- Chia đường ngang mông BB_1 làm 3 phần bằng nhau, nối từ B_2 đến $1/3$ thứ nhất gần B_2 (vẽ trên đường sa vạt) và đánh cong lồi $0,3\text{cm}$.

2. THÂN SAU:

a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang mông thân trước cộng $1,5\text{cm}$ đường may. Xếp đôi vải bề trái ra ngoài, đường xếp đôi quay về phía người cắt.
- Vẽ lai bên tay trái, vẽ cổ bên tay phải.

b. Cách vẽ:

- AB : Dài áo sau = số đo dài áo + 1cm (chôm vai)
- Hoặc: Dài áo sau = Dài áo thân trước + 2 lần chôm vai
- AC : Ngang vai sau = $1/2$ vai + 1cm
- CC_1 : Hạ vai = $1/10$ vai + $0,5\text{cm}$

❖ Vẽ vòng cổ:

- AA_1 : Vào cổ sau = $1/6VC + 1\text{cm}$
- $AA_2 = A_1A_3$: Hạ cổ sau = Chôm vai + 1cm

- A_4 là điểm giữa A_2A_3
- A_5 là điểm giữa A_1A_4
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm A_1 , điểm giữa A_3A_5 , A_4 và A_2

❖ **Vẽ vòng nách:**

- C_1D_2 : Hạ nách sau = Hạ nách trước + 2 lần chồm vai
- DD_1 : Ngang ngực sau = Ngang ngực trước
- D_2D_3 : Vào nách tay sau = $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
- D_4 là điểm giữa của C_1D_3
- D_5 là điểm giữa của D_1D_4
- Vẽ vòng nách qua các điểm C_1 , D_4 , điểm giữa của D_3D_5 và D_1

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Hạ eo = Số đo hạ eo - chồm vai (Hoặc $DE = 13 \rightarrow 15\text{cm}$)
- EE_1 : Ngang eo sau = Ngang ngực sau - 2cm
- BB_1 : Ngang hông sau = Ngang hông trước
- Nối đường sườn thân sau D_1B_1
- B_1B_2 : Giảm sườn = $0,5 \rightarrow 1\text{cm}$
- Vẽ đường sườn thân sau.

❖ **Vẽ lai áo**

- Có thể vẽ thân sau bằng cách đặt thân trước lên thân sau sao cho đường cài nút trùng với cạnh vải xếp đôi của thân sau. Sang dấu lại

các đường ngang hông, ngang ngực, đường sườn thân trước. Từ đó xác định các điểm còn lại theo cách vẽ ở trên.

3. TAY ÁO:

- Cách xếp vải:
- Từ biên vải đo vào $1/2$ vòng nách + 0 → 1cm + 1,5 cm đường may
- Xếp đôi vải, bẻ trái ra ngoài, đường xếp quay vào trong người cắt.

❖ Cách vẽ:

- AB: Dài tay = Số dài tay
- CD: Ngang tay = $1/2$ vòng nách + 0 → 1cm
- AC: Hạ nách tay = $1/10$ vòng ngực + 3 → 4cm
- AD = $1/2$ (vòng nách trước + vòng nách sau).
- B₁B₂: Giảm sườn = 0,5 → 1 cm
- B₂B₃: Nẹp cửa tay = 2,5 → 3 cm
- **Chú ý đo đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo.**
- B₁B₄: Cửa tay = Ngang nách tay - 2,5 → 3 cm

4. VẼ TÚI ÁO:

- AB: Rộng miệng túi = $1/4$ ngang vai + 1 → 3cm
- BC = AD: Sâu túi = Rộng miệng túi + 2 cm
- CD: Rộng đáy túi = rộng miệng túi

- $AA_1 = BA_2 =$ thành phẩm nẹp miệng túi

5. VẼ BÂU ÁO:

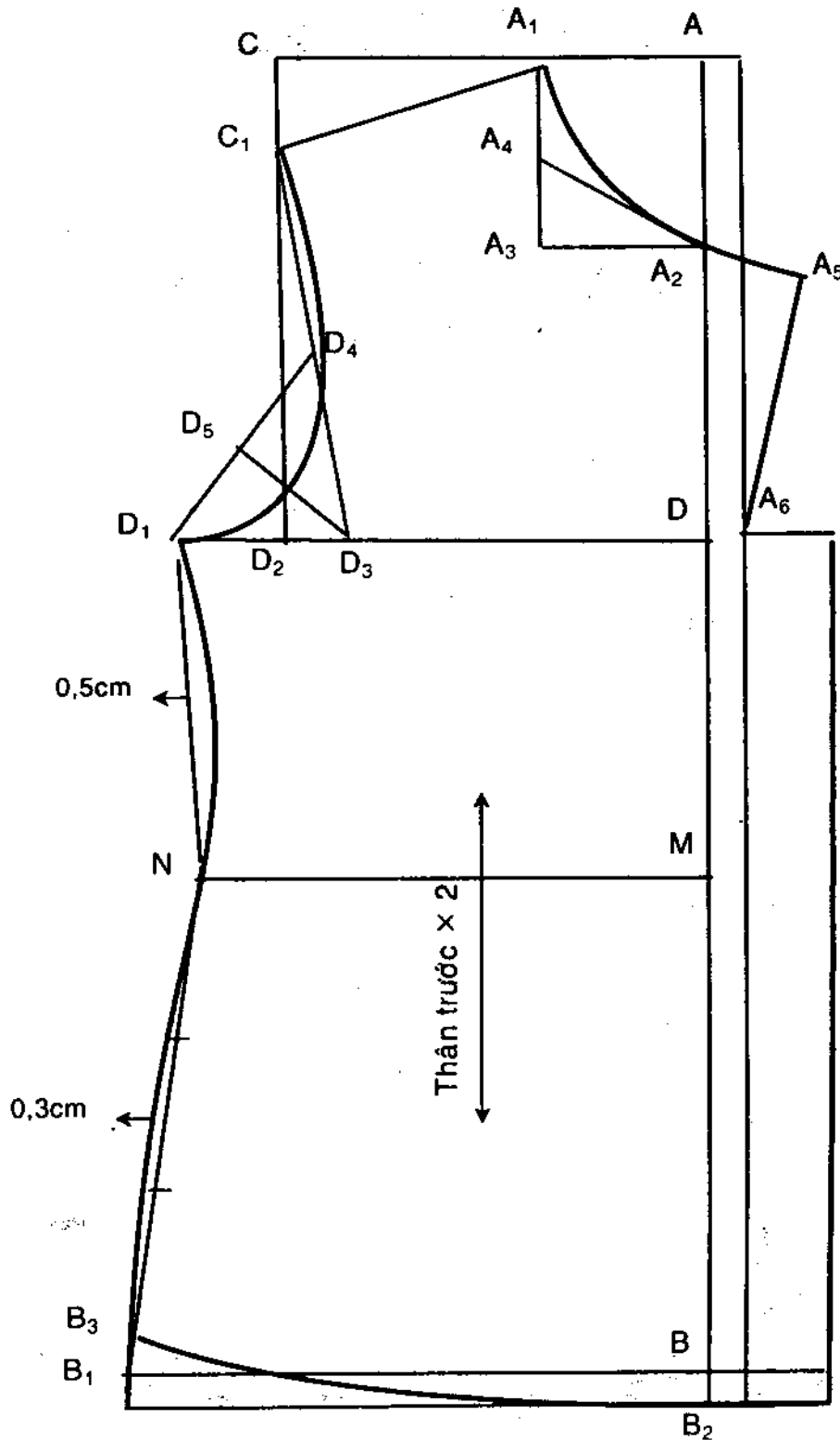
❖ Vẽ lá cổ:

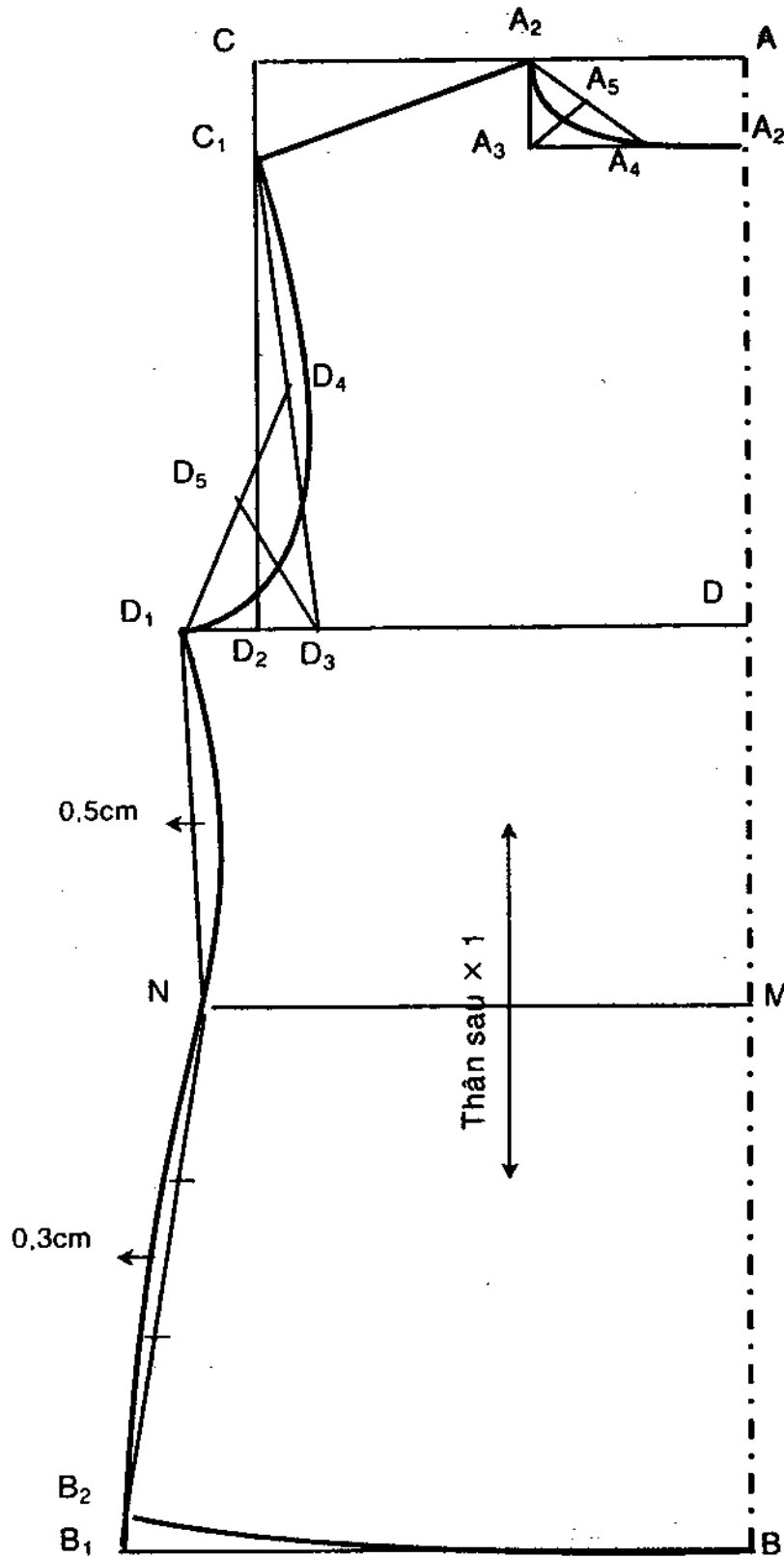
- Vẽ hình chữ nhật ABCD.
- $AB = 1/2$ vòng cổ đo trên thân áo - 3 → 4cm
(ve áo)
- $AC = BB_2$: Cao lá bầu = 5 → 6cm
- $BB_1 = 2$ cm
- $B_2B_3 = 1 \rightarrow 2$ cm

6. CÁCH GIA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

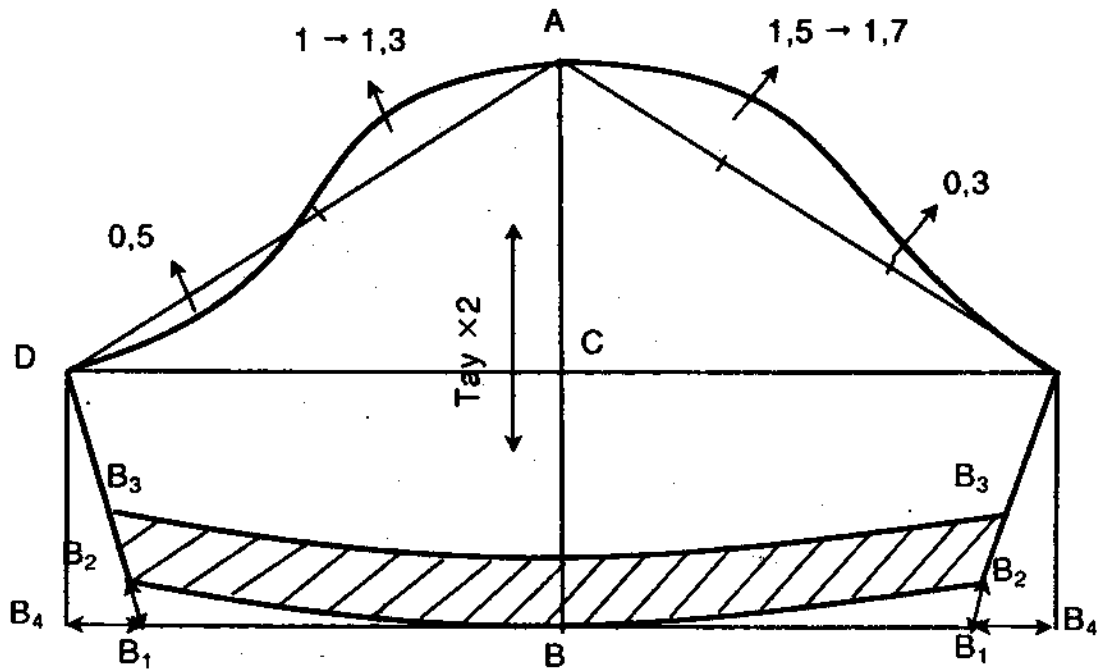
- Sườn áo, vòng nách, vai con, gia đường may 1cm.
- Vòng cổ gia đường may 0,6 cm.
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Sườn tay, vòng nách tay gia đường may 1cm
- Lai tay gia đường may 2 cm
- Chân cổ gia đường may đều 1 cm
- Lá cổ gia đường may đều 1 cm

❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**

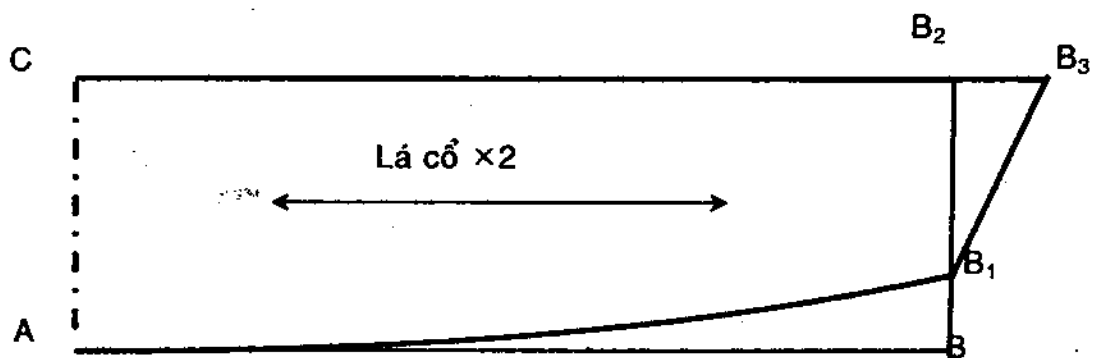




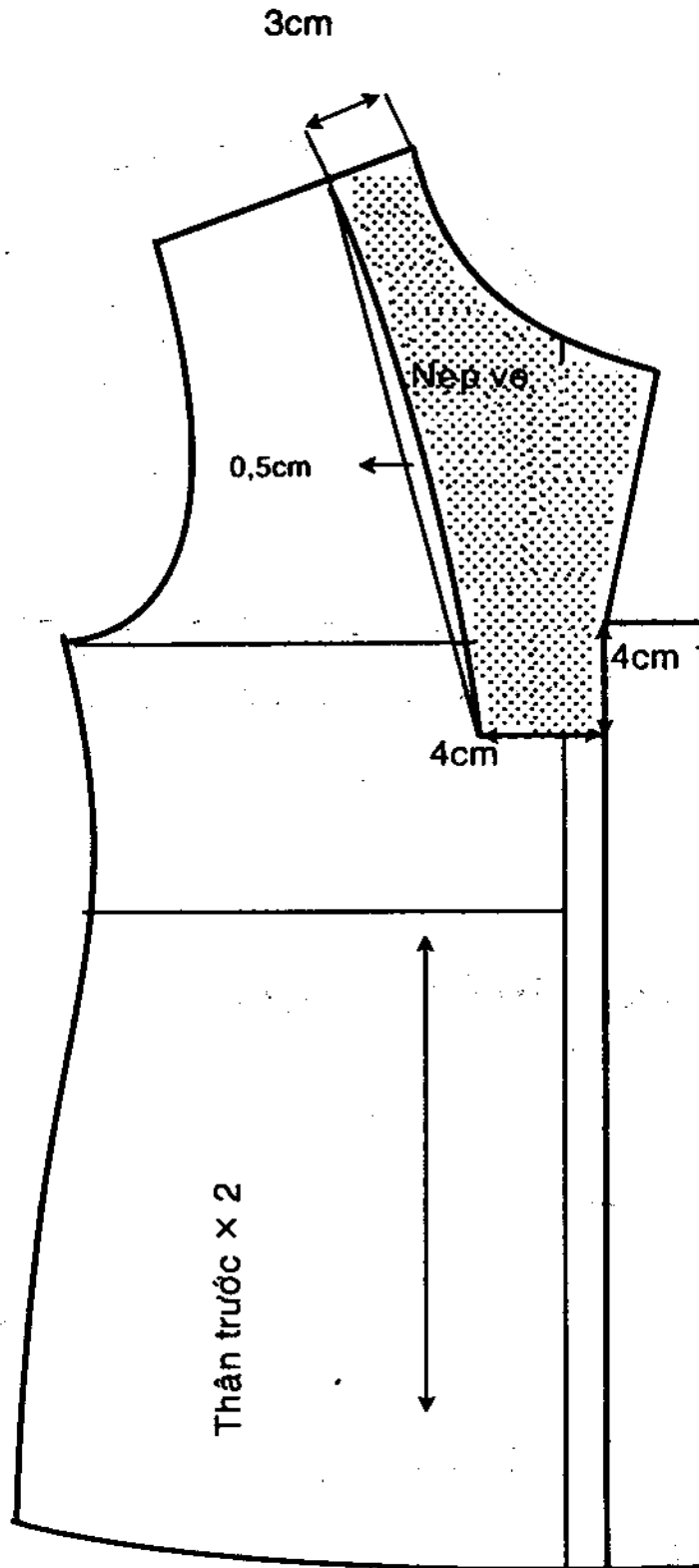
❖ **THÀNH PHẨM TAY ÁO, NỆP CỦA TAY**



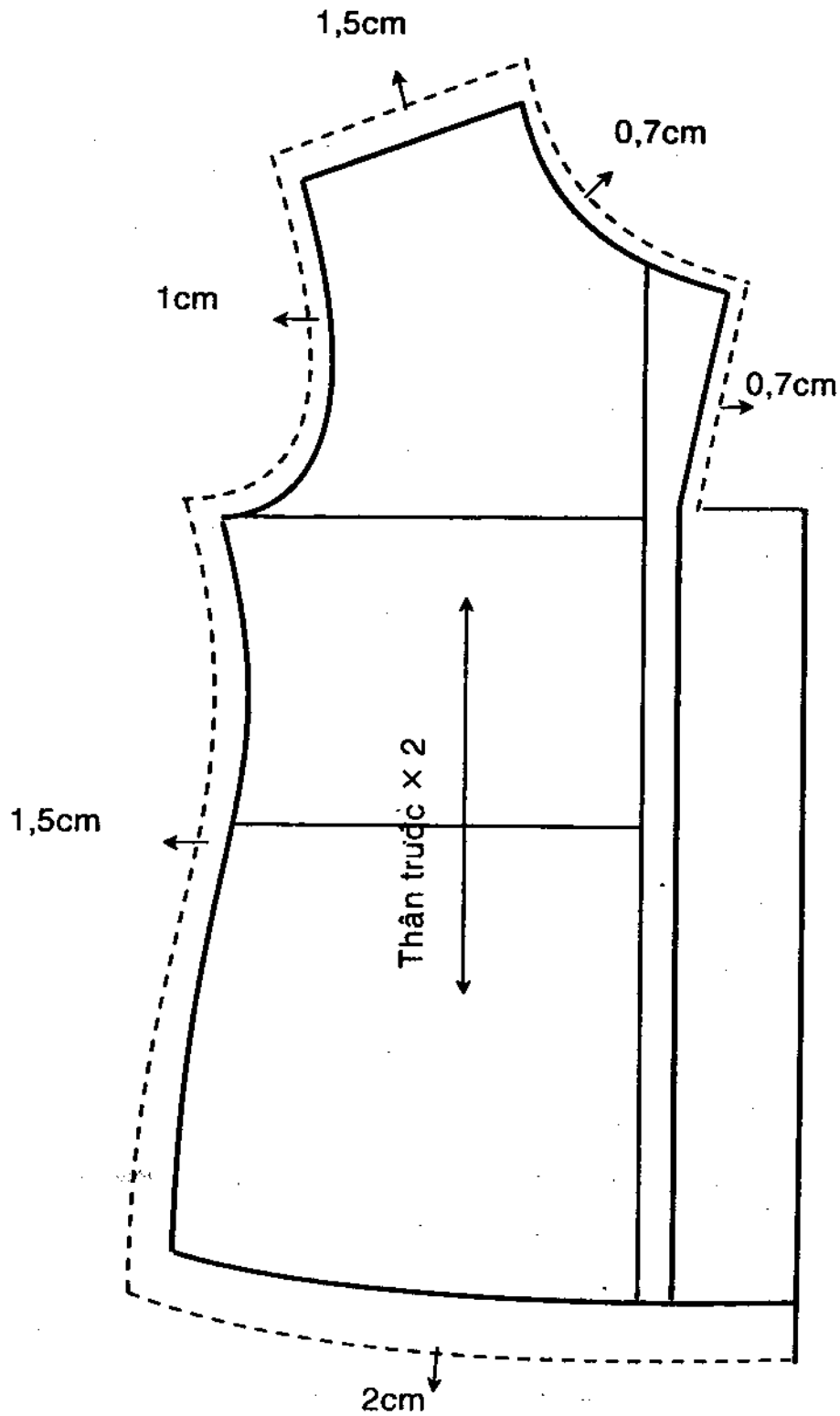
❖ **THÀNH PHẨM LÁ BÂU**

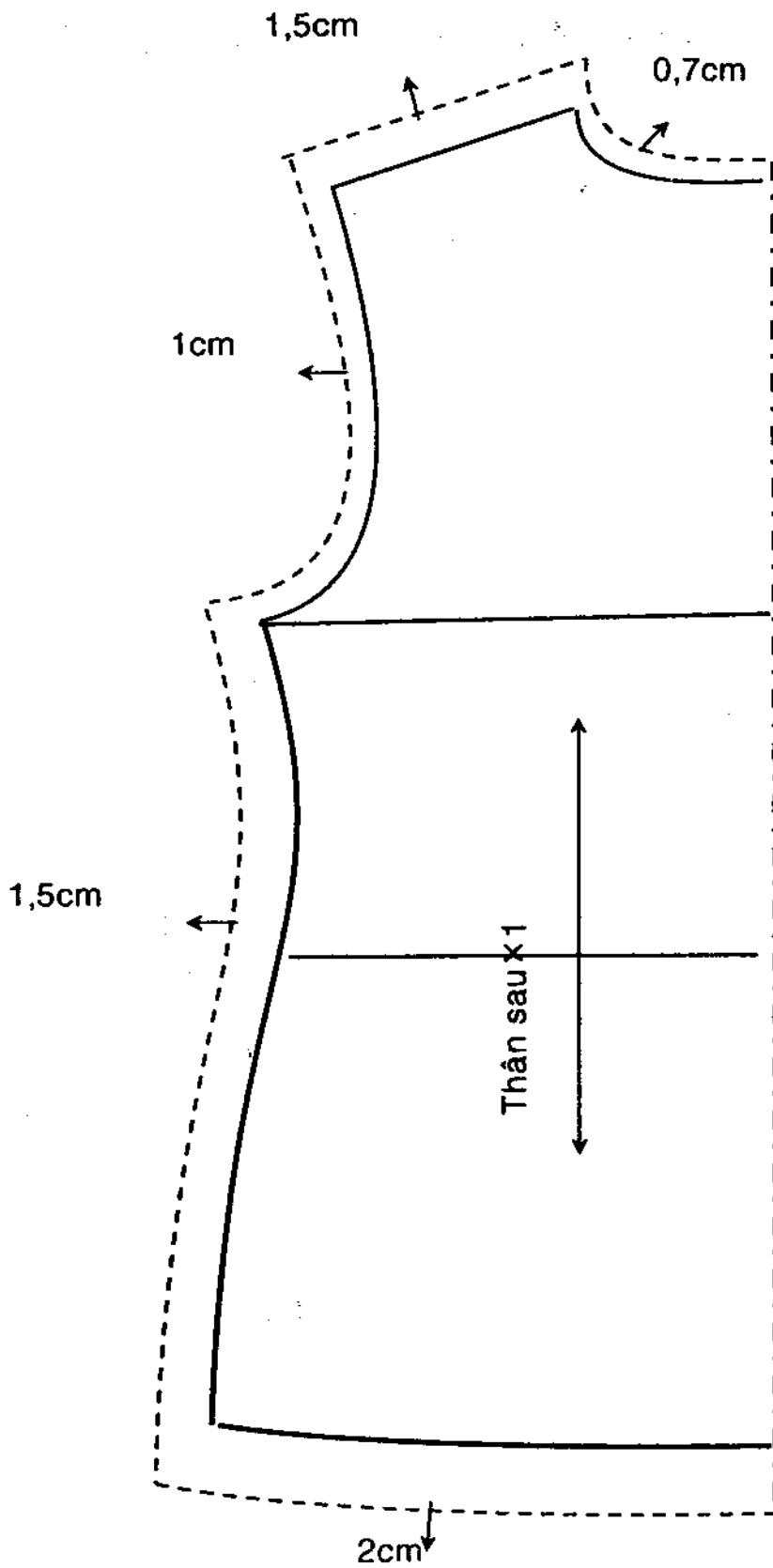


❖ **THÀNH PHẨM NẾP VE**



❖ **BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**





❖ **THÀNH PHẨM TAY ÁO, LÁ BÂU, NỆP TAY, NỆP VE**

